

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1: Số thực.	Nội dung 1: Các phép tính với số thực.		Số câu: 1 (Bài 1a) Điểm: (0,5 đ)		Số câu: 2 (Bài 1b, c) Điểm: (1,5 đ)		Số câu: 1 (Bài 5) Điểm: (1,0 đ)		Số câu: 1 (Bài 6) Điểm: (1,0 đ)	6,0
		Nội dung 2: Tìm x.		Số câu: 1 (Bài 2a) Điểm: (0,5 đ)		Số câu: 1 (Bài 2b) Điểm: (0,75 đ)		Số câu: 1 (Bài 2c) Điểm: (0,75 đ)			
2	Chủ đề 2: Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.				Số câu: 1 (Bài 3) Điểm: (1,0 đ)					2,0
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.						Số câu: 1 (Bài 4) Điểm: (1,0 đ)			

3	Chủ đề 3: Hình học phẳng	Nội dung 1: Các góc ở vị trí đặc biệt				Số câu: 1 (Bài 7) Điểm: (2,0 đ)					2,0
Tổng: Số câu Điểm				2 1		5 5,25		2 2,75		1 1,0	10
Tỉ lệ %			10%		52,5%		27,5%		10%		100
Tỉ lệ chung			62,5%				37,5%				100

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 7

TT	Chương/ Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ.	Nội dung 1: Các phép tính với số thực.	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực.	Bài 1: a			
			Thông hiểu: – vận dụng tính chất phân phối của phép nhân và phép cộng trong tập hợp các số thực.		Bài 1: b, c		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số thực.				Bài 5
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số thực.			Bài6	
		Nội dung 2: Tìm x	Nhận biết: – Nhận biết được quy tắc chuyển vế trong tìm các số thực x.	Bài2: a			
			Thông hiểu: – Thông hiểu việc phối hợp các phép tính trong tìm số thực x		Bài 2: b		
			Vận dụng: – Vận dụng được tìm x dưới dấu giá trị tuyệt đối.			Bài 2: b	

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

	Chương/ Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
TT	Hình học và đo lường	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	Thông hiểu: – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.		Bài 3		
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).			Bài 4	
3	Hình học phẳng	Nội dung 1: Các góc ở vị trí đặc biệt	Nhận biết – Học sinh nhận biết được vị trí các góc ở vị trí đặc biệt và có thể áp dụng tính chất tìm số đo các góc ở vị trí đặc biệt.		Bài 7		

C – ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 7

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS PHÚ HÒA ĐÔNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I Năm học: 2023-2024
MÔN TOÁN 7

THỜI GIAN: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} : (-\frac{20}{21})$

b) $\frac{3}{8} \cdot \frac{-4}{5} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-1}{5}$

c) $1\frac{2}{3} + (\frac{-3}{4})^2 \cdot \frac{5}{3} - (-0,5)$

Bài 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:

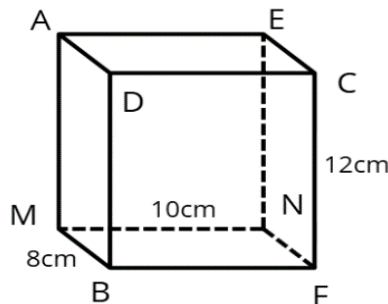
a) $x + \frac{2}{5} = 2\frac{1}{3}$

b) $\frac{1}{3}x - \frac{2}{3} = 1,2$

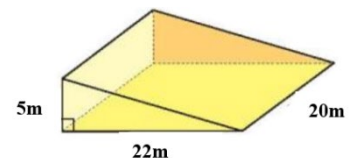
c) $7 \cdot |x| = \sqrt{49}$

Bài 3: (1,0 điểm)

Một hộp quà hình hộp chữ nhật AECD.MNFB có CF = 12cm; MN = 10cm; MB = 8cm.
Tính diện tích xung quanh và thể tích của hộp quà này.



Bài 4: (1,0 điểm) Để thi công một con đê, người ta đúc một khối bê tông hình lăng trụ đứng tam giác có kích thước như hình 1. Hãy tính thể tích của khối bê tông.

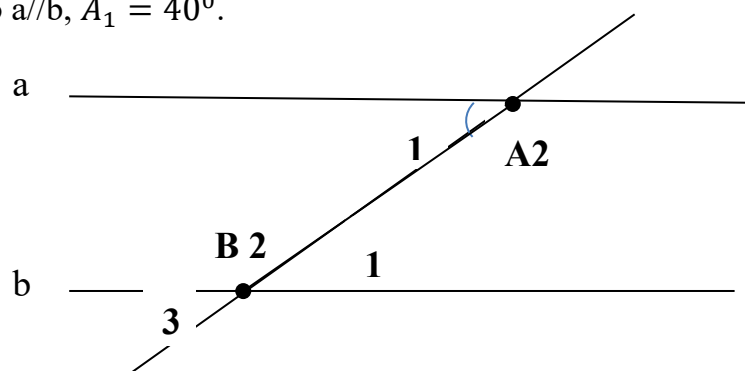


Hình 1

Bài 5: (1,0 điểm) Chị Hạnh mua hai món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá 450 000 đồng và được giảm giá 20%, món hàng thứ hai giá 300 000 đồng và được giảm giá 15%. Hỏi khi mua hai món hàng đó thì tổng số tiền chị Hạnh phải trả là bao nhiêu?

Bài 6: (1,0 điểm) Một kho gạo có 48 tấn gạo, ngày thứ nhất xuất đi $\frac{3}{4}$ số gạo trong kho, ngày thứ hai xuất đi $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại. Hỏi kho còn lại bao nhiêu tấn gạo?

Bài 7: (2,0 điểm) Cho hình vẽ, Cho $a // b$, $\hat{A}_1 = 40^\circ$.



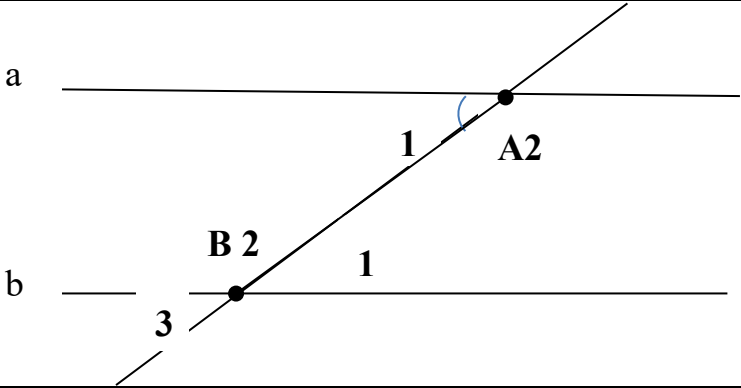
Hãy tìm số đo $\hat{A}_2$; $\hat{B}_1$; $\hat{B}_2$; $\hat{B}_3$.

❧ HẾT ❧

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KÌ I KHỐI 7

I.

Bài	Đáp án	Điểm
1 (2đ)	Bài1a (0,5 điểm): $\frac{3}{7} + \frac{4}{7} : (-\frac{20}{21})$	
	$= \frac{3}{7} + \frac{4}{7} \cdot (-\frac{21}{20}) = \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} = \frac{-6}{35}$	0,5 đ
	Bài1b(0,75 điểm).	
	$\frac{3}{8} \cdot \frac{-4}{5} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-1}{5} = \frac{3}{8} \cdot (\frac{-4}{5} + \frac{-1}{5}) = \frac{3}{8} \cdot (-1) = \frac{3}{8}$	0,75đ
	Bài1c(0,75 điểm).	
	$1\frac{2}{3} + (\frac{-3}{4})^2 \cdot \frac{5}{3} - (-0,5) = \frac{5}{3} + \frac{9}{16} \cdot \frac{5}{3} + 0,5 = \frac{5}{3} + \frac{15}{16} + \frac{1}{2}$ $= \frac{149}{48}$	0,75đ
2 (2 đ)	Bài 2a (0,5điểm). a) $x + \frac{2}{5} = 2\frac{1}{3}$	
	$x = \frac{5}{3} - \frac{2}{5}$	0.5 đ
	$x = \frac{19}{15}$	
	Bài 2b(0,75điểm). b) $\frac{1}{3}x - \frac{2}{3} = 1,2$	0.75đ
	$\frac{1}{3}x = \frac{6}{5} + \frac{2}{3} \Leftrightarrow \frac{1}{3}x = \frac{28}{15} \Leftrightarrow x = \frac{28}{15} : \frac{1}{3} \Leftrightarrow x = \frac{28}{5}$	
	Bài 2c(0,75 điểm). c) $7 \cdot x = \sqrt{49}$	
	$7 \cdot x = 7$	0.25đ
	$ x = 7:7 \Leftrightarrow x = 1$	0.25đ
	$x = 1$ hoặc $x = -1$	0.25đ
Bài 3(1,0 điểm).	Diện tích xung quanh của hộp quà: $S_{xq} = 2 \cdot (10 + 8) \cdot 12 = 432 (\text{cm}^2)$	0,5 đ
	Thể tích của hộp quà: $V = 10 \cdot 8 \cdot 12 = 960 (\text{cm}^3)$	0,5 đ

Bài 4(1,0 điểm)	Diện tích một đáy của hình lăng trụ là : $S_{\text{đáy}} = \frac{5.22}{2} = 55 \text{ (m}^2\text{)}$ Thể tích của hình lăng trụ đứng là: $V = S_{\text{đáy}} . h = 55.20 = 1100 \text{ (m}^3\text{)}$	0,5 đ 0,5 đ
Bài 5(1,0 điểm)	Tổng số tiền chị Hạnh phải trả khi mua là: $450000.(100\% - 20\%) + 300000.(100\% - 15\%) = 615\,000 \text{ (đồng)}$	1 đ
Bài 6(1,0 điểm)	Số gạo kho xuất đi ngày thứ nhất là: $48 . \frac{3}{4} = 36 \text{ (tấn)}$	0.25
	Số gạo còn lại sau ngày thứ nhất là: $48 - 36 = 12 \text{ (tấn)}$	0.25
	Số gạo còn lại trong kho là: $48 - 36 - 12 . \frac{3}{4} = 4 \text{ (tấn)}$ Vậy trong kho còn lại 4 tấn gạo.	0.5
Bài 6(2,0 điểm)		
	Vì $\hat{A}_1$ và $\hat{A}_2$ là 2 góc kề bù nên $\hat{A}_2 + \hat{A}_1 = 180^\circ$ $\hat{A}_2 + 40^\circ = 180^\circ$ $\hat{A}_2 = 140^\circ$	0,5 đ
	Vì $a // b$, $\hat{A}_1$ và $\hat{B}_1$ là 2 góc so le trong, nên: $\hat{A}_1 = \hat{B}_1 = 40^\circ$	0,5 đ
	Vì $a // b$, $\hat{A}_1$ và $\hat{B}_3$ là 2 góc đồng vị, nên: $\hat{A}_1 = \hat{B}_3 = 40^\circ$	0,5 đ
	Vì $a // b$, $\hat{A}_2$ và $\hat{B}_2$ là 2 góc so le trong, nên: $\hat{A}_2 = \hat{B}_2 = 140^\circ$	0,5 đ

Ghi chú: **Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.**

KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2023– 2024

UBND- HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS BÌNH HÒA

MÔN: TOÁN 7
NĂM HỌC 2023– 2024
Thời Gian :90 phút

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KTCK 1 MÔN TOÁN 7

T T (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/ đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	các phép tính trên số thực	phối hợp phép tính cộng , trừ , nhân (chia) và cộng (trừ), tìm giá trị x		10%		15%					25%
		phối hợp nhiều phép tính , tìm giá trị x				10%		10%			20%
2	Bài toán thực tiễn về số	Dạng khuyến mãi (tăng hoặc giảm). tính tiền còn lại				5%		5%			10%
3	Hình khối trong thực tiễn	tính thể tích , diện tích xung quanh , diện tích toàn phần hình lăng trụ đứng tam giác		5%		5%					10%
		toán thực tiễn								5%	5%
4	thống kê và xác suất	thu thập và phân loại dữ liệu		5%		5%					10%
5	Góc và đường	tính số đo góc , chứng tỏ hai đường thẳng		10%				5%		5%	

	thẳng song song	song song									20%
Tổng				30%		40%		20%		10%	100%
Tỉ lệ %			30-40%		30-40%		20-30%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

II. BÀN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KTCK1 MÔN TOÁN 7

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	các phép tính trên sô thực	<i>phối hợp phép tính cộng , trừ , nhân (chia) và cộng (trừ) , tìm giá trị x</i>	Thông hiểu : biết tính phối hợp hai phép tính cộng và trừ . nhân (hoặc chia) và cộng (hoặc trừ), tìm giá trị x cho một phép toán cộng (hoặc trừ)	2	2		
		<i>phối hợp nhiều phép tính , tìm giá trị x</i>	vận dụng - Thực hiện phối hợp các phép toán cộng , trừ , nhân ,chia, nâng lên lũy thừa cho một bài tính - tìm giá trị x có hai phép toán		2		
3	Bài toán thực tiễn về số	<i>Dạng khuyến mãi (tăng hoặc giảm). tính tiền còn lại</i>	Nhận biết: – Xác định được % giảm giá			1	
			Thông hiểu: – Tính được giá bán 1 cái quần Jean và 2 cái áo sơ mi sau khi giảm giá				
			Vận dụng				

			– tính được số tiền còn lại				
4	Các hình khối trong thực tiễn	<i>Hình lăng trụ đứng tam giác</i>	Nhận biết: – Xác định chiều cao đáy tam giác, chiều cao hình			1	
			Thông hiểu: – Tính được diện tích xung quanh, thể tích, diện tích toàn phần của của hình lăng trụ đứng tam giác		1		
			Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hình lăng trụ đứng tam giác				
5	thống kê và xác suất	thu thập và phân loại dữ liệu	Nhận biết : biết so sánh các dữ liệu trong bảng	1	1		
			thông hiểu : tính số trung bình				
6	Góc và đường thẳng song song	hai đường thẳng song song tính số đo các góc tạo bởi hai đường thẳng song song	Nhận biết hai đường thẳng song	1			
		tính số đo các góc tạo bởi hai đường thẳng song song	vận dụng :tính số đo y trên hình Vận dụng cao : tính số đo x trên hình			1	1
Tổng				4	6	3	1
Tỉ lệ %				28,6%	42,9%	21,4%	7,1%
Tỉ lệ chung				71,4 %		28,6 %	

III. ĐỀ KIỂM TRA

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS – BÌNH HÒA

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRACUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN :TOÁN 7

Thời gian: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (3,0 điểm) Thực hiện phép tính sau:

a) $\frac{5}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{3}{4}$

b) $\frac{9}{2} - \left(\frac{4}{3}\right)^2 : \frac{8}{36}$

c) $\sqrt{\frac{9}{16}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^3 - \left|-\frac{7}{11}\right| \cdot 1\frac{2}{9}$

d) $\left(\frac{-1}{4} + \frac{3}{5}\right) \cdot \frac{7}{2} + \left(\frac{-3}{4} + \frac{2}{5}\right) \cdot \frac{7}{2}$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $x - 1\frac{1}{4} = 2\frac{1}{3}$

b) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$

Bài 3. (1,0 điểm) Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau:

Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 4.(1,5 điểm) Người ta thiết kế một quyển lịch để bàn từ một tấm bìa cứng hình chữ nhật, sau đó chia thành ba phần bằng nhau và gấp lại thành một hình lăng trụ tam giác đều có độ dài mỗi cạnh bằng 9cm và chiều dài thân lịch bằng 21cm. (như hình vẽ bên)



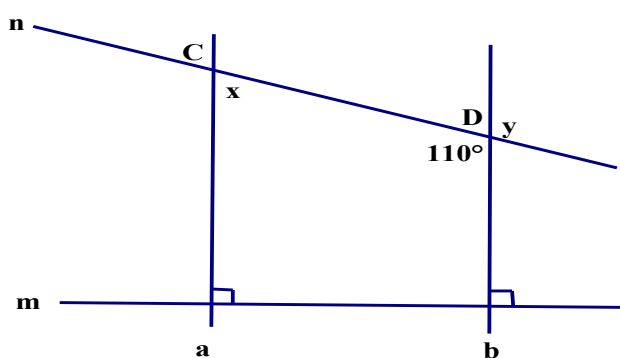
- a) Hãy tính diện tích xung quanh của tấm lịch khi được gấp hoàn thành.
- b) Chi phí in 1m^2 giấy lịch là 300 000đồng. Hỏi in 100 quyển lịch như trên sẽ hết tổng chi phí bao nhiêu?

Bài 5: (1 điểm) Kết quả tìm hiểu về sở thích chơi game của 10 bạn học sinh trong một trường Trung học cơ sở được cho bởi bảng thống kê sau:

STT	Tuổi	Giới tính	Sở thích
1	13	Nam	Rất thích
2	14	Nữ	Thích
3	12	Nam	Thích
4	13	Nam	Rất thích
5	11	Nữ	Thích
6	14	Nữ	Không thích
7	12	Nữ	Không thích
8	12	Nam	Thích
9	14	Nam	Rất thích
10	11	Nữ	Thích

- a) Hãy cho biết các loại mức độ thể hiện sự yêu thích chơi game của 10 học sinh trên.
- b) Độ tuổi trung bình của các bạn được điều tra là bao nhiêu?

Bài 6: (2,0 điểm) Cho hình vẽ sau:



- a) Chứng tỏ rằng: $a \parallel b$
- b) Tìm số đo x, y của các góc trong hình trên.

IV - HƯỚNG DẪN CHẤM ĐÁP ÁN

Bài	Lời giải	Điểm
Bài 1	$a) \frac{5}{3} + \frac{-7}{12} + \frac{3}{4}$	0,25
	$= \frac{20}{12} + \frac{-7}{12} + \frac{9}{12}$	0,25
	$= \frac{20 + (-7) + 9}{12}$	0,25
	$= \frac{22}{12} = \frac{11}{6}$	0,25
	$b) \frac{9}{2} - \left(\frac{4}{3}\right)^2 : \frac{8}{36}$	0,25
	$= \frac{9}{2} - \frac{16}{9} : \frac{8}{36}$	0,25
	$= \frac{9}{2} - \frac{16}{9} \cdot \frac{36}{8}$	0,25
	$= \frac{9}{2} - 8$	0,25
	$= \frac{-7}{2}$	0,25
	$c) \sqrt{\frac{9}{16}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^3 - \left -\frac{7}{11}\right \cdot 1\frac{2}{9}$	0,25
	$= \frac{3}{4} + \left(\frac{-1}{8}\right) - \frac{7}{11} \cdot \frac{11}{9}$	0,25
	$= \frac{3}{4} + \frac{-1}{8} - \frac{7}{9}$	0,25
	$= \frac{54}{72} + \frac{-9}{72} - \frac{56}{72}$	0,25
	$= \frac{-11}{72}$	0,25

	$d) \left(\frac{-1}{4} + \frac{3}{5} \right) \cdot \frac{7}{2} + \left(\frac{-3}{4} + \frac{2}{5} \right) \cdot \frac{7}{2}$ $= \frac{7}{2} \cdot \left(\frac{-1}{4} + \frac{3}{5} + \frac{-3}{4} + \frac{2}{5} \right)$ $= \frac{7}{2} \cdot \left(\frac{-1}{4} + \frac{-3}{4} + \frac{3}{5} + \frac{2}{5} \right)$ $= \frac{7}{2} \cdot (-1 + 1)$ $= \frac{7}{2} \cdot 0$ $= 0$	0,25 0,25 0,25
Bài 2	$a) x - 1\frac{1}{4} = 2\frac{1}{3}$ $x - \frac{5}{4} = \frac{7}{3}$ $x = \frac{7}{3} + \frac{5}{4}$ $x = \frac{43}{12}$	0,25 0,25 0,25
	$b) \frac{2}{3} + \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$ $\frac{4}{5}x = \frac{5}{6} - \frac{2}{3}$ $\frac{4}{5}x = \frac{1}{6}$ $x = \frac{1}{6} : \frac{4}{5}$ $x = \frac{1}{6} \cdot \frac{5}{4}$ $x = \frac{5}{24}$	0,25 0,25 0,25
	Số tiền bạn Bình mua hai chiếc áo sơ mi và một quần Jeans sau khi giảm giá: $(100\% - 15\%) \cdot (2.200000 + 350000) = 637500$ (đồng). Số tiền Bình được trả lại: $1000000 - 637500 = 362500$ (đồng)	0,5 0,5
	a) Diện tích xung quanh của quyển lịch khi được gấp hoàn thành là: $(9 + 9 + 9) \cdot 21 = 567$ (cm²)	0,5

	b) - Tổng diện tích giấy dùng để in 100 quyển lịch là: $567.100 = 56700 \text{ (cm}^2\text{)} = 5,67 \text{ (m}^2\text{)}$ - Chi tổng phí để in 100 quyển lịch như trên là: $5,67. 300\ 000 = 1\ 701\ 000 \text{ (đồng)}$	0,5 0,5
Bài 5	a) Các loại mức độ thể hiện sự yêu thích chơi game của 10 học sinh trên là : Thích, Rất thích, Không thích. b) Độ tuổi trung bình của các bạn được điều tra là: $(13+14+12+13+11+14+12+12+14+11):10=12,6 \approx 13(\text{tuổi})$	0,5 0,5
Bài 6	a) Ta có : $\begin{cases} m \perp a \text{ (gt)} \\ m \perp b \text{ (gt)} \end{cases}$ $\Rightarrow a // b$ b) Ta có : $y = \widehat{CDB}$ (hai góc đối đỉnh) mà $\widehat{CDB} = 110^\circ \Rightarrow y = 110^\circ$ Ta có : $a // b$ $\Rightarrow \widehat{nCa} = \widehat{CDB} = 110^\circ$ (hai góc đồng vị) Ta có: $\widehat{nCa} + x = 180^\circ$ (hai góc kề bù) $\Rightarrow x = 180^\circ - 110^\circ = 70^\circ$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÂN TIẾN

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI
KỲ I Năm học 2023-2024
Môn: TOÁN 7
Thời gian làm bài: 90 phút

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{2}{5} - \sqrt{\frac{1}{16}} + \left| \frac{-7}{10} \right|$

b) $\frac{7}{12} + \left(1 - \frac{1}{2} \right)^2 - \frac{5}{9} : \frac{5}{6}$

c) $\frac{8^4 \cdot 27^5}{16^3 \cdot 81^4}$

Bài 2: (2 điểm) Tìm số hữu tỉ x , biết:

a) $x - 1,25 = \frac{-3}{4}$

b) $\frac{1}{2}x + \frac{3}{4} = 1\frac{1}{8}$

Bài 3: (1 điểm): Người ta thiết kế một quyển lịch để bàn từ một tấm bìa cứng hình chữ nhật, sau đó chia thành ba phần bằng nhau và gấp lại thành một hình lăng trụ tam giác đều có độ dài mỗi cạnh bằng 9cm và chiều dài thân lịch bằng 21cm. (như hình vẽ bên)



a) Hãy tính diện tích xung quanh của tấm lịch khi được gấp hoàn thành.

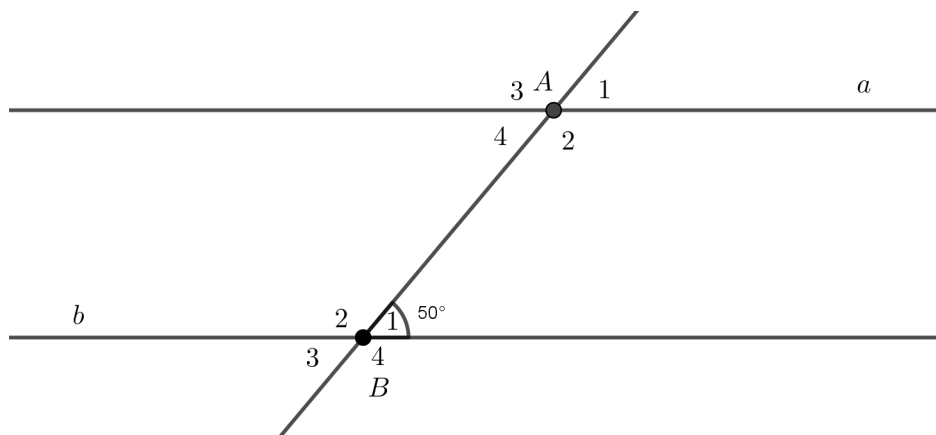
b) Chi phí in 1m^2 giấy lịch là 300 000 đồng. Hỏi in 100 quyển lịch như trên sẽ hết tổng chi phí bao nhiêu?

Bài 4: (1,0 điểm) Một cửa hàng thời trang đang có chương trình giảm giá 10% cho mặt hàng váy và giảm 5% cho mặt hàng áo. Bạn Hoa đã mua ở cửa hàng này

một cái váy với giá niêm yết 230 000 đồng và một cái áo với giá niêm yết 160 000 đồng. Hỏi bạn Hoa phải trả bao nhiêu tiền cho cửa hàng thời trang?

Bài 5: Một căn phòng hình chữ nhật có diện tích $\frac{20}{3}\text{m}^2$. Biết chiều rộng bằng 60% chiều dài. Tính chu vi của căn phòng này.

Bài 6/ Cho hình vẽ, biết $a \parallel b$



- a/ Tính số đo các góc: $\widehat{B_2}, \widehat{B_3}$
 b/ Ghi tên các cặp góc so le trong
 c/ Tính số đo các góc: $\widehat{A_1}, \widehat{A_2}$

ĐÁP ÁN

Câu	Lời giải	Điểm
Câu 1 (2 điểm)	a/ $1\frac{2}{5} - \sqrt{\frac{1}{16}} + \left \frac{-7}{10} \right $ $= 1\frac{2}{5} - 0,25 + \frac{7}{10}$ $= \frac{7}{5} - \frac{1}{4} + \frac{7}{10}$ $= \frac{28}{20} - \frac{5}{20} + \frac{14}{20}$ $= \frac{37}{20}$ b) $\frac{7}{12} + \left(1 - \frac{1}{2}\right)^2 - \frac{5}{9} : \frac{5}{6}$ $= \frac{7}{12} + \left(\frac{1}{2}\right)^2 - \frac{5}{9} \cdot \frac{6}{5}$ $= \frac{7}{12} + \frac{1}{4} - \frac{2}{3}$ $= \frac{7}{12} + \frac{3}{12} - \frac{8}{12}$ $= \frac{1}{6}$ c) $\frac{8^4 \cdot 27^5}{16^3 \cdot 81^4}$ $= \frac{(2^3)^4 \cdot (3^3)^5}{(2^4)^3 \cdot (3^4)^4}$ $= \frac{2^{12} \cdot 3^{15}}{2^{12} \cdot 3^{16}}$ $= \frac{3^{15}}{3^{15} \cdot 3}$ $= \frac{1}{3}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 2 (2 điểm)	a/ $x = \frac{-3}{4} + 1,25$ $x = \frac{-3}{4} + \frac{5}{4}$ $x = \frac{1}{2}$	0,5đ 0,5đ

	$b/ \frac{1}{2} x = 1\frac{1}{8} - \frac{3}{4}$ $\frac{1}{2} x = \frac{3}{8}$ $x = \frac{3}{8} : \frac{1}{2}$ $x = \frac{3}{4}$	0,25đ 0,25 đ 0,25đ 0,25đ
Câu 3 (1 điểm)	a) Diện tích xung quanh của quyển lịch khi được gấp hoàn thành là: $(9 + 9 + 9).21 = 567 \text{ (cm}^2\text{)}$ b) - Tổng diện tích giấy dùng để in 100 quyển lịch là: $567.100 = 56700 \text{ (cm}^2\text{)} = 5,67 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5đ)$ - Chi tổng phí để in 100 quyển lịch như trên là: $5,67. 300\,000 = 1\,701\,000 \text{ (đồng)}$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
Câu 4 (1 điểm)	- Số tiền mua một cái váy là: $230\,000. (100\% - 10\%) = 207\,000 \text{ (đồng)}$ - Số tiền mua một cái áo là: $160\,000. (100\% - 5\%) = 152\,000 \text{ (đồng)}$ - Tổng số tiền bạn Hoa phải trả cho cửa hàng là : $207\,000 + 152\,000 = 359\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25đ 0,5đ
Câu5 (1điểm)	Gọi x là chiều dài của căn phòng (x là số tự nhiên khác 0) Ta có chiều rộng bằng 60% chiều dài Vậy chiều rộng bằng $\frac{3}{5}x$ Diện tích của căn phòng là $\frac{20}{3} \text{ m}^2$ $\frac{3}{5}x \cdot x = \frac{20}{3}$ $x^2 = \frac{20}{3} : \frac{3}{5}$ $x^2 = \frac{100}{9}$ $x = \frac{10}{3}$ Chiều dài căn phòng là $\frac{10}{3}$, chiều rộng là 2 Chu vi căn phòng là: $(\frac{10}{3} + 2).2 = \frac{32}{3} \text{ (m}^2\text{)}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 6 (3 điểm)	a) $\widehat{B_1} + \widehat{B_2} = 180^\circ$ (hai góc kề bù)	0,25đ 0,25đ

		Toán thực tế về diện tích							1 1đ	10%	
2	Các hình khối trong thực tiễn	Hình lăng trụ đứng tam giác					1 1đ			10%	
3	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt, hai đường thẳng song song		2 2đ		1 1đ				30%	
	Tổng: Số câu Điểm			2 2đ		3 3đ	4 4đ		1 1đ	10 10	
Tỉ lệ %			20%		30%		40%		10%		100%
Tỉ lệ chung			50%				50%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/ Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ	Vận dụng: – Vận dụng được các phép tính, tính chất , thứ tự thực hiện phép tính			2TL (TL1)	
		Toán thực tế	Vận dụng được cách tính tiền về toán phần trăm			1 TL (TL4)	
		Tìm x	Thông hiểu: -Nhìn ra dạng bài cơ bản thực hiện		2TL (TL2)		

		Bài toán thực tế	Vận dụng cao: -Vận dụng kiến thức về diện tích hình chữ nhật, , toán phân trăm để giải bài toán thực tế				1TL (TL5)
2	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật	Vận dụng : Vận dụng được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật			1TL (TL3)	
3	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt, hai đường thẳng song song	Nhận biết: -Nhận biết được các cặp góc so le trong Nhận biết được các cặp góc đối đỉnh, kề bù ,nhận biết cách tình góc cơ bản.Thông hiểu tính chất của hai đường thẳng song song để tính số đo các góc có vị trí so le trong, đồng vị	2TL (TL6)	1TL (TL6)		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HKI-NĂM HỌC 2023-2024

TOÁN 7

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																TỔNG SỐ CÂU HỎI	TỔ NG TH ỜI GIA N	TỈ LỆ PHẦN TRĂM	
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO							
			TN	T G	TL	TG	T N	T G	TL	TG	T N	T G	TL	TG	T N	T G	TL	TG				T N
1	Thực hiện phép tính	- Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ - Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ - Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân - Lũy thừa của một số hữu tỉ			2	8ph			1	8ph			1	5ph						4	21ph	23,3%
2	Tìm x	- Sử dụng các quy tắc tìm x - Tìm x dạng giá trị tuyệt đối			1	5ph			1	5ph										2	10ph	11,1%

3	Toán thực tế	- Bài toán về thực tế cuộc sống giảm giá										1	10ph					1	10ph	11,1%	
4	Toán thực tế	- Bài toán thực tế cuộc sống về hình khối trong thực tế.						1	5ph							1	5ph	2	10ph	11,1%	
6	Một số yếu tố thống kê	-Phân loại được dữ liệu theo tiêu chí định tính, định lượng -Tinh được tỉ lệ phần tram của dữ liệu			1	5ph			1	13pt								2	18ph	20,0%	
7	Hình học	- Hai góc đối đỉnh - Hai đường thẳng song song - Tiên đề O-clit về đường thẳng song song						1	5ph			1	7ph			1	9ph	3	21ph	23,3%	
Tổng					4	18ph			5	36ph			3	22ph			2	14ph	17	90ph	100%
Tỉ lệ			35%			35%			20%			10%			100%				100%		
Tổng điểm			3,5 điểm			3,5 điểm			2.0 điểm			1,0 điểm			10 điểm				100%		

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Thực hiện phép tính	- Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ - Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ - Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân - Lũy thừa của một số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ	2			
			Thông hiểu: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, căn bậc hai, giá trị tuyệt đối trong tập hợp số hữu tỉ. - Biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).		1		
			Vận dụng: Thực hiện phép tính vận dụng các kiến			1	

			thức đã học			(0,5)	
2	<i>Tìm x</i>	- Sử dụng các quy tắc tìm x - Tìm x dạng giá trị tuyệt đối	Nhận biết: - Sử dụng các quy tắc tìm x đơn giản	1 (1,0)			
			Thông hiểu: - Tìm x ở mức độ thông hiểu		1 (1,0)		
3	<i>Toán thực tế</i>	- Bài toán thực tế cuộc sống về giảm giá	Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.			1 (1,0)	
4	<i>Toán thực tế</i>	- Bài toán thực tế cuộc sống về hình khối trong thực tế.	Thông hiểu: – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.		1 (0,5)		
			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.				1 (0,5)
5			Nhận biết -Phân loại được dữ liệu theo tiêu chí định tính, định lượng Thông hiểu:	1 (0,5)	1		

			-Tính được tỉ lệ phần trăm của dữ liệu		(1,0đ)		
6	Hình học	- Hai góc đối đỉnh - Hai đường thẳng song song - Tiên đề Ô-clit về đường thẳng song song	Nhận biết	1 (1,0)			
			Thông hiểu Tính số đo góc		1 (0,5)		
			Vận dụng: - Vận dụng tính chất phân giác một góc để vẽ tia phân giác. -Tính số đo góc			1 (0,5)	1 (0,5)
4	Tổng câu			5	5	3	2
5	Tỉ lệ			35%	35%	20%	10%
6	Tổng điểm			3,5 điểm	3.5 điểm	2.0 điểm	1,0 điểm

Bài 1 :(2,0 điểm). Thực hiện phép tính

a) $\frac{4}{5} + \frac{4}{3} \cdot \left(\frac{-9}{20}\right)$

b) $3\frac{1}{5} - 1,25 \cdot \left(\frac{2}{5}\right)^2$

c) $\left(\frac{-2}{3} + \frac{5}{8}\right) : \frac{11}{9} + \left(\frac{5}{8} + \frac{5}{12}\right) : \frac{11}{9}$

d) $0,4\sqrt{25} - \frac{3}{5} + \left|-\frac{2}{3}\right|$

Bài 2 :(2,0 điểm). Tìm $x \in \mathbb{Q}$, biết:

a) $\frac{2}{5} + \left(x - \frac{2}{3}\right) = \frac{5}{3}$

b) $|x + 1| = \frac{2}{3}$

Bài 3:(1,0 điểm)

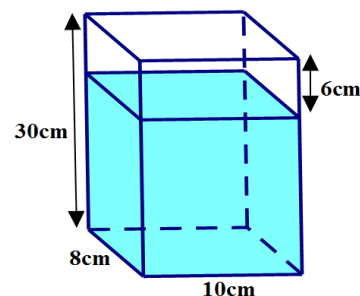
Mẹ của bạn An có mua cho An một chiếc máy tính laptop và trả trước cho cửa hàng 50% giá trị. Số còn lại được trả góp trong hai năm với số tiền 300 000 đồng/ tháng. Hỏi giá ban đầu chiếc laptop của An là bao nhiêu tiền ?

Bài 4 :(1,0 điểm)

Một thùng chứa nước có kích thước đáy và chiều cao như hình bên, biết rằng mực nước trong thùng cách miệng thùng là 6cm.

a/ Số lít nước hiện có trong thùng là bao nhiêu ?

b/ Bạn Tùng sử dụng chai nhựa loại 0,5 lít để chứa hết số nước có trong thùng. Hỏi bạn cần ít nhất bao nhiêu chai nhựa ?



Bài 5: (1,5 điểm)

Sau một năm thực hiện đề án phổ cập bơi, người ta tiến hành thu thập dữ liệu về kỹ năng bơi của học sinh của một trường học, kết quả như sau:

Tình trạng	Bơi thành thạo	Biết bơi nhưng chưa thành thạo	Chưa biết bơi
Số học sinh	250	175	75

a) Hãy phân loại các dữ liệu có trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Tính tỉ lệ phần trăm số học sinh mỗi loại so với tổng số học sinh tham gia khảo sát.

Bài 6. (2,5 điểm)

Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy, Oz sao cho góc xOy bằng 70° , góc xOz bằng 140° .

a) Tính số đo góc yOz?

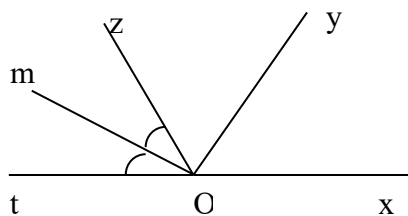
b) Tia Oy có phải là tia phân giác của góc xOz không? Vì sao?

c) Vẽ tia Ot là tia đối của tia Ox, tia Om là tia phân giác của góc tOz. Tính số đo góc tOm?

..... Hết

Bài 1:	<i>(2,0 điểm)</i>	
a	$\frac{4}{5} + \frac{4}{3} \cdot \left(\frac{-9}{20} \right)$ $= \frac{4}{5} + \frac{-3}{5}$ $= \frac{1}{5}$	0,25 0,25
b	$3\frac{1}{5} - 1,25 \cdot \left(\frac{2}{5} \right)^2$ $= \frac{16}{5} - 1,25 \cdot \frac{4}{25}$ $= \frac{16}{5} - \frac{1}{5}$ $= 3$	0,25 0,25
c	$\left(\frac{-2}{3} + \frac{5}{8} \right) : \frac{11}{9} + \left(\frac{5}{8} + \frac{5}{12} \right) : \frac{11}{9}$ $= \frac{-1}{24} : \frac{11}{9} + \frac{25}{24} : \frac{11}{9}$ $= \frac{-3}{88} + \frac{75}{88}$ $= \frac{9}{11}$	0.25 0.25
d	$0,4\sqrt{25} - \frac{3}{5} + \left -\frac{2}{3} \right $ $= 0,4 \cdot 5 - \frac{3}{5} + \frac{2}{3}$ $= 2 - \frac{3}{5} + \frac{2}{3}$ $= \frac{30}{15} - \frac{9}{15} + \frac{10}{15}$ $= \frac{31}{15}$	0,25 0,25
Bài 2:	<i>(2,0 điểm)</i>	

a	$\frac{2}{5} + \left(x - \frac{2}{3}\right) = \frac{5}{3}$ $x - \frac{2}{3} = \frac{5}{3} - \frac{2}{5}$ $x - \frac{2}{3} = \frac{19}{5}$ $x = \frac{19}{5} + \frac{2}{3}$ $x = \frac{29}{15}$	0,25 0,25 0,25 0,25
b	$ x + 1 = \frac{2}{3}$ $x + 1 = \frac{2}{3} \text{ hay } x + 1 = -\frac{2}{3}$ $x = \frac{2}{3} - 1 \text{ hay } x = -\frac{2}{3} - 1$ $x = \frac{-1}{3} \text{ hay } x = \frac{-5}{3}$	0,25 0,25 0,5
Bài 3:	Tổng số tiền Mẹ An đã trả góp trong hai năm là: $300\,000 \cdot 24 = 7\,200\,000\text{đ}$ Giá tiền ban đầu chiếc laptop của An là: $7\,200\,000 \cdot 2 = 14\,400\,000\text{đ}$	0,5 0,5
Bài 4:	a/ Diện tích mặt đáy hình hộp chữ nhật $S = 8 \cdot 10 = 80(\text{cm}^2)$. Số lít nước Hùng đổ vào là $80 \cdot (30 - 6) = 1920 (\text{cm}^3) = 1,92 (\text{lít})$ b/ Số chai nhựa 0,5 lít Tùng cần là $1,92 : 0,5 = 3,84 \approx 4$ chai	0,25 0,5 0,25
Bài 5	a) Tiêu chí định tính là: Tình trạng Tiêu chí định lượng là: Số học sinh b) Tổng số học sinh là $250 + 175 + 75 = 500$ (học sinh) Tỉ lệ phần trăm học sinh bơi thành thạo là $\frac{250}{500} \cdot 100\% = 50\%$ Tỉ lệ phần trăm học sinh biết bơi nhưng chưa thành thạo là $\frac{175}{500} \cdot 100\% = 35\%$ Tỉ lệ phần trăm học sinh chưa biết bơi là $\frac{75}{500} \cdot 100\% = 15\%$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

Bài 6

a) Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz (vì $\widehat{xOy} < \widehat{xOz}$)

nên $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$

0,5

$$70^0 + \widehat{yOz} = 140^0$$

$$\widehat{yOz} = 70^0$$

0,5

b/ Tia Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$ vì:

0,5

Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz

$$\text{và } \widehat{xOy} = \widehat{yOz} = 70^0$$

0,5

c/ $\widehat{xOz} + \widehat{zOt} = 180^0$

$$140^0 + \widehat{zOt} = 180^0$$

$$\widehat{zOt} = 40^0$$

0,25

tia Om là phân giác của $\widehat{tOz}$

$$\text{nên } \widehat{tOm} = \widehat{tOz} : 2 = 20^0$$

0,25

Lưu ý: Học sinh có thể giải bằng cách khác, nếu đúng vẫn cho điểm trọn vẹn

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TÂN THÔNG HỘI

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
LỚP 7 NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN KIỂM TRA: TOÁN HỌC
Thời gian làm bài :90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

MA TRẬN ĐỀ

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	Tổng thời gian	Tỉ lệ % tổng điểm
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Câu hỏi tự luận	Thời gian (phút)	Câu hỏi tự luận	Thời gian (phút)	Câu hỏi tự luận	Thời gian (phút)	Câu hỏi tự luận	Thời gian (phút)	Câu hỏi tự luận	Thời gian (phút)	
1	Số hữu tỉ	I.1. Tập hợp các số hữu tỉ I.2. Các phép tính với số hữu tỉ I.3. Lũy thừa của một số hữu tỉ I.4. Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế	2	8	2	15	1	10			5	33	40%
2	Số thực	II.1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học II.2. Số thực. Giá trị tuyệt đối của số thực II.3. Làm tròn số và ước lượng kết quả II.4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm:			1	7	1	10			2	17	17,5%

		Tính chỉ số đánh giá thể trạng BMI (Body mass index)											
3	Các hình khối trong thực tiễn	III.1. Hình hộp chữ nhật- Hình lập phương III.3. Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương			1	5			1	15	2	20	17,5%
4	Góc và đường thẳng song song	IV. 1. Các góc ở vị trí đặc biệt IV.3. Hai đường thẳng song song.	2	10	1	10					3	20	25%
Tổng			4 câu	18 phút	5 câu	37 phút	2 câu	20 phút	1 câu	15 phút	12câu	90 phút	100%
Tỉ lệ % tổng điểm			30%		40%		20%		10%				100%
Tổng điểm			3 điểm		4 điểm		2 điểm		1 điểm				10 điểm

Bảng đặc tả ma trận

	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra				Số câu hỏi theo mức độ nhận
--	----------	------------------	--------------------------------------	--	--	--	-----------------------------

T T	kiến thức			thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	I.1. Tập hợp các số hữu tỉ I.2. Các phép tính với số hữu tỉ I.3. Lũy thừa của một số hữu tỉ I.4. Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế	Nhận biết: - Diễn giải được cách thực hiện phép tính theo thứ tự. - Thực hiện được tìm x thông qua quy tắc chuyển vế ở mức độ đơn giản Thông hiểu: - Thực hiện được tìm x thông qua quy tắc chuyển vế - Tìm được giá tiền của món hàng sau khi giảm giá Vận dụng: - Sử dụng được các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn	2	2	1	
2	Số vô tỉ	II.1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học II.2. Số thực. Giá trị tuyệt đối của số thực II.3. Làm tròn số và ước lượng kết quả II.4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính chỉ số đánh giá thể trạng BMI (Body mass index)	Thông hiểu: - Giải thích, diễn giải được cách thực hiện phép tính theo thứ tự. Vận dụng thấp: - Giải thích được thể trạng của học sinh dựa vào nguyên tắc làm tròn số.		1	1	
3	Các hình khối trong thực tiễn	III.1. Hình hộp chữ nhật- Hình lập phương III.3. Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp	Thông hiểu - Thực hiện được tính thể tích của hình hộp chữ nhật khi biết số đo Vận dụng cao - Giải thích được cách tính diện tích giấy cần dùng để làm		1		1

		chữ nhật, hình lập phương	hình hộp chữ nhật				
4	Góc và đường thẳng song song Số hữu tỉ	IV. 1. Các góc ở vị trí đặc biệt IV.3. Hai đường thẳng song song.	Nhận biết: - Kể tên được các góc đối đỉnh - Giải thích được hai đường thẳng song song Thông hiểu: - Tính được số đo góc	2	1		

Bảng mô tả đề (gồm 12 câu tự luận)

Mức độ	Câu	Nội dung câu dẫn	Phương án trả lời/ Đáp án	Ghi chú
Nhận biết	1a	Bài 1. Thực hiện phép tính a/ $-\frac{3}{7} : \frac{3}{2} + \frac{4}{5}$	$-\frac{3}{7} : \frac{3}{2} + \frac{4}{5}$ $= -\frac{3}{7} \cdot \frac{2}{3} + \frac{4}{5}$ $= \frac{-2}{7} + \frac{4}{5}$ $= \frac{-10}{35} + \frac{28}{35}$ $= \frac{18}{35}$	
Thông hiểu	1b	b/ $\left \frac{1}{2} - \frac{3}{5} \right \cdot \sqrt{9} + 0,5 \cdot \left(-2\frac{3}{5} \right)$	$b) \left \frac{1}{2} - \frac{3}{5} \right \cdot \sqrt{9} + 0,5 \cdot \left(-2\frac{3}{5} \right)$ $= \left \frac{5}{10} - \frac{6}{10} \right \cdot 3 + \frac{1}{2} \cdot \left(\frac{-13}{5} \right)$ $= \left \frac{-1}{10} \right \cdot 3 + \left(\frac{-13}{10} \right)$ $= \frac{3}{10} + \left(\frac{-13}{10} \right)$ $= -1$	
Nhận biết	2a	Tìm x biết a/ $x + \frac{1}{3} = \frac{3}{14}$ $x = \frac{3}{14} - \frac{1}{3}$ $x = -\frac{5}{42}$	$x + \frac{1}{3} = \frac{3}{14}$ $x = \frac{3}{14} - \frac{1}{3}$ $x = -\frac{5}{42}$	

Thông hiểu	2b	Tìm x biết: $0,2x - \frac{2}{5} = \left(\frac{-1}{2}\right)^2$	$0,2x - \frac{2}{5} = \left(\frac{-1}{2}\right)^2$ $\frac{1}{5}x = \frac{1}{4} + \frac{2}{5}$ $\frac{1}{5}x = \frac{13}{20}$ $x = \frac{13}{20} : \frac{1}{5}$ $x = \frac{13}{4}$	
Vận dụng	3a	Để đánh giá thể trạng (gầy, bình thường, thừa cân) của một người, người ta thường dùng chỉ số BMI (Body mass index) Chỉ số BMI được tính như sau: $BMI = \frac{m}{h^2}$, trong đó m là khối lượng cơ thể tính theo ki lô gam, h là chiều cao tính theo mét. (Chỉ số này được làm tròn đến hàng phần mười) Đối với học sinh 12 tuổi, chỉ số này được đánh giá như sau: BMI < 15: Gầy $15 \leq BMI < 22$: Bình thường $22 \leq BMI < 25$: Có nguy cơ béo phì $25 \leq BMI$: Béo phì Dựa vào cách đánh giá trên, hãy cho biết thể trạng của bạn Nam. Biết bạn Nam năm nay 12 tuổi, có cân nặng là 55 kg và cao 158 cm.	Đổi: 158 cm = 1,58 m Chỉ số BMI của bạn Nam là: $55 : 1,58^2 \approx 22$ Vậy thể trạng của bạn Nam là có nguy cơ béo phì	
Thông hiểu	4a	Bạn Chi đi nhà sách mua hai quyển truyện Conan và một quyển truyện “Những người hàng xóm” của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.	Số tiền Chi cần trả để mua hai quyển truyện Conan là: $2.25000 \cdot (100\% - 8\%) = 46000 ($	

		Hỏi số tiền Chi cần phải trả để mua hai quyển truyện Conan là bao nhiêu? Biết rằng truyện Conan nằm ở quầy được giảm giá 8% và giá bìa của một quyển là 25 000 đồng.	đồng)	
Vận dụng	4b	Khi thanh toán, Chi trả cho người bán hàng 150 000 đồng thì được thối lại 21 500 đồng. Hỏi giá bìa của quyển “Những người hàng xóm” là bao nhiêu? Biết quyển này nằm ở quầy được giảm giá 25%.	Tổng số tiền Chi đã mua hết là: $150\,000 - 21\,500 = 128\,500$ (đồng) Số tiền của quyển “Những người hàng xóm” sau khi giảm giá là: $128\,500 - 46\,000 = 82\,500$ (đồng) Giá bìa của quyển “Những người hàng xóm” là: $82\,500 : (100\% - 25\%) = 110\,000$ (đồng)	
Thông hiểu	5a	Sắp đến tết, bạn Thảo tự tay làm bánh và kẹo để tặng cho các bạn và người thân của mình. Thảo dự định làm hộp quà có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 18 cm, chiều rộng 12cm, chiều cao 14 cm để đựng bánh và kẹo. Tính thể tích của một hộp quà.	Thể tích của một hộp quà là: $18.12.14 = 3024$ (cm ³)	
Vận dụng cao	5b	Tính diện tích giấy cần dùng để làm 20 hộp bánh, biết rằng phải tốn 20% diện tích giấy cho các mép giấy và các phần giấy bị bỏ đi.	Diện tích tất cả các mặt của hộp quà là: $(18+12).2.14 + 18.12.2 = 1272$ (cm ²) Diện tích giấy cần dùng để làm 20 hộp bánh là: $1272.20 : (100\% - 20\%) = 31\,800$	

			(cm ²)	
Nhận biết		a) Góc nào đối đỉnh với góc FBG	Góc ABE đối đỉnh với góc FBG	
Nhận biết	5c	b) Vì sao AB song song CE	Vì AB vuông góc với AC CE vuông góc với AC Nên AB song song với CE	
Thông hiểu	6a	c) Biết $\widehat{ABF} = 120^0$. Tính $\widehat{ABE}, \widehat{CEB}$.	$\widehat{ABF} + \widehat{ABE} = 180^0$ Ta có : $\widehat{ABE} = 180^0 - 120^0$ $\widehat{ABE} = 60^0$ Ta có: AB song song CE Mà $\widehat{ABF}$ và $\widehat{CEB}$ là hai góc đồng vị Nên $\widehat{ABF} = \widehat{CEB} = 120^0$	

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a/ $-\frac{3}{7} : \frac{3}{2} + \frac{4}{5}$

b/ $\left| \frac{1}{2} - \frac{3}{5} \right| \cdot \sqrt{9} + 0,5 \cdot \left(-2\frac{3}{5} \right)$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết

a/ $x + \frac{1}{3} = \frac{3}{14}$

b/ $0,2x - \frac{2}{5} = \left(\frac{-1}{2} \right)^2$

Bài 3. (1 điểm) Để đánh giá thể trạng (gầy, bình thường, thừa cân) của một người, người ta thường dùng chỉ số BMI (Body mass index)

Chỉ số BMI được tính như sau: $BMI = \frac{m}{h^2}$, trong đó m là khối lượng cơ thể tính theo ki lô gam, h là chiều cao tính theo mét. (Chỉ số này được làm tròn đến hàng phần mười)

Đối với học sinh 12 tuổi, chỉ số này được đánh giá như sau:

BMI < 15 : Gầy

$15 \leq \text{BMI} < 22$: Bình thường

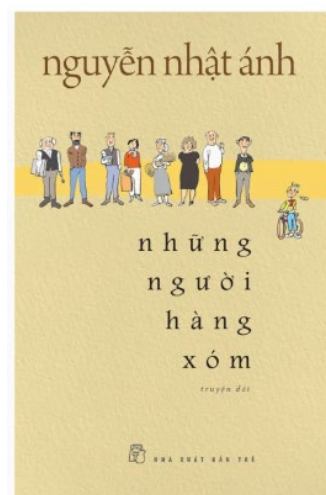
$22 \leq \text{BMI} < 25$: Có nguy cơ béo phì

$25 \leq \text{BMI}$: Béo phì

Dựa vào cách đánh giá trên, hãy cho biết thể trạng của bạn Nam. Biết bạn Nam năm nay 12 tuổi, có cân nặng là 55 kg và cao 158 cm.

Bài 4. (1,75 điểm) Bạn Chi đi nhà sách mua hai quyển truyện Conan và một quyển truyện “Những người hàng xóm” của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh.

- a) Hỏi số tiền Chi cần phải trả để mua hai quyển truyện Conan là bao nhiêu? Biết rằng truyện Conan nằm ở quầy được giảm giá 8% và giá bìa của một quyển là 25 000 đồng.
- b) Khi thanh toán, Chi trả cho người bán hàng 150 000 đồng thì được thối lại 21 500 đồng. Hỏi giá bìa của quyển “Những người hàng xóm” là bao nhiêu? Biết quyển này nằm ở quầy được giảm giá 25%.

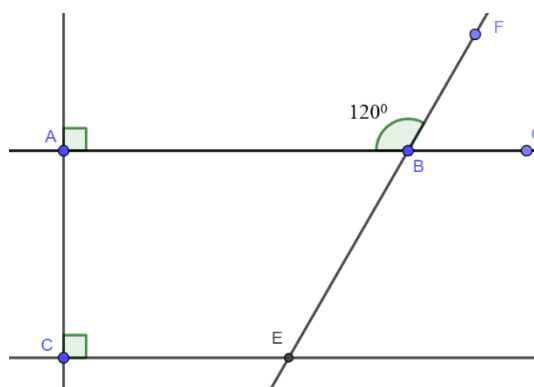


Bài 5. (1,75 điểm) Sắp đến tết, bạn Thảo tự làm bánh và kẹo để tặng cho các bạn và người thân của mình. Thảo dự định làm hộp quà có dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 16 cm, chiều rộng 10cm, chiều cao 14 cm để đựng bánh và kẹo.

- Tính thể tích của một hộp quà.
- Tính diện tích giấy cần dùng để làm 20 hộp bánh, biết rằng phải tốn 15% diện tích giấy cho các mép giấy và các phần giấy bị bỏ đi.

Bài 6 (2,5 điểm): Quan sát hình bên và cho biết

- Góc nào đối đỉnh với góc FBG
- Vì sao AB song song CE
- Biết $\widehat{ABF} = 120^\circ$. Tính $\widehat{ABE}, \widehat{CEB}$.



-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1a (0,75 điểm)	$a / -\frac{3}{7} : \frac{3}{2} + \frac{4}{5}$ $= -\frac{3}{7} \cdot \frac{2}{3} + \frac{4}{5}$ $= \frac{-2}{7} + \frac{4}{5}$ $= \frac{-10}{35} + \frac{28}{35}$ $= \frac{18}{35}$	0,25đ 0,25 đ 0,25 đ
Câu 1b (0,75 điểm)	$b) \left \frac{1}{2} - \frac{3}{5} \right \cdot \sqrt{9} + 0,5 \cdot \left(-2\frac{3}{5} \right)$ $= \left \frac{5}{10} - \frac{6}{10} \right \cdot 3 + \frac{1}{2} \cdot \left(\frac{-13}{5} \right)$ $= \left \frac{-1}{10} \right \cdot 3 + \left(\frac{-13}{10} \right)$ $= \frac{3}{10} + \left(\frac{-13}{10} \right)$ $= -1$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Câu 2a (0,75 điểm)	$x + \frac{1}{3} = \frac{3}{14}$ $x = \frac{3}{14} - \frac{1}{3}$ $x = -\frac{5}{42}$	0,5 đ 0,25 đ
Câu 2b (0,75 điểm)	$0,2x - \frac{2}{5} = \left(\frac{-1}{2} \right)^2$ $\frac{1}{5}x = \frac{1}{4} + \frac{2}{5}$ $\frac{1}{5}x = \frac{13}{20}$ $x = \frac{13}{20} : \frac{1}{5}$ $x = \frac{13}{4}$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Câu 3 (1 điểm)	Đổi: 158 cm = 1,58 m Chỉ số BMI của bạn Nam là: $55 : 1,58^2 \approx 22$ Vậy thể trạng của bạn Nam là có nguy cơ béo phì	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ
Câu 4a	Số tiền Chi cần trả để mua hai quyển truyện Conan là:	

(0,75 điểm)	$2.25000.(100\%-8\%)=46000$ (đồng)	0,75 đ
Câu 4b (1 điểm)	Tổng số tiền Chi đã mua hết là: $150000 - 21500 = 128500$ (đồng) Số tiền của quyền “Những người hàng xóm” sau khi giảm giá là: $128500 - 46000 = 82500$ (đồng) Giá bìa của quyền “Những người hàng xóm” là: $82500 : (100\% - 25\%) = 110000$ (đồng)	0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
Câu 5a (0,75 điểm)	Thể tích của một hộp quà là: $18.12.14 = 3024$ (cm³)	0,75 đ
Câu 5b (1 điểm)	Diện tích tất cả các mặt của hộp quà là: $(18+12).2.14 + 18.12.2 = 1272$ (cm²) Diện tích giấy cần dùng để làm 20 hộp bánh là: $1272.20 : (100\% - 20\%) = 31800$ (cm²)	0,5 đ 0,5 đ
Câu 6a (0,5 điểm)	Góc ABE đối đỉnh với góc FBG	0,5 đ
Câu 6b (1 điểm)	Vì AB vuông góc với AC CE vuông góc với AC Nên AB song song với CE (cùng vuông góc với AC)	0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
Câu 6c (1 điểm)	$\widehat{ABF} + \widehat{ABE} = 180^\circ$ Ta có : $\widehat{ABE} = 180^\circ - 120^\circ$ $\widehat{ABE} = 60^\circ$ Ta có: AB song song CE Mà $\widehat{ABF}$ đồng vị $\widehat{CEB}$ Nên $\widehat{ABF} = \widehat{CEB} = 120^\circ$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I TOÁN 7 (2023 – 2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ - Số thực	Thực hiện các phép tính với số hữu tỉ	1a, 1b (1,5đ)				2,0đ
		Thực hiện các phép tính với số hữu tỉ		1c, (0,5đ)			
2	Số hữu tỉ - Số thực	Vận dụng các phép tính với số hữu tỉ để tìm x	2a, (0,75đ)				2,5đ
		Vận dụng các phép tính với số hữu tỉ để tìm x			2c, (0,75đ)		
		Vận dụng các phép tính với số hữu tỉ để tính giá trị của biểu thức				1,0 đ	
3	Toán thực tế tính tiền sản phẩm sau khi giảm giá	-Các dạng toán thực tế bằng lời văn tính giá trị sản phẩm sau khi có số % giảm giá.	4 (1,0đ)				1,0đ
4	Các hình khối trong thực tiễn	-Tính thể của khối hình hộp chữ nhật		4a (0,75đ)			1,5đ
		-Tính tỉ lệ phần trăm của 2 đại lượng cho trước.		4b (0,75đ)			
5	Thống kê	-Nhận biết và đọc số liệu trên biểu đồ	5a, 5b (1,0đ)				2,0đ
6	Góc và đường thẳng song song Các góc ở vị trí đặc biệt	- Chứng minh hai đường thẳng song song -Tính số đo các góc kề bù, so le trong ...		6a (1,0đ)	6b (1,0đ)		1,0đ
Tổng: Số câu Điểm			6 4,25	4 3,0	3 2,75	1 1,0	14 10,0đ
Tỉ lệ %			42,5%	30%	27,5%	10%	100%
Tỉ lệ chung			62,5%		37,5%		100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I TOÁN 7 (2023 – 2024)

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	---------------	-----------------	----------------------------------

			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ - Số thực	Các phép tính với số hữu tỉ, số thực	Nhận biết: – Nhận biết số hữu tỉ và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ, số thực. Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ, số thực.	1a, 1b (1,5đ)	1c (0,5đ)	
2	Số hữu tỉ	Áp dụng các phép tính với số hữu tỉ để tìm x	Nhận biết: – Nhận biết được qui tắc chuyển về đổi dấu trong cộng trừ số hữu tỉ Vận dụng: – Vận dụng được các qui tắc bỏ dấu ngoặc, qui tắc chuyển về đổi dấu và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, 2 lũy thừa cùng cơ số của số hữu tỉ. – Vận dụng được các phép tính nhân 2 lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của 1 tích của số hữu tỉ để tính giá trị biểu thức.	2a, (0,75đ)	2b (0,75đ)	7(1,0đ)
3	Toán thực tế		Nhận biết: -Các dạng toán thực tế bằng lời văn tính giá trị sản phẩm sau khi có số % giảm giá	1 (1,0đ)		
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
4	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật, hình	Thông hiểu – Học sinh hiểu và biết áp dụng được công thức tính thể tích hình chữ nhật Vận dụng -Tính tỉ lệ phần giá trị của 2 đại lượng cho trước		5a, (0,75đ)	5b (0,75đ)
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ						
5	Một số yếu tố thống kê	Biểu đồ đoạn thẳng	Nhận biết – Học sinh nhận biết vẽ và đọc được các yếu tố số liệu trên biểu đồ đoạn thẳng	6a, 6b (2.0đ)		
HÌNH HỌC PHẪNG						
6	Góc và đường thẳng	Chứng minh hai đường	Thông hiểu -Học sinh hiểu và chứng minh được hai đường thẳng song song	6a (0,5đ)		

	song song	thẳng song song	dựa vào dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. <i>Vận dụng</i> Học sinh vận dụng được tính chất hai đường thẳng song song để tính số đo góc so le trong, kề bù			6b, (0,5đ)	
--	------------------	-----------------	--	--	--	---------------	--

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
Trường THCS Tân Phú Trung

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN TOÁN - LỚP 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{1}{3} - \frac{5}{4} + \frac{7}{6}$

b) $-\frac{11}{8} \cdot \frac{19}{3} + \frac{19}{3} \cdot \frac{-5}{8}$

c) $\left(\frac{3}{2}\right)^{22} : \left(\frac{3}{2}\right)^{20} + \frac{-5}{6} \cdot \frac{3}{2}$

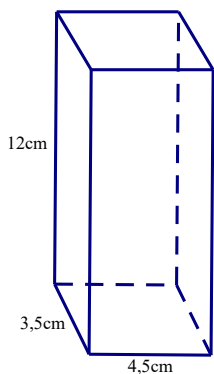
Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x, biết

a) $x - 1,25 = -2\frac{1}{3}$

b) $\frac{8}{9}x - \frac{4}{5} = \frac{-2}{15}$

Bài 3: (1 điểm) Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 4: (1,5 điểm)



Một hộp sữa giấy dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước như sau: chiều dài 4,5cm, chiều rộng 3,5cm, chiều cao 12cm. Trên hộp sữa có ghi thể tích thực là 180ml, tức là thể tích sữa trong hộp là 180ml.

a) Tính thể tích của hộp sữa.

b) Trên hộp sữa có ghi thể tích thực là 180ml, tức là thể tích sữa trong hộp là 180ml. Hỏi lượng sữa trong hộp chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích hộp. (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị.) (Biết $180\text{ml} = 180\text{cm}^3$)

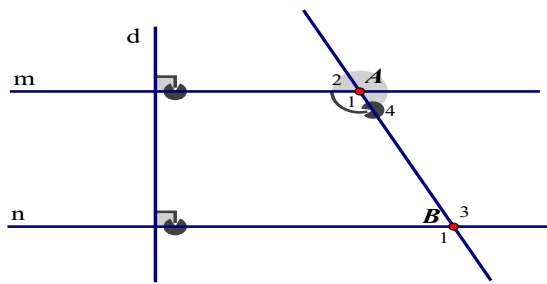
Bài 5: (2,0 điểm) Cho bảng thống kê sau:

Số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán trong 4 tháng học kì I của lớp 7A	
Tháng	Số học sinh
9	15
10	24
11	20
12	36

a) Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn thông tin cho trong bảng trên.

b) Trong tháng nào có số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán nhiều nhất? Số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán của tháng 12 nhiều hơn tháng 11 là bao nhiêu học sinh?

Bài 6: (1,0 điểm) Cho hình vẽ



Biết $m \perp d$; $n \perp d$ và $\widehat{A_1} = 117^\circ$

a) Vì sao $m \parallel n$

b) Tính số đo các góc $\widehat{A_2}$ và $\widehat{B_3}$

Bài 7: (1,0 điểm)

Cho biểu thức đại số:

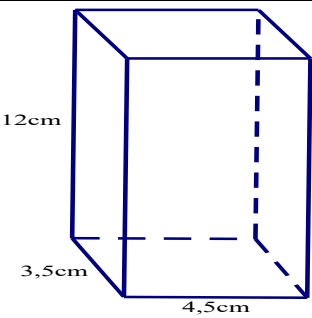
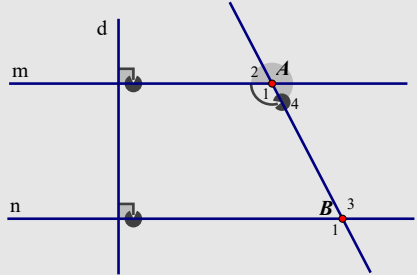
$$A = x^{30} - 99x^{29} - 99x^{28} - 99x^{27} - 99x^{26} - \frac{1}{4} - 99x + 2021$$

Tính giá trị biểu thức tại $x = 100$

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Nội dung	Điểm
1	Thực hiện phép tính	
	$a) \frac{1}{3} - \frac{5}{4} + \frac{7}{6} = \frac{4}{12} - \frac{3}{12} + \frac{14}{12} = \frac{15}{12} = \frac{5}{4}$	0,75 đ
	$b) \frac{-11}{8} \cdot \frac{19}{3} + \frac{19}{3} \cdot \frac{-5}{8}$ $= \frac{19}{3} \cdot \left(\frac{-11}{8} + \frac{-5}{8} \right)$ $= \frac{19}{3} \cdot (-2)$ $= \frac{-38}{3}$	0,75 đ
	$c) \left(\frac{3}{2} \right)^{22} : \left(\frac{3}{2} \right)^{20} + \frac{-7}{6} \cdot \frac{3}{2} = \left(\frac{3}{2} \right)^2 + \frac{-7}{4} = \frac{9}{4} + \frac{-7}{4} = \frac{1}{2}$	0,5 đ
2	Tìm x, biết	
	$a) x - 1,25 = -2\frac{1}{3}$ $x - \frac{5}{4} = -\frac{7}{3}$ $x = -\frac{7}{3} + \frac{5}{4}$ $x = -\frac{13}{12}$	0,75đ
	$b) \frac{8}{9}x - \frac{4}{5} = \frac{-2}{15}$ $\frac{8}{9}x = \frac{-2}{15} + \frac{4}{5}$ $\frac{8}{9}x = \frac{2}{15}$	0,75 đ

	$x = \frac{2}{15} : \frac{8}{9} = \frac{2}{15} \cdot \frac{9}{8}$ Vậy $x = \frac{3}{20}$	
3	Số tiền bạn Bình mua hai chiếc áo sơ mi và một quần Jeans sau khi giảm giá: $(100\% - 15\%).(2.200000 + 350000) = 637500$ (đồng). Số tiền Bình được trả lại: $1000000 - 637500 = 362500 \text{ (đồng)}$	0,5đ 0,5đ
4	 a) Tính thể tích của hộp sữa là: $4,5 \cdot 3,5 \cdot 12 = 189 \text{ (cm}^3\text{)}$ b) Phần trăm lượng sữa trong hộp so với thể tích hộp là: $\left(\frac{180}{189} \cdot 100 \right) \% \approx 95\%$	0,75 đ 0,75 đ
5	a) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng đúng b) Trong tháng 12 có số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán nhiều nhất. Số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán của tháng 12 nhiều hơn tháng 11 là: $36 - 20 = 16$ học sinh?	1đ 1đ
6	Biết $m \perp d$; $n \perp d$ và $\widehat{A_1} = 117^\circ$ 	

	a) Ta có: $m \perp d; n \perp d$ Nên $m \parallel n$ b) Tính số đo các góc $\widehat{A_2}$ và $\widehat{B_3}$ Ta có: $\widehat{A_1} + \widehat{A_2} = 180^0$ (hai góc kề bù) Nên $\widehat{A_2} = 180^0 - \widehat{A_1} = 180^0 - 117^0 = 63^0$ Ta có: $\widehat{A_1} = \widehat{B_3}$ (hai góc so le trong, $m \parallel n$) Mà $\widehat{A_1} = 117^0$ nên $\widehat{B_3} = 117^0$	0,5 0,25 02,5
7	$A = x^{30} - 99.x^{29} - 99.x^{28} - 99.x^{27} - 99.x^{26} - \frac{1}{4} - 99.x + 2021$ Tại $x = 100$ ta có: $A = 100^{30} - 99.100^{29} - 99.100^{28} - 99.100^{27} - \frac{1}{4} - 99.100 + 2021$ $A = 100^{30} - (100 - 1).100^{29} - (100 - 1).100^{28} - (100 - 1).100^{27} - \frac{1}{4} - (100 - 1).100 + 2021$ $A = 100^{30} - 100^{30} + 100^{29} - 100^{29} + 100^{28} - 100^{28} + 100^{27} - \frac{1}{4} - 100^2 + 100 + 2021$ $A = 100 + 2021 = 2121$ Vậy tại $x = 100$ thì $A = 2121$	1,0 đ

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2023- 2024

MÔN TOÁN 7

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Nội dung 1: Các phép tính với số hữu tỉ.	Số câu 1 (Bài 1a) Điểm:0,5	Số câu 1 (Bài 1b) Điểm: (0,5 đ)		Số câu 1 (Bài 1c) Điểm: (0,5 đ)	3,0
		Nội dung 2: Vận dụng quy tắc chuyển về để tìm số hữu tỉ x.		Số câu: 2 (Bài 2a, 2b) Điểm: (1,0 đ)	Số câu: 1 (Bài 2c) Điểm: (0,5 đ)		
	Chủ đề 2: Số Thực	Nội dung Vận dụng quy tắc làm tròn số để giải một số bài toán thực tế.	Số câu: 1 (Bài 3a) Điểm: (0,75 đ)	Số câu: 1 (Bài 4) Điểm: (1,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 3b) Điểm: (0,75 đ)		3,0
	Chủ đề 3: Thống kê và xác suất	Nội dung: quan sát biểu đồ tìm thông tin.	Số câu: 1 (Bài 5a) Điểm: (0,25 đ)		Số câu: 1 (Bài 5b) Điểm: (0,75 đ)		1,0
2	Chủ đề 4: Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung Hình hộp chữ nhật và hình lập phương. Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.		Số câu:1 (Bài 6a) Điểm: (0,75 đ)	Số câu:1 (Bài 6b) Điểm: (0,75 đ)		1,5
3	Chủ đề 5: Hình học phẳng	Nội dung : Vận dụng các quy tắc, tính chất để tính số đo góc. Chứng minh hai đường thẳng song song.			Số câu: 2 (Bài 7a,b) Điểm: (1,5 đ)		1,5
Tổng: Số câu Điểm			3 1,5	6 3,75	6 4,25	1 0,5	10
Tỉ lệ %			15%	37,5%	42,5%	5%	100

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ- THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Nội dung 1: Các phép tính với số hữu tỉ.	Nhận biết: – Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính trên số hữu tỉ và thực hiện các phép tính.	2 TL Bài 1a			
			Thông hiểu: – Thực hiện phép tính số hữu tỉ		1 TL Bài 1b		
			Vận dụng: - Áp dụng các tính chất để tính nhanh				1TL Bài 1c
		Nội dung 2: Vận dụng quy tắc chuyển về để tìm số hữu tỉ x.	Thông hiểu: – Thực hiện được quy tắc chuyển về để tìm x	2 TL (Bài 2a, b)			
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán để tìm x			1 TL (Bài 2c)	
2	Chủ đề 2: Số Thực	Nội dung Vận dụng quy tắc làm tròn số để giải một số bài toán thực tế.	Nhận biết: – Nhận biết được khi cho đại lượng này, để tìm đại lượng kia.	1 TL Bài 3a			
			Vận dụng: - Áp dụng quy tắc để tìm giá trị của đại lượng này khi biết đại lượng kia.			1 TL Bài 3b	
			Thông hiểu: – Thực hiện được quy tắc làm tròn số để giải toán giảm giá, toán lãi suất ngân hàng, toán xác suất thống kê,.....	2 TL Bài 4			

	Chủ đề 3: Thống kê và xác suất	Nội dung: quan sát biểu đồ tìm thông tin.	Nhận biết: – Nhận biết được biểu đồ biểu diễn các vấn đề gì	1 TL Bài 5a			
			Vận dụng: - Áp dụng quy tắc để tìm số học sinh cả lớp, số học sinh đạt điểm giỏi, khá			1 TL Bài 5b	

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

3	Chủ đề 4: Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung : Hình hộp chữ nhật và hình lập phương. Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	Thông hiểu: Áp dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, tứ giác.		1 TL Bài 6a		
			Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.			1 TL Bài 6b	
4	Chủ đề 5: Hình học phẳng	Nội dung : Vận dụng các quy tắc, tính chất để tính số đo góc. Chứng minh hai đường thẳng song song.	Vận dụng: Vận dụng các tính chất hai đường thẳng song song, tia phân giác của góc để tính số đo góc. Vận dụng cao: Áp dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song, tính chất hai đường thẳng song song để chứng minh hai góc bằng nhau.			2 TL Bài 7a, b	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHÚ MỸ HƯNG
ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2023 – 2024
MÔN: TOÁN 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (1,5 điểm). Thực hiện phép tính:

a/ $3\frac{2}{5} - \frac{2}{7} : \left(\frac{-1}{7}\right)^2$

b/ $\left(0,75 - \frac{2}{3}\right) : \frac{5}{12} + \left(\frac{-1}{3}\right)^{2023} : \left(\frac{-1}{3}\right)^{2022}$

c/ $\frac{5^{19} \cdot 27^9 \cdot 4^{11}}{125^6 \cdot 9^{13} \cdot 8^7}$

Bài 2: (1,5 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:

a/ $x + \frac{3}{4} = -2\frac{1}{3}$

b/ $x \cdot \frac{2}{5} = (0,5)^2$

c/ $5x - \frac{2}{3} = \left(\frac{-1}{3}\right)^{50} : \left(\frac{-1}{3}\right)^{48}$

Bài 3: (1,5 điểm). Anh Minh làm việc cho một cửa hàng bán xe máy. Thu nhập hàng tháng của anh gồm có tiền lương 6 000 000 đồng và tiền hoa hồng cho mỗi chiếc xe máy bán được là 200000 đồng. Gọi x (chiếc) là số chiếc xe máy anh Minh bán được trong tháng, còn y (đồng) là thu nhập trong một tháng của anh Minh. Biểu thức liên hệ giữa y và x là $y = 6000000 + 200000 \cdot x$

a/ Trong tháng 8 năm 2023 anh Minh bán được 20 chiếc xe thì thu nhập trong tháng đó của anh Minh là bao nhiêu?

b) Tính số chiếc xe máy anh Minh bán được trong tháng 9 /2023 biết tháng đó anh có thu nhập 13600000 đồng.

Bài 4: (1,5 điểm). Hôm nay siêu thị có chương trình khuyến mãi giảm giá 15% cho mặt hàng may mặc và giảm 10% cho mặt hàng điện gia dụng. Mẹ bạn Lan đến siêu thị mua 2 cái áo với giá niêm yết một cái là 200 000 đồng. và mua một cái nồi cơm điện tổng số tiền mẹ Lan đã trả là 610 000 đồng. Tính giá của nồi cơm điện khi chưa giảm giá ?

Bài 5 (1,0 điểm) Quan sát biểu đồ, em hãy cho biết:

a) Biểu đồ biểu diễn thông tin về các vấn đề gì

b) Tính số điểm giỏi, khá môn toán của lớp. Biết lớp 7A có 8 học sinh đạt điểm trung bình



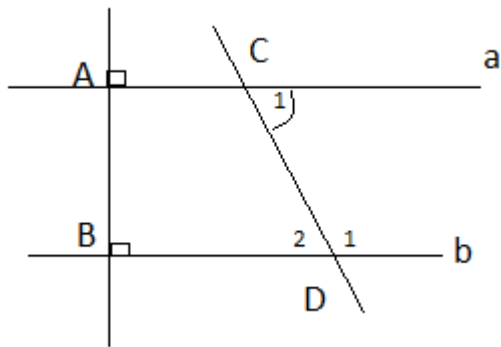
Bài 6(1,5 điểm)

Một hồ nước có dạng hình hộp chữ nhật. Chiều dài 1,2m, rộng 0,8m, cao 0,6 mét. Trong hồ đang chứa nước. Mực nước cách miệng hồ là 0,2 mét.

a/ Tính số lít nước có trong hồ ?

b/ Tính diện tích gạch lát xung quanh bên trong 4 mặt hồ và một mặt đáy.

Bài 7(1,5 điểm) Cho hình vẽ



a/ Giải thích vì sao $a \parallel b$

b/ Tính $\hat{D}_1; \hat{C}_1$. Cho biết $\hat{D}_2 = 60^\circ$

____**HẾT**____

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Bài	Hướng dẫn chấm	Điểm
1	Bài 1 (1,5 điểm)	
	a/ $3\frac{2}{5} - \frac{2}{7} : \left(\frac{-1}{7}\right)^2 = \frac{-53}{5}$	0,5
	b/ $\left(0,75 - \frac{2}{3}\right) : \frac{5}{12} + \left(\frac{-1}{3}\right)^{2023} : \left(\frac{-1}{3}\right)^{2022} = \frac{-2}{15}$	0,5
	c/ $\frac{5^{19} \cdot 27^9 \cdot 4^{11}}{125^6 \cdot 9^{13} \cdot 8^7} = \frac{5^{19} \cdot (3^3)^9 \cdot (2^2)^{11}}{(5^3)^6 \cdot (3^2)^{13} \cdot (2^3)^7} = \frac{5^{19} \cdot 3^{27} \cdot 2^{22}}{5^{18} \cdot 3^{26} \cdot 2^{21}} = 30$	0,5
2	Bài 2 (1,5 điểm)	
	a/ $x + \frac{3}{4} = -2\frac{1}{3};$ $x = \frac{-37}{12}$	0,5
	b/ $x \cdot \frac{2}{5} = (0,5)^2$ $x \cdot \frac{2}{5} = \frac{1}{4}$ $x = \frac{5}{8}$	0,5
	c/ $5x - \frac{2}{3} = \left(\frac{-1}{3}\right)^{50} : \left(\frac{-1}{3}\right)^{48}$ $5x - \frac{2}{3} = \left(\frac{-1}{3}\right)^2$ $5x = \frac{7}{9}$ $x = \frac{7}{45}$	0,25 0,25
3	Bài 3:(1,5 điểm).	
	$y = 6000000 + 200000.x$ a/ Thu nhập trong tháng 8 của anh Minh là $y = 6000000 + 200000.20 = 10\,000\,000$ (đồng)	1,0

	b/ Số xe máy anh Minh bán được trong tháng 9: (13 600 000 – 6 000 000): 200 000= 38 (chiếc)	0,5
4	Bài 4: (1,5 điểm	
	Số tiền mẹ bạn Lan phải trả khi mua 2 cái áo là: $200000 \cdot 2 \cdot 85\% = 340000$ (đồng)	0,75
	Giá tiền của nồi cơm điện khi chưa giảm giá là: (610000- 340000):90% = 300 000 (đồng)	0,75
5	Bài 5 (1,0 điểm).	
	a/ Biểu đồ biểu diễn tỉ lệ phần trăm điểm giữa kì 1 môn Toán của lớp 7A	0.25
	b/ Số học sinh lớp 7A là $8 : 20\% = 40$ (học sinh) Số học sinh đạt điểm giỏi môn Toán lớp 7A là $40 \cdot 25\% = 10$ (học sinh) Số học sinh đạt điểm khá môn Toán lớp 7A $40 - 8 - 10 = 22$ (học sinh)	0,75
6	Bài 6 (1,5 điểm)	
	a/ Số lít nước trong hồ là $1,2 \cdot 0,8 \cdot 0,4 = 0,384$ (m ³)= 384 (lít)	0,75
	b/ Diện tích xung quanh hồ là $2 \cdot (1,2 + 0,8) \cdot 0,6 = 2,4$ (m ²) Diện tích đáy hồ là $1,2 \cdot 0,8 = 0,96$ (m ²) Tổng diện tích gạch để lát xung quanh 4 mặt bên hồ và 1 mặt đáy là $2,4 + 0,96 = 3,36$ (m ²)	0,75

7	Bài 7(1,5 điểm)	
	a/ Vì a và b cùng vuông góc với đường thẳng AB nên a//b	0,5
	b/ ta có a//b => $\hat{D}_2 = \hat{C}_1 = 60^0$ (so le trong) Ta có $\hat{D}_1 + \hat{D}_2 = 180^0$ (kề bù) => $\hat{D}_1 = 180^0 - 60^0 = 120^0$	0,5 0,5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____**HẾT**____

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ		2 (TL1-1a,b) 1,25đ		2 (TL3-2a,b) 2,0đ		1 (TL6-3) 1,0đ		1 (TL9-1d) 0,75đ	50
2	Số thực	Căn bậc hai số học				1 (TL4-1c) 1,0đ					10
3	Các hình khối trong thực tiễn	Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác						2 (TL7-4a,b) 1,5đ			15
4	Một số yếu tố thống kê	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có						1 (TL8) 1,0đ			10

5	Góc và đường thẳng song song	Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song		1 (TL2-6a) 1,0đ		1 (TL5-6b) 0,5đ					15
Tổng: Số câu Điểm				3 2,25		4 3,5		4 3,5		1 0,75	12 10,0
Tỉ lệ %			22,5%		35%		35%		7,5%		100%
Tỉ lệ chung			57,5%				42,5%				100%

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. Thông hiểu:	2 (TL1-1a,b)			

		– Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính.	1,25đ	2 (TL3-2a,b) 2,0đ	1 (TL6-3) 1,0đ	1 (TL9-1d) 0,75đ
--	--	--	-------	--	-------------------------------------	---------------------------------------

2	Số thực	Căn bậc hai số học	Thông hiểu: – Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.		1 (TL4-1c) 1,0đ		
3	Các hình khối trong thực tiễn	Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.			1 (TL7-4a,b) 1,5đ	
4	Một số yếu tố thống kê	Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có	Vận dụng: – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).			1 (TL8 - 5) 1,0đ	
5	Góc và đường thẳng song song	Hai đường thẳng song song.	Nhận biết: – Nhận được dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song.	1 (TL2-6a) 1,0đ	1 (TL5-6b) 0,5đ		

			– Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.				
--	--	--	--	--	--	--	--

C. ĐỀ MINH HỌA

TRƯỜNG THCS TÂN THANH ĐÔNG

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN: TOÁN – LỚP: 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

Câu 1: (3,0 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $0,25 - \frac{3}{8}$

b) $\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-11}{9} \right) + \left(\frac{-7}{9} \right) \cdot \frac{1}{3}$

c) $\frac{6}{5} - \left(-\frac{2023}{2024} \right)^0 + \sqrt{16} : \frac{5}{2}$

d) $\frac{7^6 - 3^2 \cdot 49^3 - 3^3 \cdot 343^2}{20 \cdot 7^6}$

Câu 2: (2,0 điểm) Tìm x:

a) $x - \frac{1}{5} = \frac{3}{7}$

b) $\frac{9}{4} - \frac{1}{2}x = \frac{1}{7}$

Câu 3: (1 điểm) Định mức giá điện sinh hoạt năm 2021 như sau:

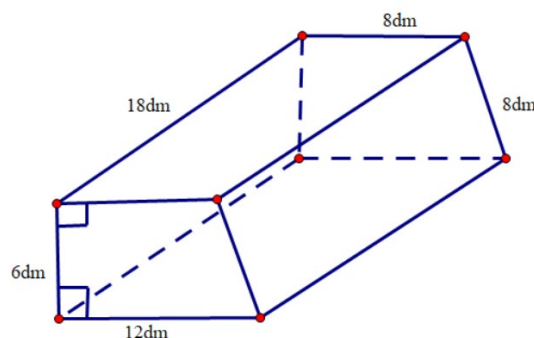
Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1678
Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1734
Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2014
Bậc 4: Từ 201 – 300 kWh	2536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kWh	2834
Bậc 6: Từ 401 kWh trở lên	2927

Trong tháng 10/2021, nhà bạn Mai sử dụng hết 210 kWh điện. Tính tiền điện nhà bạn Mai phải trả. Biết rằng thuế giá trị gia tăng là 10%. (Kết quả làm tròn đến hàng nghìn).

Câu 4 : (1,5 điểm) Nhà bạn Mai đang tiến hành đúc một khối bê tông hình lăng trụ đứng có kích thước như hình bên để làm một cái bục.

a) Nhà bạn ấy muốn sơn các mặt của cái bục, trừ mặt bên dưới. Hãy tính diện tích cần sơn?

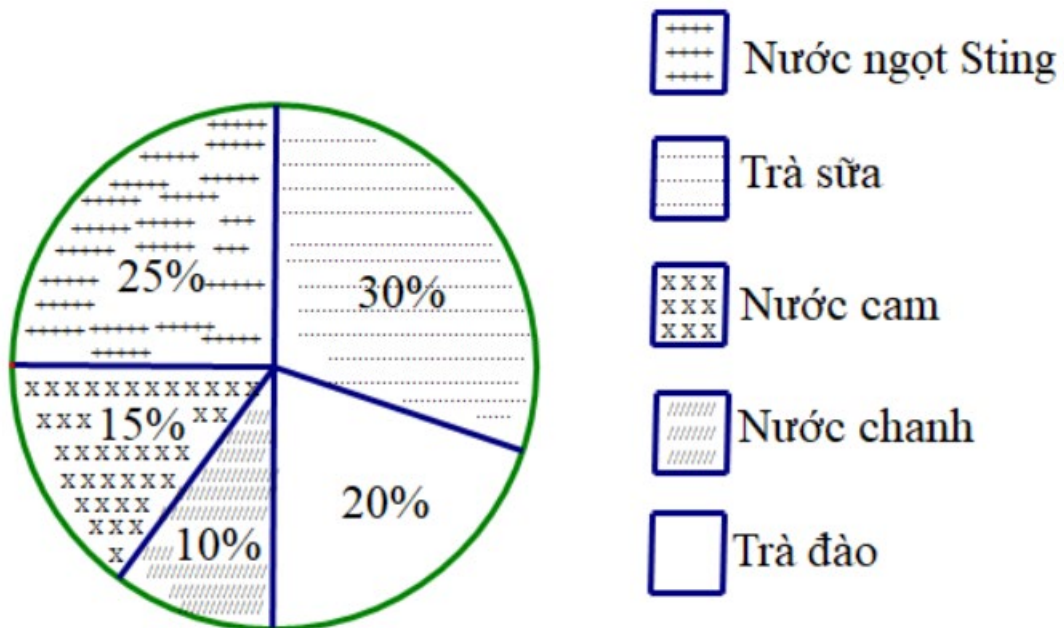
b) Tính chi phí để đúc khối bê tông đó, biết rằng để đúc 1 dm^3 bê tông hết 3000 đồng?



Câu 5: (1 điểm)

Sử dụng các thông tin từ biểu đồ sau để trả lời câu hỏi.

Tỉ lệ phần trăm loại nước uống yêu thích của học sinh lớp 7B

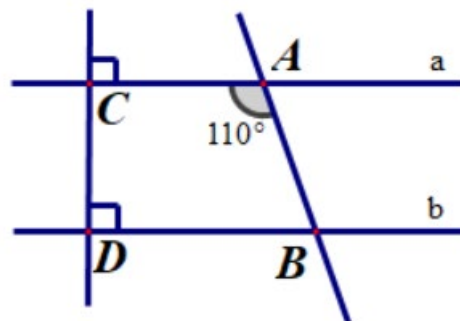


- Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?
- Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?
- Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm cao nhất?
- Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm thấp nhất?

Câu 6: (1,5 điểm)

Quan sát hình sau và cho biết:

- Vì sao $a \parallel b$?
- Số đo của góc $\widehat{ABD}$ là bao nhiêu?



_____HẾT_____

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Đáp án	Điểm
1 (3điểm)	a) $0,25 - \frac{3}{8} = \frac{1}{4} - \frac{3}{8} = \frac{2}{8} - \frac{3}{8} = \frac{-1}{8}$	(0,5đ)
	b) $\frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-11}{9} \right) + \left(\frac{-7}{9} \right) \cdot \frac{1}{3} = \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-11}{9} + \frac{-7}{9} \right) = \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-18}{9} \right) = \frac{1}{3} \cdot (-2) = \left(\frac{-2}{3} \right)$	(0,75đ)
	c) $\frac{6}{5} - \left(-\frac{2023}{2024} \right)^0 + \sqrt{16} : \frac{5}{2} = \frac{6}{5} - 1 + 4 : \frac{5}{2} = \frac{6}{5} - 1 + \frac{8}{5} = \frac{9}{5}$	(1,0đ)
	d) $\frac{7^6 - 3^2 \cdot 49^3 - 3^3 \cdot 343^2}{20 \cdot 7^6} = \frac{7^6 - 3^2 \cdot 7^6 - 3^3 \cdot 7^6}{20 \cdot 7^6}$ $= \frac{7^6 \cdot (1 - 3^2 - 3^3)}{20 \cdot 7^6} = \frac{-35}{20} = \frac{-7}{4}$	(0,75đ)
2 (2điểm)	a) $x - \frac{1}{5} = \frac{3}{7}$ $x = \frac{3}{7} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{22}{35}$	(1,0đ)
	b) $\frac{9}{4} - \frac{1}{2}x = \frac{1}{7}$ $\frac{1}{2}x = \frac{9}{4} - \frac{1}{7}$ $\frac{1}{2}x = \frac{59}{28}$ $x = \frac{59}{28} : \frac{1}{2}$ $x = \frac{59}{14}$	(1,0đ)
3 (1điểm)	Ta có: $210 = 50 + 50 + 100 + 10$ Tiền điện (chưa tính thuế GTGT) là: $50.1678 + 50.1734 + 100.2014 + 10.2536 = 397360$ (đồng) Tiền thuế GTGT là: $397360.10\% = 39736$ (đồng) Số tiền nhà bạn Mai phải trả là: $397\ 360 + 39\ 736 = 437\ 096$ đồng $\approx 437\ 000$ đồng. Vậy nhà bạn Mai phải trả khoảng 437 000 đồng.	(1,0đ)
4 (1,5điểm)	a) Diện tích cần sơn là:	(0,75đ)

	$2 \cdot \frac{(8+12) \cdot 6}{2} + (8+6+12+8) \cdot 18 - 18 \cdot 12 = 516(dm^2)$ b) Thể tích cái bục hình lăng trụ đứng là: $\frac{(8+12) \cdot 6}{2} \cdot 18 = 1080(dm^3)$ Chi phí để làm cái bục đó là: $1\,080 \cdot 3\,000 = 3\,240\,000(\text{đồng})$	(0,75đ)
5 (1điểm)	a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về tỉ lệ phần trăm loại nước uống yêu thích của học sinh lớp 7B. b) Có 5 loại nước uống: Nước ngọt Sting, Trà sữa, Nước cam, Nước chanh, Trà đào. c) Trà sữa chiếm tỉ lệ cao nhất. d) Nước chanh chiếm tỉ lệ ít nhất.	(1,0đ)
6	a) Vì cùng vuông góc với CD	(1,0đ)
(1,5điểm)	b) $\widehat{ABD} = 70^\circ$	(0,5đ)

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ. (16 tiết)	Nội dung 1: Các phép tính với số hữu tỉ. Tìm x		Số câu: 4 (Bài 1a, 1c, 2a, 2b) Điểm: (3,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 1d) Điểm: (0,75 đ)	Số câu: 1 (Bài 3) Điểm: (1 đ)	60
2	Chủ đề 2: Số thực (12 tiết)	Nội dung 1: Căn bậc hai số học		Số câu: 1 (Bài 1d) Điểm: (0,75 đ)			
		Nội dung 2: Số vô tỉ. Số thực					
3	Chủ đề 3: Các hình khối trong thực tiễn (12 tiết)	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương		Số câu: 1 (Bài 4) Điểm: (1 đ)			25
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác					
4	Chủ đề 4: Góc và đường	Nội dung 1:					

	thẳng song song (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc					
		Nội dung 2: Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song		Số câu: 1 (Bài 5a) Điểm: (0,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 5b) Điểm: (1 đ)		
		Nội dung 3: Khái niệm định lý, chứng minh một định lý					
5	Chủ đề 5: Một số yếu tố thống kê. (4 tiết)	Nội dung 1: Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước		Số câu: 2 (Bài 6a, 6b) Điểm: (1 đ)	Số câu: 1 (Bài 6c) Điểm: (0,5 đ)		15
		Nội dung 2: Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ					
Tổng: Số câu Điểm				9 6,75	3 2,25	1 1,0	100
Tỉ lệ %				67,5%	22,5%	10%	100
Tỉ lệ chung			67,5%		32,5%		100

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).		4 (Bài 1a, 1c, 2a, 2b)	1 (Bài 1d)	1 (Bài 3)
2	Số thực	Căn bậc hai số học	Nhận biết: – Nhận biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay		1 (Bài 1b)		
		Số vô tỉ. Số thực	Nhận biết: – Nhận biết được số đối của một số thực. – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực.				

			– Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. Vận dụng: – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước				
3	Các hình khối trong thực tiễn	<i>Hình hộp chữ nhật và hình lập phương</i>	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).		1 (Bài 4)		
		<i>Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác</i>	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).				
4	Các hình học cơ bản	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	Nhận biết : – Nhận biết được tia phân giác của một góc.				

		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		1 (Bài 5a)	1 (Bài 5b)	
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lí.				
5	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	Thông hiểu : – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). Vận dụng: – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.		3 (Bài 6a, 6b, 6c)		
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các	Nhận biết: – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.				

		<i>bảng, biểu đồ</i>					
	Phân tích và xử lý dữ liệu	<i>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có</i>	<i>Vận dụng:</i> – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (<i>pie chart</i>); biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).				

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TÂN THẠNH TÂY

KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2023 – 2024
MÔN: TOÁN – LỚP: 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Bài 1. (3 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí)

a) $-\frac{7}{10} + \frac{6}{23} + \frac{17}{10} + \frac{17}{23}$

b) $\sqrt{36} + \sqrt{25} - \sqrt{9}$

c) $\frac{1}{8} \cdot \frac{-5}{3} + \frac{-7}{3} \cdot \frac{1}{8}$

d) $\frac{27^2 - 9^2 + 3^3}{25}$

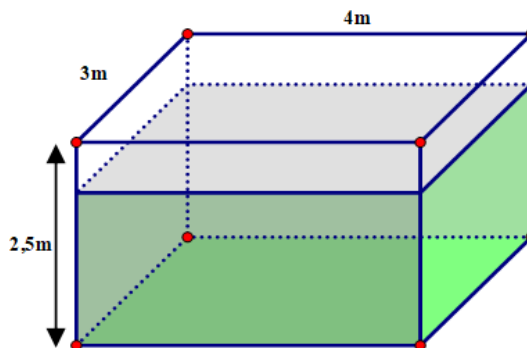
Bài 2. (2 điểm) Tìm x

a) $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{5}$

b) $\frac{3}{4}x + \frac{2}{5} = \frac{5}{6}$

Bài 3. (1 điểm) Nhân ngày 30/4, một cửa hàng thời trang giảm giá 20% cho tất cả các sản phẩm. Đặc biệt nếu khách hàng nào có thẻ khách hàng thân thiết của cửa hàng thì được giảm giá thêm 10% trên giá đã giảm. Chị Thanh là khách hàng thân thiết của cửa hàng, chị đã đến cửa hàng mua một chiếc váy có giá niêm yết là 800 000 đồng. Hỏi chị Thanh phải trả bao nhiêu tiền cho chiếc váy đó?

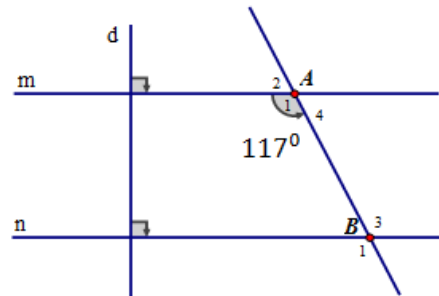
Bài 4. (1 điểm) Nhà bạn An có một bể nước hình hộp chữ nhật với kích thước chiều dài đáy bể là 4m, chiều rộng đáy bể là 3m và chiều cao của bể là 2,5m. Ba bạn An đổ nước vào bể sao cho khoảng từ mặt nước đến miệng bể là 0,3m. Hỏi thể tích nước trong bể là bao nhiêu ?



Bài 5. (1,5 điểm) Cho hình vẽ sau:

Biết $m \perp d; n \perp d$

- Chứng minh: $m \parallel n$
- Tính số đo các góc $\widehat{A_2}; \widehat{B_3}$



Bài 6. (1,5 điểm) Tìm hiểu về mức độ yêu thích đối với việc đọc sách trong thư viện của 8 bạn học sinh một trường Trung học cơ sở được cho bởi bảng thống kê sau:

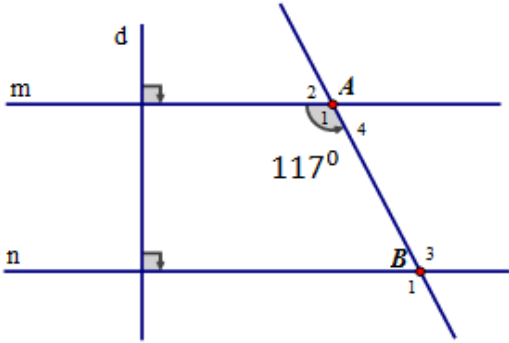
STT	Tuổi	Giới tính	Sở thích
1	14	Nam	Thích
2	14	Nam	Rất thích
3	14	Nữ	Không thích
4	12	Nữ	Thích
5	15	Nam	Rất thích
6	14	Nữ	Không quan tâm
7	12	Nam	Không thích
8	14	Nữ	Không quan tâm

Hãy cho biết:

- Các loại mức độ thể hiện sự yêu thích đối với việc đọc sách trong thư viện của 8 học sinh trên
- Có bao nhiêu học sinh nam và nữ được điều tra?
- Dữ liệu nào là định tính, dữ liệu nào là định lượng?

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

BÀI	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Bài 1 (3 điểm)	a) $-\frac{7}{10} + \frac{6}{23} + \frac{17}{10} + \frac{17}{23}$ $= \left(\frac{-7}{10} + \frac{17}{10} \right) + \left(\frac{6}{23} + \frac{17}{23} \right)$ $= \frac{10}{10} + \frac{23}{23}$ $= 1 + 1$ $= 2$ b) $\sqrt{36} + \sqrt{25} - \sqrt{9}$ $= 6 + 5 - 3$ $= 8$ c) $\frac{1}{8} \cdot \frac{-5}{3} + \frac{-7}{3} \cdot \frac{1}{8}$ $= \frac{1}{8} \cdot \left(\frac{-5}{3} + \frac{-7}{3} \right)$ $= \frac{1}{8} \cdot \frac{-12}{3}$ $= -\frac{1}{2}$ d) $\frac{27^2 - 9^2 + 3^3}{25}$ $= \frac{3^6 - 3^4 + 3^3}{25}$ $= \frac{3^3 \cdot (3^3 - 3 + 1)}{25}$ $= 27$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 2 (2 điểm)	a) $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{5}$ $x = \frac{3}{5} + \frac{1}{2}$ $x = \frac{11}{10}$ b) $\frac{3}{4}x + \frac{2}{5} = \frac{5}{6}$	0,5 đ 0,5 đ

	$\frac{3}{4}x = \frac{5}{6} - \frac{2}{5}$ $\frac{3}{4}x = \frac{13}{30}$ $x = \frac{13}{30} : \frac{3}{4}$ $x = \frac{13}{30} \cdot \frac{4}{3}$ $x = \frac{26}{45}$	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Bài 3 <i>(1 điểm)</i>	Giá chiếc váy khi được giảm 20% là: $800\,000 \cdot 80 : 100 = 640\,000$ (đồng) Giá chiếc váy khi được giảm tiếp 10% là $640\,000 \cdot 90 : 100 = 576\,000$ (đồng) Vậy chị Thanh phải trả 576 000 đồng cho chiếc váy	0,5 đ 0,5 đ
Bài 4 <i>(1 điểm)</i>	Chiều cao mực nước là $2,5 - 0,3 = 2,2$ (m) Thể tích nước trong bể: $3 \cdot 4 \cdot 2,2 = 26,4$ (m ³)	0,5 đ 0,5 đ
Bài 5 <i>(1,5 điểm)</i>	 a) Ta có : $\begin{cases} m \perp d \\ n \perp d \end{cases}$ Nên $m \parallel n$ b) Ta có $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_2}$ là 2 góc kề bù Nên	0,5 đ

	$\widehat{A_1} + \widehat{A_2} = 180^0$ $117^0 + \widehat{A_2} = 180^0$ $\widehat{A_2} = 63^0$ Ta có: $\widehat{A_1}$ và $\widehat{B_3}$ là 2 góc so le trong Nên $\widehat{A_1} = \widehat{B_3} = 117^0$	0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ
Bài 6 <i>(1,5 điểm)</i>	a) Các loại mức độ thể hiện: không thích, không quan tâm, thích, rất thích b) Có 4 học sinh nam và 4 học sinh nữ được điều tra c) Thái độ và giới tính là dữ liệu định tính, tuổi là dữ liệu định lượng	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ

KHUNG MA TRẬN

STT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Nội dung : Các phép tính với số hữu tỉ.	Số câu: 1 (Bài 1 a, 1b) Điểm: 1,5đ				1,5
			Số câu: 1 (Bài 2a) Điểm: 0,5đ	Số câu: 1 (Bài 1 c) Điểm: 1 đ	Số câu: 2 (Bài 4, 5) Điểm: 2 đ		3,5
2	Chủ đề 2: Số thực	Nội dung : Các phép tính với số thực, làm tròn số		Số câu: 2 (Bài 2b, 2c) Điểm: 2đ			2,0
3	Chủ đề 3: Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung : Hình hộp chữ nhật				Số câu: 1 (Bài 3) Điểm: 1 đ	1,0
4	Chủ đề 4: Góc và đường thẳng song song	Nội dung : Tia phân giác, hai góc kề bù	Số câu: 1 (Bài 6a) Điểm: 1 đ			Số câu: 1 (Bài 6b) Điểm: 1 đ	2,0
Tổng: Số câu			3	3	2	2	10
Điểm			3	3	2	2	
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I TOÁN 7

S T T	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ.	Nội dung : Các phép tính với số hữu tỉ.	Nhận biết: Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ.	Bài 1a,		
			Thông hiểu: – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tìm x	Bài 2a	Bài 2b, 2c	
			Vận dụng: Vận dụng các phép tính về số hữu tỉ để giải bài toán tính tiền điện.			Bài 4
	Số thực	Nội dung: Số thực, làm tròn số	Thông hiểu: Thực hiện phép tính	Bài 1b	Bài 1c	
Vận dụng Vận dụng giải bài toán thực tế về tăng giá, giảm giá.					Bài 5	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung: Hình hộp chữ	Vận dụng cao: - Giải quyết được vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích của hình hộp chữ nhật.			Bài 3
3	Góc và đường thẳng song song.	Nội dung:	Nhận biết: – Tính được góc dựa vào 2 góc kề bù.	Bài 6a		
			Vận dụng: – Dựa vào tia phân giác để tính góc			Bài 6b

Bài 1: (2,5 điểm) Thực hiện phép tính :

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CỦ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NHUẬN ĐỨC

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
KHỐI 7 – MÔN TOÁN**

a) $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} \cdot \frac{-2}{5};$

b) $\frac{1}{7} \cdot \frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \cdot \frac{1}{7};$

c) $\sqrt{144} - \left| \frac{-5}{4} \right| : \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2$

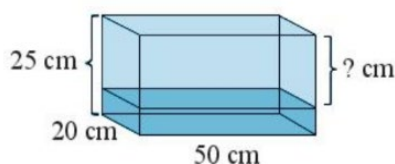
Bài 2: (2,5 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:

a) $x - \frac{7}{5} = \frac{13}{5}$

b) $\left| \frac{1}{2}x + 0,25 \right| - 1\frac{2}{3} = \frac{-1}{2}$

c) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4}x = 0,25$

Bài 3: (1 điểm). Một bể cá có kích thước như hình sau, người ta đổ vào đó 6,25 lít nước. Hỏi khoảng cách từ mực nước đến miệng bể là bao nhiêu?



Bài 4: (1 điểm). Định mức giá

điện sinh hoạt năm

2023 như sau:

Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1 678
Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1 734
Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2 014
Bậc 4: Từ 201 – 300 kWh	2 536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kWh	2 834
Bậc 6: Từ 401 kWh trở lên	2 927

Trong tháng 10/2023, nhà bạn Mai sử dụng hết 143kWh điện. Tính tiền điện nhà bạn Mai phải trả (làm tròn đến hàng nghìn). Biết thuế VAT là 10%.

Bài 5: (1 điểm). Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 10% tất cả các mặt hàng. Bác Năm mua một chiếc tivi với giá niêm yết là 12000000 đồng và một chiếc máy lạnh. Khi đó, cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 16 200 000 đồng.

a/ Tính giá của tivi sau khi giảm giá?

b/ Tính giá niêm yết của máy lạnh?

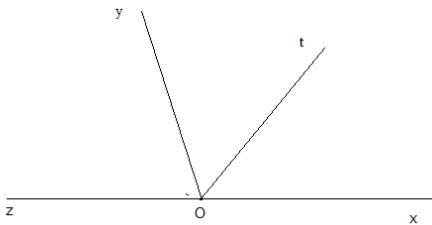
Bài 6: (2 điểm). Vẽ hai góc kề bù $\widehat{xOy}, \widehat{yOz}$ biết $\widehat{xOy} = 100^\circ$.

a) Tính $\widehat{yOz}$.

b) Vẽ Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$. Tính $\widehat{tOz}$.

Bài	Đáp án	Điểm
1 (2,5đ)	a (0,75 điểm): $\frac{4}{9} + \frac{5}{9} \cdot \frac{-2}{5}$	
	$= \frac{4}{9} + \frac{-10}{45}$	0.25
	$= \frac{4}{9} + \frac{-2}{9}$	0,25
	$= \frac{2}{9}$	0.25
	b (0,75 điểm). $\frac{1}{7} \cdot \frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \cdot \frac{1}{7};$	
	$= \frac{1}{7} \cdot \left(\frac{-3}{8} + \frac{-13}{8} \right)$	0.25
	$= \frac{1}{7} \cdot (-2)$	0,25
	$= \frac{-2}{7}.$	0.25
	c (1 điểm). $\sqrt{144} - \left \frac{-5}{4} \right : \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2.$	
	$= 12 - \frac{5}{4} : \left(\frac{2}{6} - \frac{3}{6} \right)^2$	0.25 + 0,25
	$= 12 - \frac{5}{4} : \frac{1}{36}$	0.25
	$= 12 - 45 = -33$	0,25
2	a) $x - \frac{7}{5} = \frac{13}{5}$ (0,5 điểm).	

2,5đ	$x = \frac{13}{5} + \frac{7}{5}$	0,25
	$x = \frac{20}{5} = 4$	0,25
	b) $\left \frac{1}{2}x + 0,25 \right - 1\frac{2}{3} = \frac{-1}{2}$ (1 điểm).	
	$\left \frac{1}{2}x + \frac{1}{4} \right - \frac{5}{3} = \frac{-1}{2}$ $\left \frac{1}{2}x + \frac{1}{4} \right = \frac{-1}{2} + \frac{5}{3}$	0,25
	$\left \frac{1}{2}x + \frac{1}{4} \right = \frac{7}{6}$	0,25
	$\frac{1}{2}x + \frac{1}{4} = \frac{7}{6}$ hay $\frac{1}{2}x + \frac{1}{4} = \frac{-7}{6}$	0,25
	$x = \frac{11}{6}$ hay $x = \frac{-17}{6}$	0,25
	c) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4}x = 0,25$ (1 điểm).	
	$\frac{1}{4}x = \frac{1}{4} - \frac{3}{4}$	0,25
	$\frac{1}{4}x = \frac{-1}{2}$	0,25
	$x = \frac{-1}{2} : \frac{1}{4}$	0,25
	$x = -2$.	0,25
3 1đ	Đổi 6,25 lít = 6250 cm ³ Chiều cao mực nước $6250 : (20 \cdot 50) = 6,25 \text{ cm}$	0,5
	Khoảng cách từ mực nước đến miệng bể là $25 - 6,25 = 18,75 \text{ cm}$	0,5

4 1đ	Ta có: 143 kwh = (50 + 50 + 43) kwh Số tiền điện mà nhà bạn Mai phải trả cho tháng 10/2023 là: $(50.1678 + 50.1734 + 43.2014)(100\% + 10\%) = 283\,000$ (đồng)	1
5 1đ	a) Sau khi giảm 10% giá của tivi còn: $12\,000\,000(100\% - 10\%) = 10\,800\,000$ (đồng)	0.5
	b) Sau khi giảm 10% giá của máy lạnh còn: $16\,200\,000 - 10\,800\,000 = 5\,400\,000$ (đồng)	0.25
	Giá niêm yết của máy lạnh là: $5\,400\,000 : (100\% - 10\%) = 6\,000\,000$ (đồng)	0.25
6 (2đ)		Vẽ hình Câu a: 0,25 Câu b: 0,25
	Ta có $\widehat{xOy}; \widehat{yOz}$ là hai góc kề bù nên: $\widehat{yOz} = 180^\circ - \widehat{xOy} = 180^\circ - 100^\circ = 80^\circ$	0,5
	Vì Ot là tia phân giác của $\widehat{xOy}$ nên $\widehat{tOx} = \frac{\widehat{xOy}}{2} = \frac{100^\circ}{2} = 50^\circ$	0,5
	Ta có $\widehat{xOt}; \widehat{tOz}$ là hai góc kề bù nên: $\widehat{xOt} + \widehat{tOz} = 180^\circ$ $\widehat{tOz} = 180^\circ - \widehat{xOt} = 180^\circ - 50^\circ = 130^\circ$	0,5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

A - KHUNG MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ. (18 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ.	Bài 1: (0,5đ) 1a	Bài 1: (1,5đ) 1b,1c			40%
		Tìm số hữu tỉ x		Bài 2: (0,75đ) 2a	Bài 2: (0,75đ) 2b	Bài 8: (0,5đ)	
2	Các hình khối trong thực tiễn. (14 tiết)	Hình hộp chữ nhật	Bài 7: (0,75đ) 7a		Bài 7: (0,75đ) 7b		15%
3	Toán thực tế	Bài toán về tăng (giảm) giá		Bài 4: (0,5đ) 4a		Bài 4: (1đ) 4b	15%
4	Thống kê	Phân tích biểu đồ	Bài 5: (1đ)				10%
5	Các hình học cơ bản (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.		Bài 3: (0,5đ)	Bài 6: (1đ) 6b		20%
		Hai đường thẳng song song.	Bài 6: (0,5đ) 6a				
Tổng: Số câu Điểm			3 2,75đ	5 3,25đ	4 2,5đ	2 1,5đ	14 10đ
Tỉ lệ %			27,5%	32,5%	25%	15%	
Tỉ lệ chung			60%		40%		

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ.	Số hữu tỉ. các phép tính với số hữu tỉ. Tìm số hữu tỉ x	Nhận biết: -Nhận biết được số hữu tỉ – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ – Nhận biết được thứ tự các bước thực hiện trong bài toán tìm giá trị x.	Bài 1a			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, căn bậc hai, giá trị tuyệt đối trong tập hợp số hữu tỉ. - Biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).		Bài 1b, 1c Bài 2a		
			Vận dụng: -Vận dụng giá trị tuyệt đối trong bài toán tìm x – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến tăng, giảm giá, bài toán tính tiền điện,...).		Bài 4a	Bài 2b Bài 4b	Bài 8
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Hình hộp chữ nhật	Nhận biết: -Nhận biết được một số yếu tố cơ bản của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.				
			Thông hiểu: –Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	Bài 7a			

			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.			Bài 7b	
3	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		Bài 3	Bài 6	
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.				
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Thông hiểu : Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). Vận dụng: Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.	Bài 5			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	Nhận biết: Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.				

UBND HUYỆN CỬ CHÌ
TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN 2

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: TOÁN 7 - NH: 2023 – 2024

Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1 (2 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{3}{5} + \left(-1\frac{1}{2}\right)$

b) $\frac{8}{3} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{8}{3} \cdot \frac{-9}{11}$

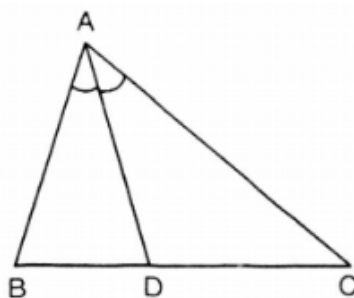
c) $\sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16}$

Bài 2(1,5 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{2}x - \frac{3}{5} = -\frac{1}{5}$

b) $|x - 2| - \frac{3}{5} = \frac{1}{2}$

Bài 3: (0,5 điểm) Cho hình vẽ biết AD là tia phân giác góc $\widehat{BAC}$, biết $\widehat{BAC} = 60^\circ$, Tính số đo của góc $\widehat{BAD}$



Bài 4: (1,5 điểm) Nhân dịp khai trương, cửa hàng thời trang giảm giá 10% so với giá niêm yết cho các sản phẩm áo và 15% cho các sản phẩm quần. Bạn Lan đến cửa hàng đó mua hai cái áo thun và một quần jean.

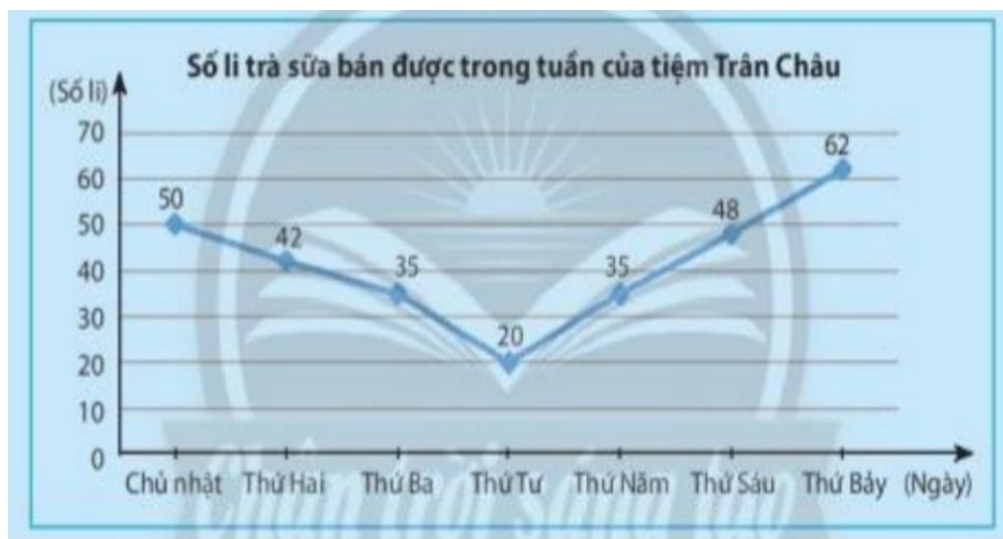
a) Tính số tiền một cái áo thun sau khi giảm giá biết giá niêm yết của một cái áo thun là 150 000 đồng.

b) Khi thanh toán bạn Lan đưa cho cô thu ngân 600 000 đồng và được trả lại 75 000 đồng. Tính giá niêm yết của chiếc quần jean.

Bài 5: (1,0 điểm) Quan sát hình vẽ.

a) Cho biết số ly trà sữa bán ngày thứ 5?

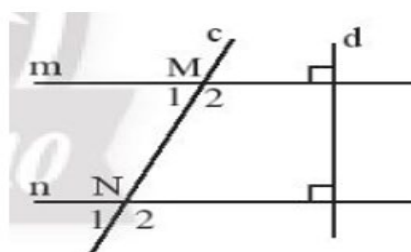
b) Ngày nào bán được nhiều ly trà sữa nhất?



Bài 6: (1,5 điểm) Em hãy quan sát Hình 8 và thực hiện các yêu cầu sau:

a) Chứng minh $m \parallel n$.

b) Cho $\widehat{N}_1 = 70^\circ$. Tính $\widehat{M}_1$; $\widehat{M}_2$.

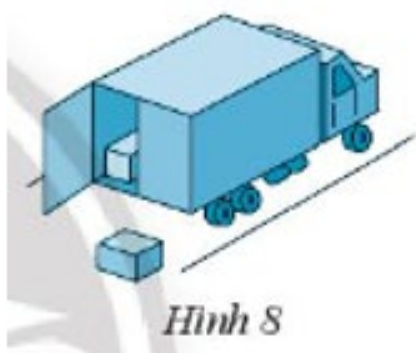


Hình 8

Bài 7 : (1,5 điểm) Một xe chở hàng có thùng xe là hình hộp chữ nhật có kích thước lần lượt là $6m$; $2m$ và $2,5m$.

a) Tính thể tích thùng xe.

b) Mỗi thùng hàng hình lập phương cạnh $50cm$. Thùng xe có thể chở tối đa bao nhiêu thùng hàng nếu biết cách sắp xếp hợp lý?



Hình 8

Bài 8 : (0,5đ) Tìm x biết :

$$\frac{1-x}{-9} = \frac{-25}{1-x}$$

Hết.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài 1 (2 điểm) Thực hiện phép tính

$$a) \frac{3}{5} + \left(-1\frac{1}{2}\right) = \frac{3}{5} + \left(-\frac{3}{2}\right) = \frac{6}{10} + \frac{-15}{10} = \frac{-9}{10} \quad \dots\dots\dots 0,25 + 0,25$$

$$b) \frac{8}{3} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{8}{3} \cdot \frac{-9}{11} = \frac{8}{3} \cdot \left(\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11}\right) = \frac{8}{3} \cdot \frac{-11}{11} = \frac{-8}{3} \quad \dots\dots\dots 0,75$$

$$\begin{aligned} & \sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16} \\ & = 9 \cdot \frac{1}{9} + \frac{2}{3} : 4 = 1 + \frac{2}{3} \cdot \frac{1}{4} = 1 + \frac{1}{6} = \frac{7}{6} \quad \dots\dots\dots 0,75 \end{aligned}$$

Bài 2 (1,5 điểm) Tìm x biết

$$a) \frac{1}{2}x - \frac{3}{5} = -\frac{1}{5}$$

$$\frac{1}{2}x = -\frac{1}{5} + \frac{3}{5}$$

$$\frac{1}{2}x = \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{2}{5} : \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{4}{5} \quad \quad \quad 0,25 + 0,25 + 0,25$$

$$b) |x - 2| - \frac{3}{5} = \frac{1}{2}$$

$$|x - 2| = \frac{1}{2} + \frac{3}{5} \quad \dots\dots\dots 0,25$$

$$|x - 2| = \frac{11}{10}$$

$$\text{Suy ra } x - 2 = \frac{11}{10} \text{ hoặc } x - 2 = \frac{-11}{10} \quad \dots\dots\dots 0,25$$

$$\text{Vậy } x = \frac{31}{10} \text{ hoặc } x = \frac{9}{10} \quad \dots\dots\dots 0,25$$

Bài 3 (0,5 điểm)

Vì AD là tia phân giác góc $\widehat{BAC}$ nên $\widehat{BAD} = \frac{1}{2} \widehat{BAC} = 30^0 \quad \dots\dots\dots 0,5 \text{ đ}$

Bài 4 (1,5 điểm)

Giá tiền 1 cái áo sau khi giảm là: $150000 \cdot (1 - 10\%) = 135000$ đồng0,5đ

Giá tiền 1 cái quần sau khi giảm là:

$$600000 - 2 \cdot 135000 - 75000 = 255000 \text{ đồng} \quad \dots\dots\dots 0,5\text{đ}$$

Giá ban đầu của cái quần là: $255000 : (1 - 15\%) = 300000$ đồng0,5đ

Bài 5: (1 điểm) Quan sát hình vẽ.

a) Số ly trà sữa bán ngày thứ 5 là : 35 ly0,5đ

b) Ngày bán được nhiều ly trà sữa nhất là : thứ 70,5đ

Bài 6(1,5 điểm)

a) Chứng minh $m \parallel n$.

Ta có: m và n cùng vuông góc với d nên $m \parallel n$ 0,5đ

b) Cho $\widehat{N_1} = 70^\circ$. Tính $\widehat{M_1}$; $\widehat{M_2}$.

Vì $m \parallel n$ nên $\widehat{M_1} = \widehat{N_1} = 70^\circ$. (2 góc đồng vị)0,5đ

Ta có: $\widehat{M_1} + \widehat{M_2} = 180^\circ$ (2 góc kề bù)

$$\text{Mà } \widehat{M_1} = 70^\circ \text{ nên } \widehat{M_2} = 110^\circ \quad \dots\dots\dots 0,5\text{đ}$$

Bài 7(1,5 điểm)

Thể tích thùng xe là: $6 \cdot 2 \cdot 2,5 = 30 \text{ m}^3$ 0,75

Số hàng tối đa thùng xe chở được là: $30 : (0,5 \cdot 0,5) = 120$ thùng 0,75

Bài 8(0,5điểm)

$$\frac{1-x}{-9} = \frac{-25}{1-x}$$

$$\Rightarrow (1-x)(1-x) = (-9) \cdot (-25)$$

$$\Rightarrow (1-x)^2 = 225 \quad \dots\dots\dots 0,25$$

$$\Rightarrow \begin{cases} 1-x=15 \\ 1-x=-15 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x=-14 \\ x=16 \end{cases} \quad \dots\dots\dots 0,25$$

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ (14 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ				2TL (TL1a, b; 2a, b) 2,0đ		1TL (TL3) 1,0đ		1TL (TL4) 1,0đ	40
2	Số thực (14 tiết)	Căn bậc hai số học, Làm tròn số				1TL (TL1c) 0,75đ					15
		Số vô tỉ. Số thực				1TL (TL2c) 0,75đ					
3	Các hình khối trong thực tiễn (11 tiết)	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương				1 (TL6a, b) 1,0đ		1 (TL6c) 0,5đ			15
4	Góc và đường thẳng song song (14 tiết)	Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song				1 (TL7a, b) 1,0đ		1 (TL7b) 1,0đ			20
5	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ		1 (TL5) 1,0đ							10
Tổng: Số câu Điểm				1 1,0		6 5,5		3 2,5		1 1,0	11 10,0
Tỉ lệ %			10%		55%		25%		10%		100%
Tỉ lệ chung			65%				35%				100%

B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i> Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).		1TL (TL1a,b; 2a,b)	1TL (TL3)	1TL (TL4)	
2	Số thực	<i>Căn bậc hai số học</i> Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng), căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay		1TL (TL1c)			
		<i>Số vô tỉ. Số thực</i> Thông hiểu: - Tính được giá trị tuyệt đối của một số thực của bài toán tìm x.		1TL (TL2c)			

3	Các hình khối trong thực tiễn	<i>Hình hộp chữ nhật và hình lập phương</i>	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính số viên gạch để lát sân, hồ bơi,...		1TL (TL6a,b)	1TL (TL6c)	
4	Các hình học cơ bản	<i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</i>	Vận dụng: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Tính được góc được tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong, cặp góc trong cùng phía.		1TL (TL7a.b)	1TL (TL7b)	
5	Thu thập và tổ chức dữ liệu	<i>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ</i>	Nhận biết: – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt tròn.	1TL (TL5)			

C. ĐỀ MINH HỌA

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TH – THCS TÂN TRUNG

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO KT CUỐI HỌC KỲ I 2023-2024

Môn: TOÁN – Lớp 7

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm có 02 trang)

Câu 1. (1,75 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{2}{5} + \frac{4}{7}$

b) $\frac{8}{3} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{8}{3} \cdot \frac{-9}{11}$

c) $\frac{5}{3} + \left(\frac{-11}{4}\right) : \sqrt{\frac{9}{16}} - \left(\frac{2023}{2024}\right)^0$

Câu 2. (1,75 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{3}{5} = \frac{-1}{2}$

b) $\frac{2}{3}x - \frac{5}{2} = \frac{1}{3}$

c) $\left|x - \frac{2}{5}\right| = \frac{1}{4}$

Câu 3. (1,0 điểm) Bảng giá điện sinh hoạt trong năm 2021 như sau:

Bậc	Số Kwh đã sử dụng	Giá (đồng/kwh)
1	Từ 0 đến 50	1678
2	Từ 51 đến 100	1734
3	Từ 101 đến 200	2014
4	Từ 201 đến 300	2536
5	Từ 301 đến 400	2834
6	Từ 401 trở lên	2927

Trong tháng 10/2021 gia đình bạn Minh đã sử dụng 190 kwh thì phải trả bao nhiêu tiền (Số tiền phải trả bao gồm 10% thuế VAT)

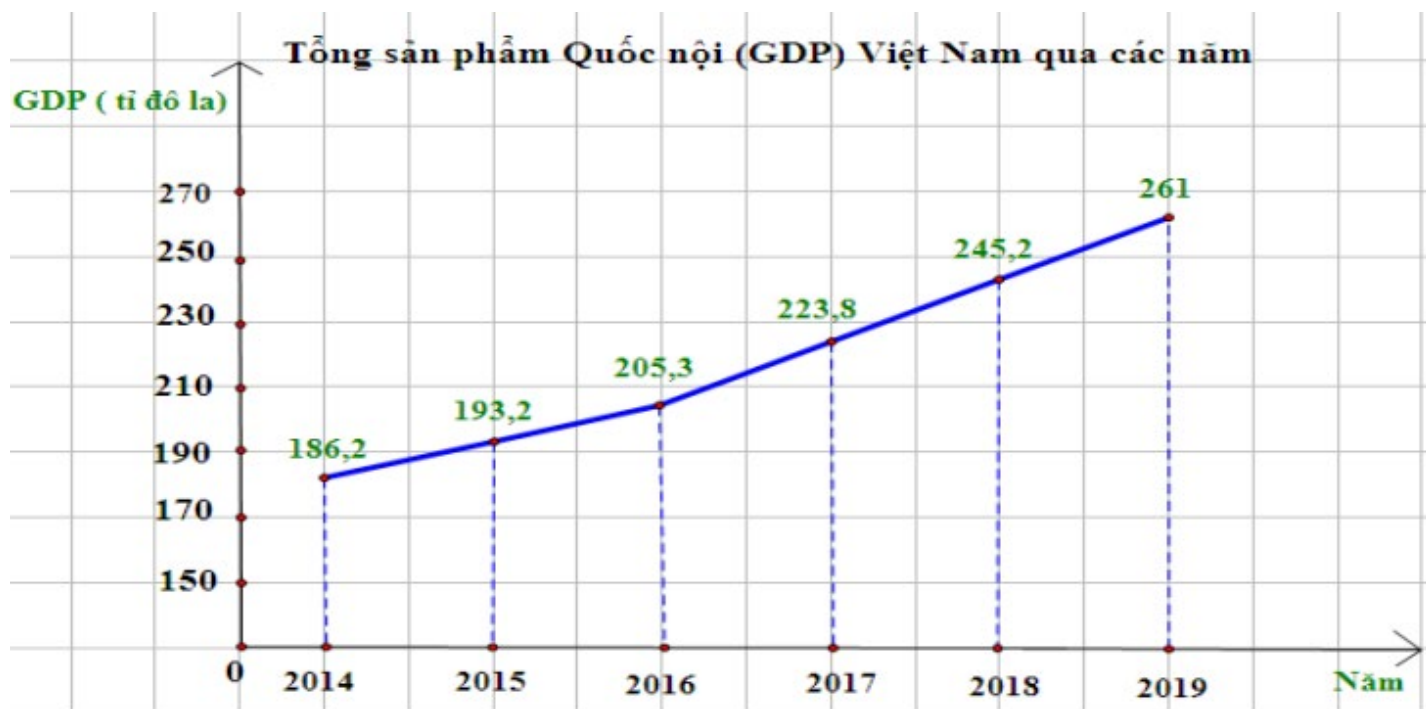
Câu 4. (1,0 điểm) Một cửa hàng nhập về 100 xe hơi đồ chơi với giá gốc mỗi cái 300 000 đồng. Cửa hàng đã bán 65 xe với giá mỗi cái lãi 30% so với giá gốc; 35 cái xe còn lại bán lỗ 7% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 100 xe hơi đồ chơi cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

Câu 5. (1,0 điểm) Cho biểu đồ biểu diễn tổng sản phẩm Quốc nội (GDP) Việt Nam qua các năm. Quan sát biểu đồ và trả lời các câu hỏi sau:

a) Năm 2017 GDP của Việt Nam là bao nhiêu?

b) Từ năm 2014 đến 2019, xu hướng của GDP tăng hay giảm?

c) Tính tỉ số phần trăm GDP của Việt Nam năm 2018 so với năm 2019 là bao nhiêu? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Câu 6. (1,5 điểm) Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 20m, chiều rộng 5m, chiều sâu 2,75m.

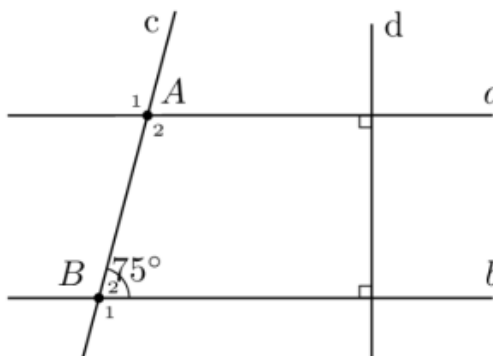
- Tính thể tích của hồ bơi.
- Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh).
- Biết gạch hình vuông dùng để lát hồ bơi có cạnh 50cm. Hỏi cần mua ít nhất bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.

Câu 7. (2,0 điểm) Cho hình vẽ bên:

Biết $\widehat{B_2} = 75^\circ$; $d \perp a$ và $d \perp b$.

a) Chứng minh $a \parallel b$?

b) Tính $\widehat{B_1}$; $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_2}$.



-----Hết-----

D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Lời giải	Điểm
1	Câu 1. [TH - TL1] (1,75 điểm) Thực hiện phép tính a) $\frac{2}{5} + \frac{4}{7}$ b) $\frac{8}{3} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{8}{3} \cdot \frac{-9}{11}$ c) $\frac{5}{3} + \left(\frac{-11}{4}\right) : \sqrt{\frac{9}{16}} - \left(\frac{2023}{2024}\right)^0$	
	a) $\frac{2}{5} + \frac{4}{7}$ $= \frac{14}{35} + \frac{20}{35}$ $= \frac{34}{35}$	0,25 0,25
	b) $\frac{8}{3} \cdot \frac{-2}{11} + \frac{8}{3} \cdot \frac{-9}{11}$ $= \frac{8}{3} \cdot \left(\frac{-2}{11} + \frac{-9}{11}\right)$ $= \frac{8}{3} \cdot \left(\frac{-11}{11}\right)$ $= \frac{8}{3} \cdot (-1)$ $= \frac{-8}{3}$	0,25 0,25
	c) $\frac{5}{3} + \left(\frac{-11}{4}\right) : \sqrt{\frac{9}{16}} - \left(\frac{2023}{2024}\right)^0$ $= \frac{5}{3} + \frac{-11}{4} : \frac{3}{4} - 1$ $= \frac{5}{3} + \frac{-11}{4} \cdot \frac{4}{3} - 1$ $= \frac{5}{3} + \frac{-11}{3} - \frac{3}{3}$ $= \frac{-9}{3}$ $= -3$	0,25 0,25 0,25

3	Câu 3. (1,0 điểm) [TH - TL3] Bảng giá điện sinh hoạt trong năm 2021 như sau: <table border="1" data-bbox="310 210 1401 537"> <thead> <tr> <th>Bậc</th><th>Số Kwh đã sử dụng</th><th>Giá (đồng/kwh)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Từ 0 đến 50</td><td>1678</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Từ 51 đến 100</td><td>1734</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Từ 101 đến 200</td><td>2014</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Từ 201 đến 300</td><td>2536</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Từ 301 đến 400</td><td>2834</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Từ 401 trở lên</td><td>2927</td></tr> </tbody> </table> Trong tháng 10/2021 gia đình bạn Minh đã sử dụng 190 kwh thì phải trả bao nhiêu tiền (Số tiền phải trả bao gồm 10% thuế VAT) Số tiền điện nhà bạn Minh đã tiêu thụ là: $50.1678 + 50.1734 + 90.2014 = 351\ 860$ (đồng) Số tiền điện nhà bạn Minh phải trả là: $351\ 860 .(1 + 10\%) = 387\ 046$ (đồng)	Bậc	Số Kwh đã sử dụng	Giá (đồng/kwh)	1	Từ 0 đến 50	1678	2	Từ 51 đến 100	1734	3	Từ 101 đến 200	2014	4	Từ 201 đến 300	2536	5	Từ 301 đến 400	2834	6	Từ 401 trở lên	2927	
Bậc	Số Kwh đã sử dụng	Giá (đồng/kwh)																					
1	Từ 0 đến 50	1678																					
2	Từ 51 đến 100	1734																					
3	Từ 101 đến 200	2014																					
4	Từ 201 đến 300	2536																					
5	Từ 301 đến 400	2834																					
6	Từ 401 trở lên	2927																					
4	Câu 4. (1,0 điểm) [VDC – TL4] Một cửa hàng nhập về 100 xe hơi đồ chơi với giá gốc mỗi cái 300 000 đồng. Cửa hàng đã bán 65 xe với giá mỗi cái lãi 30% so với giá gốc; 35 cái xe còn lại bán lỗ 7% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 100 xe hơi đồ chơi cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền? Số tiền cửa hàng lãi khi bán 65 cái xe là: $65.300\ 000.30\% = 5\ 850\ 000$ (đồng) Số tiền cửa hàng lỗ khi bán 35 cái xe còn lại là: $35.300\ 000.7\% = 735\ 000$(đồng) Ta có: $5\ 850\ 000 - 735\ 000 = 5\ 115\ 000$ (đồng) Vậy sau khi bán hết 100 xe hơi đồ chơi cửa hàng đã lãi 5 115 000 đồng.	0,25x2 0,25x2																					
5	Câu 5. (1,0 điểm) [TH – TL5] Cho biểu đồ biểu diễn tổng sản phẩm Quốc nội (GDP) Việt Nam qua các năm. Quan sát biểu đồ và trả lời các câu hỏi sau: a) Năm 2017 GDP của Việt Nam là bao nhiêu? b) Từ năm 2014 đến 2019, xu hướng của GDP tăng hay giảm? c) Tính tỉ số phần trăm GDP của Việt Nam năm 2018 so với năm 2019 là bao nhiêu? (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai). a) Năm 2017 GDP của Việt Nam là 223,8 tỉ đô la. b) Từ năm 2014 đến 2019, xu hướng của GDP tăng. c) Tỉ số phần trăm GDP của Việt Nam năm 2018 so với năm 2019 là $\frac{245,2}{261}.100\% \approx 93,95\%$	0,25 0,25 0,25x2																					

6	Câu 6. (1,5 điểm) [VD – TL6] Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 20m, chiều rộng 5m, chiều sâu 2,75m. a) Tính thể tích của hồ bơi. b) Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh). c) Biết gạch hình vuông dùng để lát hồ bơi có cạnh 50cm. Hỏi cần mua ít nhất bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.	
	a) Thể tích của hồ bơi là: $20.5.2,75 = 275 \text{ (m}^3\text{)}$ b) Diện tích xung quanh hồ bơi là: $(20 + 5).2.2,75 = 137,5 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích mặt đáy hồ bơi là: $20.5 = 100 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ là: $137,5 + 100 = 237,5 \text{ (m}^2\text{)}$ c) Đổi $50\text{cm} = 0,5\text{m}$ Diện tích 1 viên gạch là: $0,5.0,5 = 0,25 \text{ (m}^2\text{)}$ Số viên gạch để lát bên trong hồ bơi là: $237,5 : 0,25 = 950 \text{ (viên gạch)}$ Vậy cần mua ít nhất 950 viên gạch để lát bên trong hồ bơi.	0,25x2 0,25x2 0,25 0,25
7	Câu 7. (2,0 điểm) [VD – TL7] Cho hình vẽ bên: Biết $\widehat{B_2} = 75^\circ$; $d \perp a$ và $d \perp b$. a) Chứng minh $a \parallel b$? b) Tính $\widehat{B_1}$; $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_2}$.	0,25x2 0,25 0,25

	Vì $a \parallel b$ nên $\widehat{A_2} = \widehat{B_1} = 105^0$ (hai góc đồng vị)	0,25x2
	Vì $\widehat{A_1}$ và $\widehat{A_2}$ là hai góc đối đỉnh nên $\widehat{A_1} = \widehat{A_2} = 105^0$	0,25x2
	Vậy $\widehat{B} = 105^0$; $\widehat{A_1} = 105^0$; $\widehat{A_2} = 105^0$.	

---Hết---

A - KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ. (18 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ.		Bài 1: (2,0đ) 1a, 1b, 1c			35%
		Tìm số hữu tỉ x			Bài 2: (1,5đ) 2a, 2b		
2	Các hình khối trong thực tiễn. (14 tiết)	Hình hộp chữ nhật		Bài 5: (0,5đ) 5a	Bài 5: (1,0đ) 5b,5c		15%
3	Toán thực tế	Bài toán về tăng (giảm) giá			Bài 4: (0,5đ) 4a	Bài 4: (0,5đ) 4b	

							20%
		Bài toán về tính tiền điện.	Bài 3: (1đ) 1				
4	Thống kê	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Bài 7: (0,5đ) 7a,b,				10%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	Bài 7: (0,5đ) 7c,d				
5	Các hình học cơ bản (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.		Bài 6: (1,5đ) 6b			20%

		Hai đường thẳng song song.		Bài 6: (0,5đ) 6a			
Tổng:	Số câu		6	6	5	1	18
	Điểm		2đ	4,5đ	3đ	0,5đ	10đ
Tỉ lệ %			20%	45%	30%	5%	
Tỉ lệ chung			65%		35%		

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ.	Số hữu tỉ. các phép tính với số hữu tỉ. Tìm số hữu tỉ x	<i>Nhận biết:</i> -Nhận biết được số hữu tỉ – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ – Nhận biết được thứ tự các bước thực hiện trong bài toán tìm giá trị x.	Bài 3	Bài 1a, 1b,c		
			<i>Thông hiểu:</i> – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, căn bậc hai, giá trị tuyệt đối trong tập hợp số hữu tỉ.				

			- Biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).				
			<i>Vận dụng:</i> - Vận dụng giá trị tuyệt đối trong bài toán tìm x – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến tăng, giảm giá, bài toán tính tiền điện,...).			Bài 2a, 2b Bài 4a	Bài 4b
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Hình hộp chữ nhật	<i>Nhận biết:</i> - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.				
			<i>Thông hiểu:</i> – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.		Bài 5a, 5b		

			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.				
3	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		Bài 6a, 6b		

		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.				
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Thông hiểu : Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). Vận dụng:Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.	Bài 7			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	Nhận biết: Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.				

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÒA PHÚ

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: TOÁN – LỚP 7

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $16 - 25 \cdot \left(-\frac{1}{5}\right)^2$

b) $2 \cdot 1\frac{2}{7} - \frac{4}{7}$

c) $\sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16}$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $x + \frac{3}{5} = \frac{2}{3}$

b) $\frac{3}{2} + \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$

Bài 3: (1,0 điểm) Định mức giá điện sinh hoạt từ ngày 04/5/2023 như sau:

Bậc	Số điện (kwh)	Giá bán điện (đồng)
1	0 – 50	1728
2	51 – 100	1786
3	101 – 200	2074
4	201 – 300	2612
5	301 – 400	2919
6	401 trở lên	3015

Trong tháng 10/2023, nhà bạn Hiếu sử dụng hết 220 kwh điện. Tính tiền điện nhà bạn Hiếu phải trả. Biết rằng thuế giá trị gia tăng là 10%.

Bài 4: (1,0 điểm) Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 10% so với giá niêm yết cho tất cả các mặt hàng

a/ Tính giá của tivi sau khi giảm giá? Biết rằng giá niêm yết của một chiếc tivi tại cửa hàng đó là 14 000 000 đồng.

b/ Bà tư đến cửa hàng mua một chiếc tivi và một chiếc máy lạnh được cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 23 400 000 đồng. Tính giá niêm yết của máy lạnh?

Bài 5: (1,5 điểm) Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 30m, chiều rộng 10m, chiều sâu 1,9m.

a/ Tính thể tích của hồ bơi.

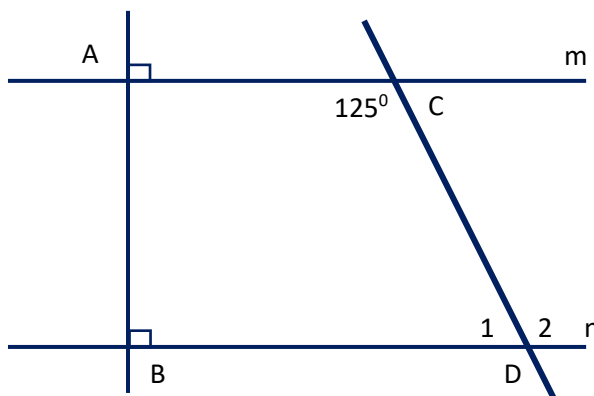
b/ Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ.

c/ Biết gạch dùng để lát hồ bơi hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi cần mua ít nhất bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.

Bài 6: (2,0 điểm) Cho hình vẽ:

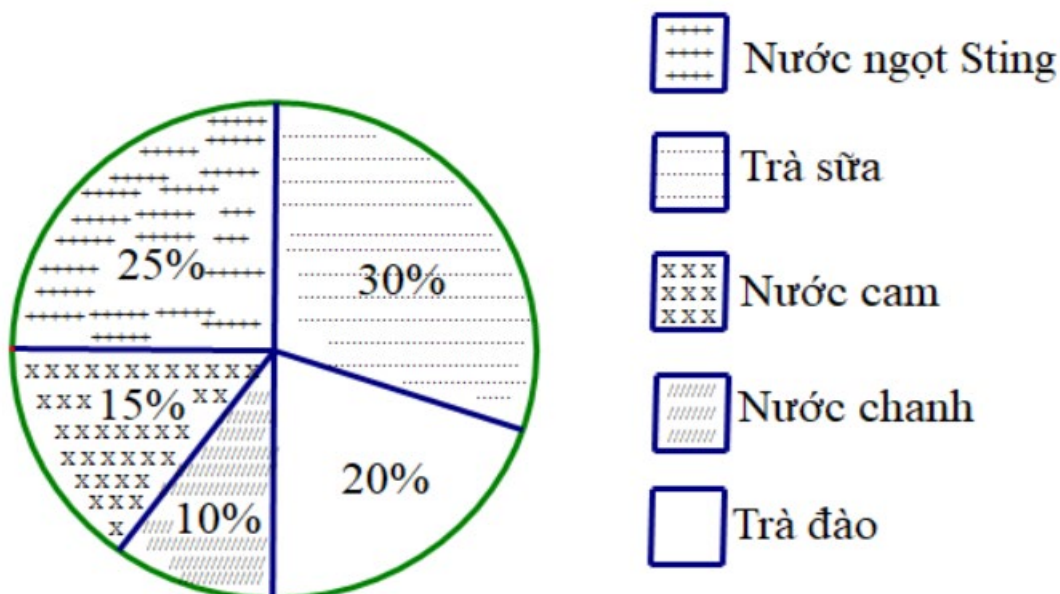
a) Chứng minh $m \parallel n$.

b) Cho biết $\widehat{ACD} = 125^\circ$. Tính số đo các góc D_1 ?



Bài 7: (1,0 điểm) Sử dụng các thông tin từ biểu đồ sau để trả lời câu hỏi.

Tỉ lệ phần trăm loại nước uống yêu thích của học sinh lớp 7A



a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?

b) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?

c) Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm cao nhất?

d) Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm thấp nhất?

HẾT

Bài	HƯỚNG DẪN CHẤM	ĐIỂM
1	$a/16 - 25 \cdot \left(-\frac{1}{5}\right)^2$ $= 16 - 25 \cdot \left(\frac{1}{25}\right)$ $= 16 - 1$ $= 15$	0,25đ 0,25đ
	$b/2 \cdot 1\frac{2}{7} - \frac{4}{7}$ $= 2 \cdot \frac{9}{7} - \frac{4}{7}$ $= \frac{18}{7} - \frac{4}{7}$ $= \frac{14}{7}$ $= 2$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	$c/\sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16}$ $= 9 \cdot \frac{1}{9} + \frac{2}{3} : 4$ $= 1 + \frac{1}{6} = \frac{7}{6}$	0,25đ 0,25đx2
2	$a)x + \frac{3}{5} = \frac{2}{3}$ $x = \frac{2}{3} - \frac{3}{5}$ $x = \frac{1}{15}$	0,25đ 0,25đ

	$b) \frac{3}{2} + \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$ $\frac{4}{5}x = \frac{5}{6} - \frac{3}{2}$ $\frac{4}{5}x = \frac{-2}{3}$ $x = \frac{-2}{3} : \frac{4}{5}$ $x = \frac{-5}{6}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
3	Số tiền điện nhà bạn Hiếu phải trả trong tháng 10/2023 là $(50.1728 + 50.1786 + 100.2074 + 20.2612).110\% = 478\,874$ (đồng)	0,5đx2
4	Giá của ti vi sau khi giảm là : $14\,000\,000.90\% = 12\,600\,000$ đồng	0,5đ
	Giá của máy lạnh sau khi giảm là : $23\,400\,000 - 12\,600\,000 = 10\,800\,000$ đồng	0,25đ
	Giá niêm yết của máy lạnh: $10\,800\,000 : 90\% = 12\,000\,000$ đồng	0,25đ
5	a)Thể tích hồ bơi là: $30.10.1,9 = 570$ (m ³) b)Diện tích cần lát gạch bên trong hồ là: $2.(30+10).1,9 + 30.10 = 452$ (m ²) c) Đổi 40cm = 0,4m Diện tích viên gạch là: $0,4.0,4 = 0,16$ (m ²) Số viên gạch cần mua là: $452 : 0,16 = 2825$ (viên)	0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ
6	a/Ta có: $m \perp AB, n \perp AB$ $\Rightarrow m \parallel n$	0,25đ 0,25đ

	b/ Ta có : m // n $\Rightarrow \widehat{D_2} = 125^0$ (so le trong) Mà $\widehat{D_1} + \widehat{D_2} = 180^0$ (kề bù) $\Rightarrow \widehat{D_1} = 180^0 - 125^0$ $\Rightarrow \widehat{D_1} = 55^0$	0,5đ 0,5đ 0,5đ
7	a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về tỉ lệ phần trăm loại nước uống yêu thích của học sinh lớp 7A. b) Có 5 loại nước uống: Nước ngọt Sting, Trà sữa, Nước cam, Nước chanh, Trà đào. c) Trà sữa chiếm tỉ lệ cao nhất. d) Nước chanh chiếm tỉ lệ ít nhất.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHẠM VĂN CỘI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NH 2023- 2024
MÔN: TOÁN 7
THỜI GIAN: 90 PHÚT

Bài 1: (3 điểm) Thực hiện phép tính

a. $-0,25 + \frac{3}{5} - 1\frac{1}{4}$

b. $\frac{5}{11} + \frac{-3}{17} + \frac{6}{11} + \frac{-14}{17} + \frac{3}{4}$

c. $\sqrt{16} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)^2 + \left|\frac{9}{5}\right| : (-9)$

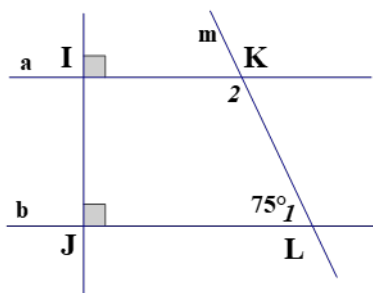
Bài 2: (2 điểm) Tìm x biết

a. $x - \frac{5}{2} = \frac{-7}{3}$

b. $\left|x + \frac{2}{5}\right| - \frac{2}{3} = 5$

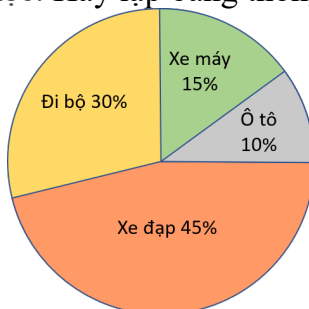
Câu 3. (0,5 NB + 1 TH) (1,5 điểm) Cho hình vẽ sau:

a) Chứng minh $a \parallel b$.



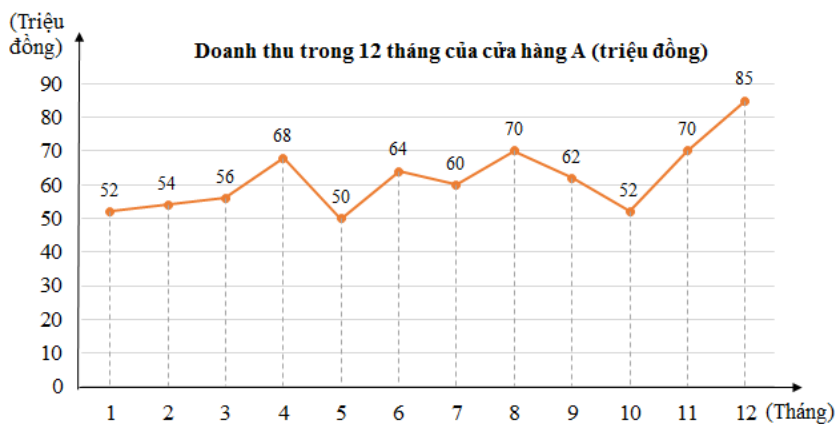
b) Tính $\widehat{IKL}$?

Câu 4. (NB) (0,5 điểm) Tỷ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học. Hãy lập bảng thống kê tương ứng



Câu 5. (TH) (0,5 điểm) Một nhà sản xuất quyết định giảm giá 8% cho 1 dòng máy tính bảng. Hỏi giá của máy tính bảng sau khi giảm giá là bao nhiêu biết rằng giá gốc của máy tính là 5 000 000 đồng.

Câu 6. (NB) (0,5 điểm) Quan sát biểu đồ sau rồi trả lời câu hỏi:



- Tháng nào cửa hàng có doanh thu nhiều nhất?
- Vào tháng 4 doanh thu của cửa hàng là bao nhiêu?

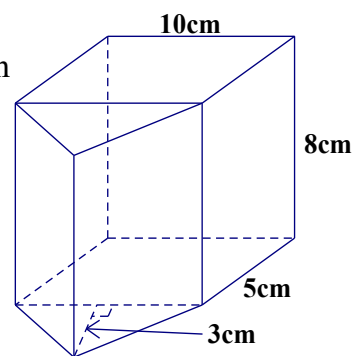
Câu 7. (0,25 NB + 0,5 VD) (0,75 điểm) Lớp trưởng khảo sát về các thể loại phim được yêu thích của các bạn trong lớp 7A và thu được bảng thống kê sau:

Thể loại phim	Hành động	Khoa học viễn tưởng	Hoạt hình	Hài
Số lượng bạn yêu thích	7	8	15	10

Từ bảng thống kê trên hãy cho biết:

- Lớp 7A có bao nhiêu học sinh tham gia cuộc khảo sát?
- Tính tỉ lệ % của số bạn yêu thích phim hài.

Câu 8. (VDC) (1,0 điểm) Một vật thể có hình dạng như hình bên. Tính thể tích của vật đó.



---HẾT---

B. PHẦN TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
1 3 điểm	Mỗi câu giải đúng 1đ	
2 (1,0đ)	$x - \frac{5}{2} = \frac{-7}{3}$ a. $x = -\frac{7}{3} + \frac{5}{2}$ $x = \frac{1}{6}$ $\left x + -\frac{2}{5} \right - \frac{2}{3} = 5$ b. $\left x + \frac{2}{5} \right = 5 + \frac{2}{3}$ $x + \frac{2}{5} = \frac{17}{5} \text{ hay } x + \frac{2}{5} = -\frac{17}{5}$ $x = 3 \text{ hay } x = -\frac{19}{5}$	1đ <

5 (0,5đ)	Giá của máy tính bảng sau khi giảm giá là $5\,000\,000 \cdot (1 - 0,08) = 4\,600\,000$ (đồng)	0,5
6 (0,5đ)	a) Tháng 12 cửa hàng có doanh thu nhiều nhất.	0,25
	b) Vào tháng 4 doanh thu của cửa hàng là 68 triệu đồng.	0,25
7 (0,75đ)	a) Số học sinh lớp 7A tham gia cuộc khảo sát là: Có $7 + 8 + 15 + 10 = 40$ học sinh tham gia khảo sát.	0,25
	b) Tỷ lệ % của số bạn yêu thích phim hài $\frac{10 \cdot 100\%}{40} = 25\%$	0,5
8 (1,0đ)	Thể tích của phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là $V = 5 \cdot 10 \cdot 8 + \frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 10 \cdot 8 = 315 + 54 = 520 (cm^3)$	1,0

(Học sinh làm cách khác nhưng đúng vẫn được điểm của câu hỏi)

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ (14 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ Tìm x	2 (TL1) 1,5đ	2 (TL1,2) 1,25đ	2 (TL1,2) 1,25đ		40
2	Toán thực tế	Tính tiền giảm giá			1 (TL3) 1,0đ		10
3	Các hình khối trong thực tiễn (11 tiết)	Hình hộp chữ nhật			2 (TL 4) 1,5đ		15
4	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	1 (TL5) 0,5đ	1 (TL5) 0,5đ			10
5	Góc và đường thẳng song song (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.	1 (TL6a) 0,5đ				25
		Hai đường thẳng song song. Tính số đo góc		1 (TL6b) 1,25đ		1 (TL6c) 0,75đ	
Tổng: Số câu Điểm			4 2,5	3 3,0	5 3,75	1 0,75	13 10,0
Tỉ lệ %			25%	30%	37,5%	7,5	100%
Tỉ lệ chung			55%		45%		100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Nhận biết : Tính đúng cộng, trừ, nhân, chia hai số hữu tỉ, tìm x Thông hiểu: – Tính đúng cộng, trừ, nhân, chia hai số hữu tỉ, tìm x Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được thứ tự thực hiện phép tính trong tập hợp số hữu tỉ.	2 (TL1) 1,5đ	2 (TL1) 1,25đ	2 (TL2) 1,25đ	
2	Toán thực tế	Tính tiền giảm giá	Vận dụng: Tính được giá tiền khi giảm giá			1 (TL3) 1,0đ	
3		<i>Hình hộp chữ nhật</i>	– Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích của hình hộp chữ nhật			1TL (TL4) 1,5đ	

4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	<i>Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước</i>	<i>Nhận biết :</i> Biết phân loại các dữ liệu dựa trên tiêu chí định tính và định lượng <i>Thông hiểu :</i> – Tính được tổng số HS	1 (TL5) 0,5đ	1 (TL5) 0,5đ		
5	Các hình hình học cơ bản	<i>Góc ở vị trí đặc biệt.</i>	<i>Nhận biết :</i> – Nhận biết được hai góc kề bù, hai góc đồng vị.	1TL (TL7a) 0,5đ			
		<i>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</i>	<i>Thông hiểu:</i> – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng. <i>Vận dụng:</i> - Vận dụng được tính chất của hai đường thẳng song song để tính số đo góc ở vị trí đồng vị.		1TL (T7b) 1,25đ	1TL (TL7c) 0,75đ	

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề gồm có 02 trang)

Câu 1: (3đ) Thực hiện phép tính

a) $\frac{-3}{8} \cdot \frac{2}{15} + \frac{1}{10}$

b) $1\frac{1}{2} - \left(\frac{-1}{3}\right)^2 : \frac{4}{9}$

c) $\frac{-13}{15} \cdot \frac{24}{29} - \frac{13}{15} : \frac{29}{5}$

d) $\frac{2}{3} \cdot \sqrt{\frac{9}{25}} + \left| \frac{-13}{5} \right| \cdot (-2023)^0$

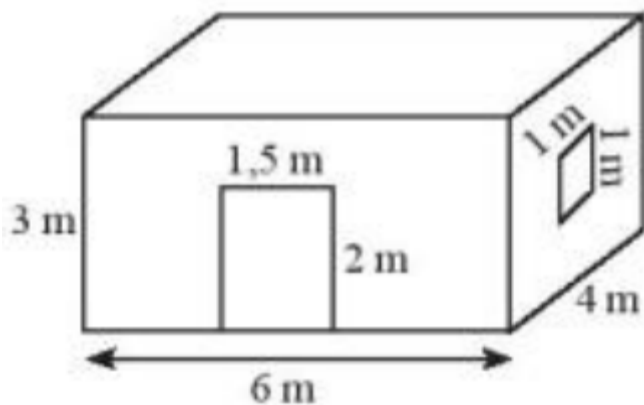
Câu 2: (1đ) Tìm x

a) $x - \frac{5}{2} = \frac{1}{4}$

b) $\frac{1}{2}x + \frac{7}{18} = \frac{5}{6}$

Câu 3.(1đ) Dì Lan mua một cái áo ở siêu thị có giá niêm yết là 560 000 đồng và được giảm giá 15%. Dì mua thêm một đôi giày có giá niêm yết là 400 000 đồng và được giảm giá 10%. Hỏi dì Lan phải trả hết bao nhiêu tiền khi mua hai món hàng trên?

Câu 4. (1,5đ) Một căn phòng có các kích thước như hình vẽ. Hỏi cần phải tốn bao nhiêu tiền để sơn căn phòng này (không sơn cửa chính, cửa sổ và trần) ? Biết rằng chi phí sơn mỗi mét vuông là 50 nghìn đồng.

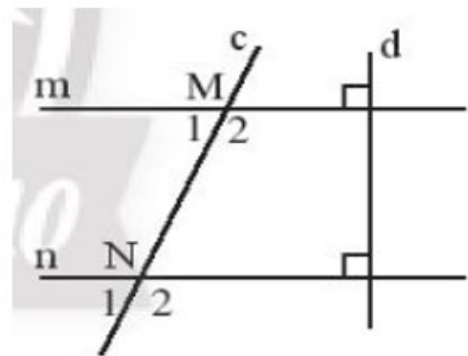


Câu 5.(1đ) Tìm hiểu về sở thích đối với môn cầu lông của các bạn học sinh lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

Thái độ	Không quan tâm	Không thích	Thích	Rất thích
Số bạn tự đánh giá	7	14	13	6

- a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê dựa trên hai tiêu chí định tính và định lượng.
b) Tính sĩ số học sinh của lớp 7A.

Câu 6. (2,5 điểm) Vẽ lại hình sau, biết $\widehat{M_1} = 62^\circ$



Hình 8

- a) Kể tên một góc kề bù với $\widehat{M_1}$ và một góc đồng vị với $\widehat{M_2}$
a) Đường thẳng m có song song với đường thẳng n không? Vì sao? Tính góc $\widehat{M_2}$.
c) Tính $\widehat{N_1}$

..... Hết

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn : Toán – Lớp: 7

Câu	Lời giải	Điểm
1 (3đ)	$a) \frac{-3}{8} \cdot \frac{2}{15} + \frac{1}{10} = \frac{-1}{20} + \frac{1}{10}$ $= \frac{-1}{20} + \frac{2}{20} = \frac{1}{20}$ $b) 1\frac{1}{2} - \left(\frac{-1}{3}\right)^2 : \frac{4}{9}$ $= \frac{3}{2} - \frac{1}{9} : \frac{4}{9}$ $= \frac{3}{2} - \frac{1}{4}$ $= \frac{5}{4}$ $c) \frac{-13}{15} \cdot \frac{24}{29} - \frac{13}{15} : \frac{29}{5} = \frac{-13}{15} \cdot \frac{24}{29} - \frac{13}{15} \cdot \frac{5}{29}$ $= \frac{-13}{15} \left(\frac{24}{29} + \frac{5}{29} \right)$ $= \frac{-13}{15} \cdot \frac{29}{29}$ $= \frac{-13}{15}$ $d) \frac{2}{3} \cdot \sqrt{\frac{9}{25}} + \left \frac{-13}{5} \right \cdot (-2023)^0$ $= \frac{2}{3} \cdot \frac{3}{5} + \frac{13}{5} \cdot 1$ $= \frac{2}{5} + \frac{13}{5} = \frac{15}{5} = 3$	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
2 (1,0đ)	$a) x - \frac{5}{2} = \frac{1}{4}$ $x = \frac{1}{4} + \frac{5}{2}$ $x = \frac{11}{4}$	0,25 0,25

---Hết---

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC HIỆP

KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TOÁN – KHỐI 7

Thời gian: 90 phút

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức : Đánh giá mức độ nhận thức các kiến thức đại số, số học và hình học đã học trong chương trình HK1 .

2. Kỹ năng: - Rèn kỹ năng cơ bản trong giải toán và kỹ năng giải các bài toán thực tế

3. Thái độ: Rèn thái độ tích cực trong kiểm tra, ý thức tự giác khi làm bài kiểm tra.

4. Năng lực – phẩm chất:

-*Năng lực*: HS được rèn năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp ...

- *Phẩm chất*: HS có tính tự lập, tự tin , tự chủ ...

II. YÊU CẦU - HÌNH THỨC KIỂM TRA:

1. Yêu cầu : Theo chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp với năng lực học sinh theo 4 cấp tư duy : Nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao.

2. Hình thức kiểm tra : Tự luận .

III. NỘI DUNG:

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	
----	--------	--	-----------------	--

		Nội dung/Đơn vị kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng % điểm
1	Số hữu tỉ (13 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ	1 (TL1a) 0,5đ	1 (TL1b) 0,75đ	1 (TL1c) 0,75đ		20
2	Số thực (13 tiết)	Căn bậc hai số học					40
		Số vô tỉ. Số thực		1 (TL2) 2đ	2 (TL3,4a) 1,5đ	1 (TL4b) 0,5đ	
3	Các hình khối trong thực tiễn (11 tiết)	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương		1 (TL6a) 1đ	1 (TL6b) 1đ		20
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác					
4	Góc và đường thẳng song song (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc			1 (TL5b) 1,0đ		20
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	1 (TL5a) 1,0đ				

	Khái niệm định lí, chứng minh một định lí					
Tổng:	Số câu	2	3	5	1	11
	Điểm	1,5	3,75	4,25	0,5	10,0
	Tỉ lệ %	10%	35%	45%	10%	100%
	Tỉ lệ chung	45%		55%		100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
Nhận biết				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ								
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng	1 (TL1a) 0,5đ	1 (TL1b) 0,75đ			

			cơ số, lũy thừa của lũy thừa). Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			1 (TL1c) 0,75đ		
2	Số thực	Căn bậc hai số học	Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay					

		Nhận biết: – Nhận biết được số đối của một số thực. – Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực. Số vô tỉ. Số thực Vận dụng: – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước		1 (TL2) 2đ	2 (TL3,4a) 1,5đ	1 (TL4b) 0,5đ
3	Các hình khối trong thực tiễn Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví		1TL (TL6a)		1TL (TL6b)

			dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).					
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).					
4	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết : – Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Vận dụng: Tính được giá trị của các góc ở vị trí so le trong			1TL (TL5b)		
		Hai đường thẳng song	Nhận biết: – Nhận biết được tiên đề	1TL (TL5a)				

		<i>song.</i> <i>Tiên đề</i> <i>Euclid</i> <i>về</i> <i>đường</i> <i>thẳng</i> <i>song</i> <i>song</i>	Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: – Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. – Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.					
		<i>Khái</i> <i>niệm</i> <i>định lí,</i> <i>chứng</i> <i>minh</i> <i>một</i> <i>định lí</i>	Nhận biết: - Nhận biết được thế nào là một định lí.					

C. ĐỀ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI TRƯỜNG THCS PHƯỚC HIỆP	KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: TOÁN – KHỐI 7 Thời gian: 90 phút
--	--

Câu 1. (2,0 điểm) Tính :

a/ $\frac{4}{7} + \frac{8}{13} : \frac{-4}{13}$

b/ $\frac{1}{5} \cdot \frac{-4}{3} + \frac{-11}{3} \cdot \frac{1}{5}$

c/ $\frac{3^{19} \cdot 8^5}{9^{10} \cdot 2^{15}}$

Câu 2. (2,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - 1,25 = \frac{-3}{4}$ b) $\frac{1}{2}x + \frac{3}{4} = 1\frac{1}{8}$

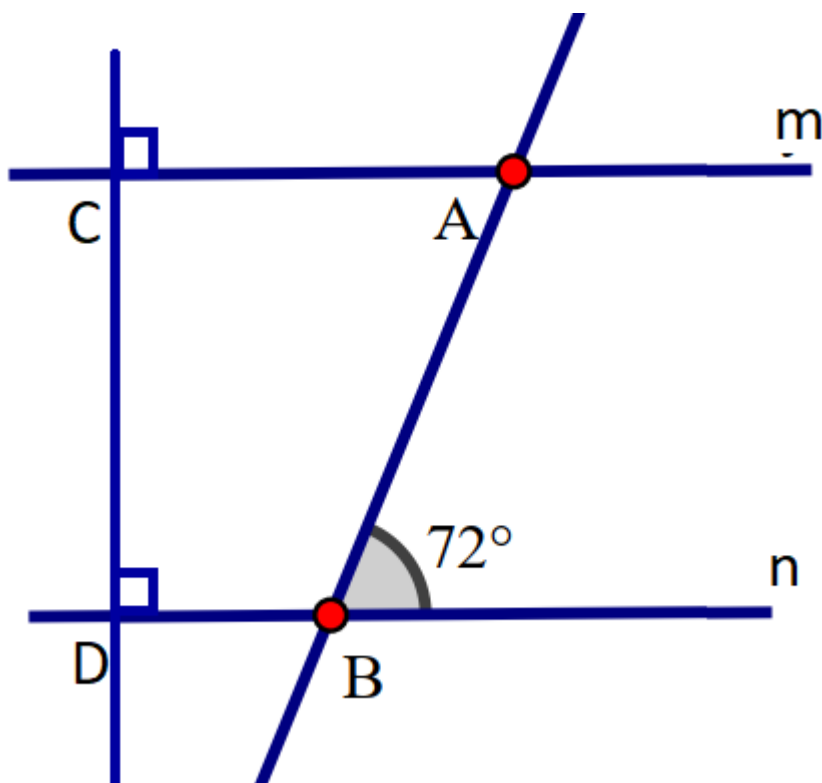
Câu 3.(1,0 điểm) Một cửa hàng đã nhập về 100 cái máy tính với giá vốn 600 000 đồng / 1 cái. Lúc đầu cửa hàng bán được 80 cái , với giá bán 750 000 đồng / 1 cái. Hỏi số máy còn lại cửa hàng bán với giá bao nhiêu để được mức lợi nhuận 20% so với vốn ban đầu?

Câu 4. (1 điểm) Vào tháng 8, giá niêm yết của một cái ti vi tại siêu thị điện máy là 20 000 000 đồng. Đến tháng 9, siêu thị giảm 10 % cho mỗi cái ti vi. Sang tháng 10, siêu thị tiếp tục giảm giá thêm 15% (so với giá của tháng 9).

a/ Tính giá của một cái ti vi vào tháng 10.

b/ Hỏi giá tiền của ti vi ở tháng 10 giảm bao nhiêu phần trăm so với tháng 8.

Câu 5. (2,0 điểm) Cho hình vẽ



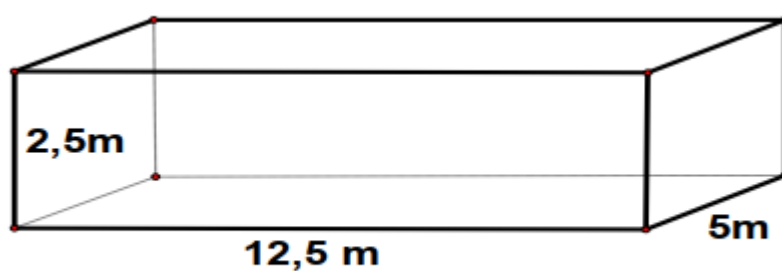
a/ Chứng minh $m \parallel n$

b/ Tính $\widehat{CAB}$

Câu 6. (2,0 điểm) Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ lần lượt là: Chiều dài 12,5m, chiều rộng 5m, chiều sâu 2,5m.

a) Tính thể tích của hồ bơi.

b) Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh).

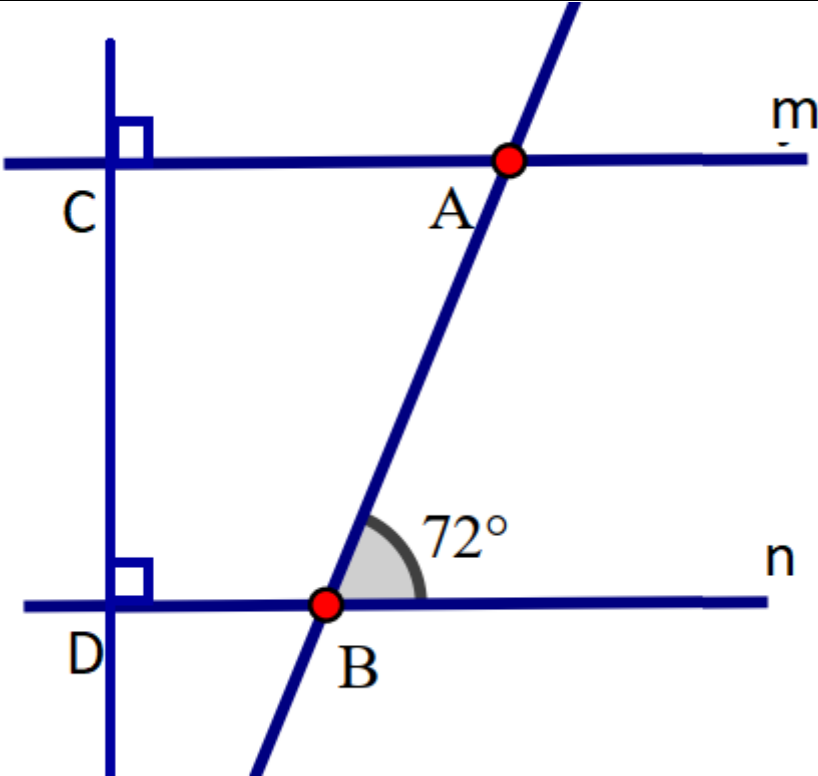


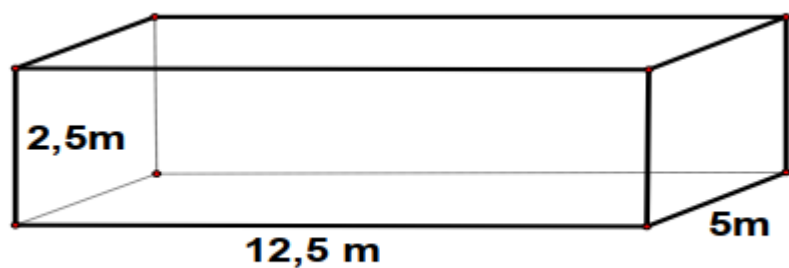
D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Lời giải	Điểm
1 (2,0 điểm)	a/ $\frac{4}{7} + \frac{8}{13} : \frac{-4}{13}$ $= \frac{4}{7} + \frac{8}{13} \cdot \frac{-13}{4}$	0,25

	$= \frac{4}{7} + (-2)$	0,25
	$= \frac{4}{7} + \frac{-14}{7}$	0,25
	$= \frac{10}{7}$	0,25
	b/ $\frac{1}{5} \cdot \frac{-4}{3} + \frac{-11}{3} \cdot \frac{1}{5}$	0,25
	$= \frac{1}{5} \cdot \left(\frac{-4}{3} + \frac{-11}{3} \right)$	0,25
	$= \frac{1}{5} \cdot \left(\frac{-15}{3} \right)$	
	$= -1$	
	c/ $\frac{3^{19} \cdot 8^5}{9^{10} \cdot 2^{15}}$	0,25
	$= \frac{3^{19} \cdot 2^{15}}{3^{20} \cdot 2^{15}}$	0,25
	$= \frac{1}{3}$	

2 (2,0 điểm)	a/ $x - 1,25 = \frac{-3}{4}$ $x = \frac{-3}{4} + 1,25$ $x = \frac{-3}{4} + \frac{5}{4}$ $x = \frac{1}{2}$ b/ $\frac{1}{2}x + \frac{3}{4} = 1\frac{1}{8}$ $\frac{1}{2}x = 1\frac{1}{8} - \frac{3}{4}$ $\frac{1}{2}x = \frac{3}{8}$ $x = \frac{3}{8} : \frac{1}{2}$ $x = \frac{3}{4}$	0,5 0,5 0,25 0,25 0,25
3 (1,0 điểm)	Một cửa hàng đã nhập về 100 cái máy tính với giá vốn 600 000 đồng / 1 cái. Lúc đầu cửa hàng bán được 80 cái , với giá bán 750 000 đồng / 1 cái. Hỏi số máy còn lại cửa hàng bán với giá bao nhiêu để được mức lợi nhuận 20% so với vốn ban đầu? Số tiền bán 80 cái máy tính lúc đầu $750\,000 \cdot 80 = 60\,000\,000$ (đồng) Số tiền thu được sau khi bán 100 cái máy với lợi nhuận 20%: $600\,000 \cdot 100 \cdot (1+20\%) = 72\,000\,000$ (đồng) Giá bán của mỗi cái máy tính còn lại là $(72\,000\,000 - 60\,000\,000) : 20 = 600\,000$ (đồng)	0,25 0,25 0,5
4 (1,0 điểm)	Vào tháng 8, giá niêm yết của một cái ti vi tại siêu thị điện máy là 20 triệu đồng. Đến tháng 9, siêu thị giảm 10 % cho mỗi cái ti vi. Sang tháng 10, siêu thị tiếp tục giảm giá thêm 15% (so với giá của tháng 9). a/ Tính giá của một cái ti vi vào tháng 10. b/ Hỏi giá tiền của ti vi ở tháng 10 giảm bao nhiêu phần trăm so với tháng 8. Giải	

	a/ Giá của ti vi vào tháng 10 là $20 \cdot 90\% \cdot 85\% = 15,3 \text{ (triệu)}$ b/ Số phần trăm cần tìm là $1 - \frac{15,3}{20} = 0,235 = 23,5 \%$	0,5 0,5
5 (2,0 điểm)	 a/ Chứng minh rằng $m \parallel n$ Có $m \perp CD$; $n \perp CD$ nên $m \parallel n$ b/ Tính $\widehat{CAB}$ Có $m \parallel n$ $\Rightarrow \widehat{CAB} = \widehat{ABn} \text{ (so le trong)}$ mà $\widehat{ABn} = 72^\circ$ nên $\widehat{CAB} = 72^\circ$	0,5 0,5 0,5 0,5
6 (2,0 điểm)	Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ lần lượt là: Chiều dài 12,5m, chiều rộng 5m, chiều sâu 2,5m.	



a) Tính thể tích của hồ bơi.

$$2,5 \cdot 12,5 \cdot 5 = 156,25 \text{ m}^3$$

b) Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh).

$$(12,5 + 5) \cdot 2 \cdot 2,5 + 12,5 \cdot 5 = 150 \text{ m}^2$$

1,0

1,0

---Hết---

A - KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ. (18 tiết)	Các phép tính với số hữu tỉ.		Bài 1: (1,5đ) 1a, 1b			30%
		Tìm số hữu tỉ x			Bài 2: (1,5đ) 2a, 2b		
2	Các hình khối trong thực tiễn. (14 tiết)	Hình hộp chữ nhật			Bài 5: (0,75đ) 1a	Bài 5: (0,75đ) 1b	15%
3	Toán thực tế	Bài toán về tăng (giảm) giá				Bài 4: (1đ) 1	20%
		Bài toán về tính tiền điện, nước.	Bài 3: (1đ) 1				
4	Thống kê	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Bài 6: (1đ) 1				20%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	Bài 7: (1đ) 1				
5	Các hình học cơ bản (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.		Bài 8: (0,75đ) 1			15%
		Hai đường thẳng song song.		Bài 8: (0,75đ) 1			
Tổng: Số câu			3	4	3	2	12
Điểm			3đ	3đ	2,25đ	1,75đ	10đ
Tỉ lệ %			30%	30%	22,5%	17,5%	
Tỉ lệ chung			60%		40%		

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ.	Số hữu tỉ. các phép tính với số hữu tỉ. Tìm số hữu tỉ x	Nhận biết: -Nhận biết được số hữu tỉ – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ – Nhận biết được thứ tự các bước thực hiện trong bài toán tìm giá trị x.	Bài 3	Bài 1a, 1b	
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, căn bậc hai, giá trị tuyệt đối trong tập hợp số hữu tỉ. - Biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).			
			Vận dụng: -Vận dụng giá trị tuyệt đối trong bài toán tìm x – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến tăng, giảm giá, bài toán tính tiền điện,...).			Bài 2a, 2b
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Hình hộp chữ nhật	Nhận biết: -Nhận biết được một số yếu tố cơ bản của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.			
			Thông hiểu: –Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.		Bài 5a, 5b	
			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích			

			xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.				
3	Các hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.		Bài 8a, 8b		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.				
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Thông hiểu : Giải thích được tính hợp lý của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lý, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lý của các quảng cáo;...). Vận dụng:Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.	Bài 6 Bài 7			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ hình quạt tròn, đoạn thẳng.	Nhận biết: Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.				

Bài 1: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{5}{9} - \frac{1}{6} : \frac{3}{2}$

b) $\sqrt{\frac{16}{49}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^3 - \left|-\frac{4}{7}\right| - \frac{7}{8}$

Bài 2: (1,5 điểm) Tìm x biết

a) $x - \frac{1}{4} = \frac{2}{5}$

b) $\frac{7}{3} - \frac{1}{9}x = \frac{1}{6}$

Bài 3: (1 điểm) Định mức giá điện sinh hoạt năm 2021 như sau:

Số điện (kwh)	Giá bán điện (đồng/ kwh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kwh	1678
Bậc 2: Từ 51 – 100 kwh	1734
Bậc 3: Từ 101 – 200 kwh	2014
Bậc 4: Từ 201 – 300 kwh	2536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kwh	2834
Bậc 6: Từ 401 kwh trở lên	2927

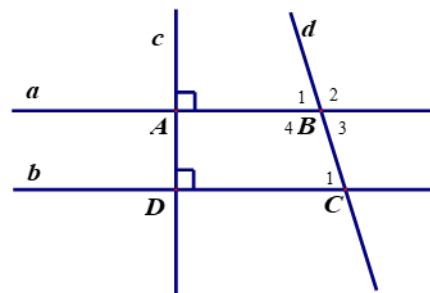
Trong tháng 10/2021, nhà bạn Hiếu sử dụng hết 165 kwh điện. Tính tiền điện nhà bạn Hiếu phải trả. Biết rằng thuế giá trị gia tăng là 10%. (Kết quả làm tròn đến hàng nghìn).

Bài 4: (1,0 điểm) (VDC). Cô Lan mua ba món hàng ở một siêu thị: Món hàng thứ nhất giá 250 000 đồng và được giảm giá 25%; món hàng thứ hai giá 180 000 đồng và được giảm giá 15%; món hàng thứ ba được giảm giá 20%. Tổng số tiền cô Lan phải thanh toán cho siêu thị là 504 500 đồng. Hỏi giá tiền món hàng thứ ba lúc chưa giảm giá là bao nhiêu?

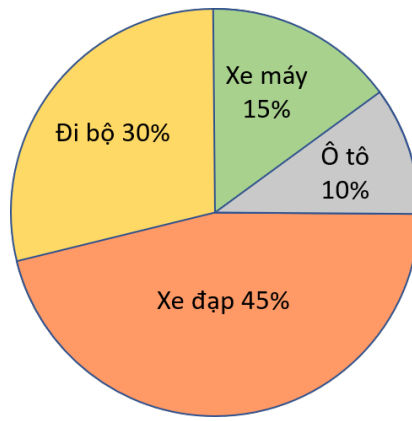
Bài 5: (1,5 điểm) Cho hình vẽ và cho biết:

a) Vì sao $a \parallel b$?

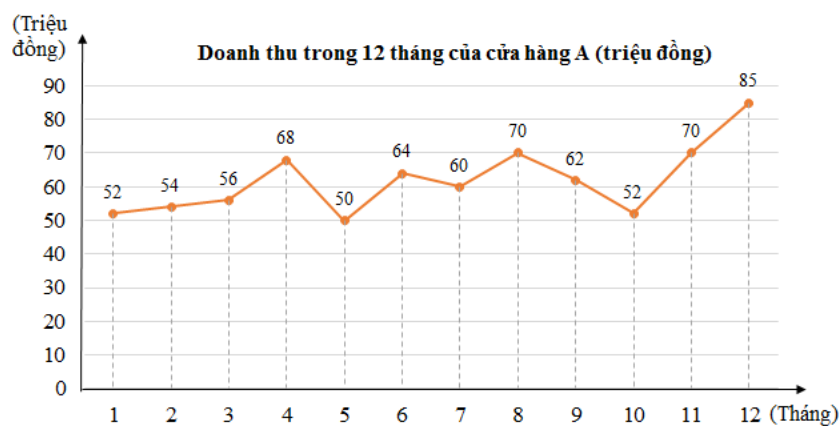
b) Biết $\hat{C}_1 = 75^\circ$. Tính số đo góc B_2



Bài 6: (1,0 điểm) Tỷ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học. Hãy lập bảng thống kê tương ứng



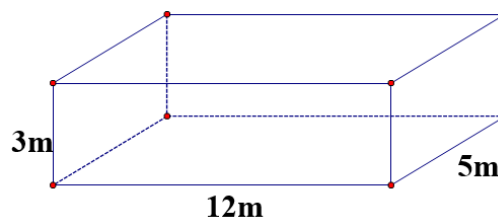
Bài 7: (1 điểm) (NB) Quan sát biểu đồ sau rồi trả lời câu hỏi



- Tháng nào cửa hàng có doanh thu nhiều nhất?
- Vào tháng 4 doanh thu của cửa hàng là bao nhiêu?

Bài 8 : (1,5 điểm) Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 12m, chiều rộng 5m, chiều sâu 3m.

- Tính thể tích của hồ bơi.
- Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh).
- Biết gạch hình vuông dùng để lát hồ bơi có cạnh 50cm. Hỏi cần mua bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.



Hết.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài 1 (1,5 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{5}{9} - \frac{1}{6} : \frac{3}{2} = \frac{5}{9} - \frac{1}{6} \cdot \frac{2}{3} = \frac{5}{9} - \frac{1}{9} = \frac{4}{9}$	0,75
b) $\sqrt{\frac{16}{49}} + \left(-\frac{1}{2}\right)^3 - \left -\frac{4}{7}\right - \frac{7}{8} = \frac{4}{7} + \frac{1}{8} - \frac{4}{7} - \frac{7}{8} = \frac{1}{8} - \frac{7}{8} = \frac{-3}{4}$	0,75

Bài 2 (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $x - \frac{1}{4} = \frac{2}{5}$ $x = \frac{2}{5} + \frac{1}{4}$ $x = \frac{13}{20}$	0,25 0,25	b) $\frac{7}{3} - \frac{1}{9}x = \frac{1}{6}$ $\frac{1}{9}x = \frac{7}{3} - \frac{1}{6}$ $\frac{1}{9}x = \frac{13}{6}$ $x = \frac{13}{6} : \frac{1}{9}$ $x = \frac{39}{2}$	0,25 0,25 0,25 0,25
--	------------------	--	--

Bài 3 (1,0 điểm)

Ta có: $165 = 50 + 50 + 65$ Tiền điện (chưa tính thuế GTGT) là: $50.1678 + 50.1734 + 65.2014 = 301510$ (đồng)..... Tiền thuế GTGT là: $301510.10\% = 30151$ (đồng)..... Số tiền nhà bạn Hiếu phải trả là:..... $301\ 510 + 30\ 151 = 331\ 661$ đồng ≈ 332000 đồng..... Vậy nhà bạn Hiếu phải trả là 332 000 đồng.....	0,25 0,25 0,25 0,25
--	--

Bài 4 (1,0 điểm)

Giá tiền món thứ 3 là:	0,25
------------------------	------

$504500 - (275000 \cdot 75\% + 180000 \cdot 85\%) = 164000(\text{đồng})$	0,25
Giá ban đầu của món 3 là:	0,25
$164000 : 80\% = 205000(\text{đồng})$	0,25

Bài 5 (1,5 điểm)

	a) $a \perp c$ $b \perp c$ $\Rightarrow a \parallel b$	0,25 0,25
b) Tính $\widehat{B_2}$		
Có $a \parallel b \Rightarrow \widehat{C_1} = \widehat{B_3}$ (2 góc so le trong)		0,25
Mà $\widehat{C_1} = 75^\circ \Rightarrow \widehat{B_3} = 75^\circ$		0,25
Có $\widehat{B_2} + \widehat{B_3} = 180^\circ$		0,25
$\widehat{B_2} + 75^\circ = 180^\circ$		
$\Rightarrow \widehat{B_2} = 180^\circ - 75^\circ = 105^\circ$		0,25

Bài 6 (1,0 điểm)

Tỉ lệ phần trăm các phương tiện được sử dụng để đến trường của các em học sinh của một trường học.

Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe máy	Ô tô
Tỉ lệ phần trăm	30%	45%	15%	10%
	0,25	0,25	0,25	0,25

Bài 7(1,0 điểm)

- Tháng 12 cửa hàng có doanh thu nhiều nhất.
- Vào tháng 4 doanh thu của cửa hàng là 68 triệu đồng.

Bài 8 (1,5 điểm)

a. Thể tích của hồ bơi $V = a.b.h = 12.5.3 = 180m^3$	0,25
b. - Diện tích xung quanh của hồ bơi hình chữ nhật là : $S_{xq} = 2.(a + b).h$ $= 2.(12 + 5).3$ $= 102 m^2$	0,25
- Diện tích mặt trên của hồ bơi là hình chữ nhật là: $S = a.b = 12 . 5 = 60 m^2$	0,25
- Diện tích cần lát gạch là: $102 - 60 = 42 m^2$	
c. Số viên gạch để lát hồ bơi là $42 : 0,5 = 84$	0,25
Vậy	0,25
	0,25

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP HẠ

ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ 1

Năm học 2023 - 2024

Môn: TOÁN 7

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát
đề)

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKI TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Các phép tính với số hữu tỉ.	Số câu: 3 (Bài 1a, b, 2a) Điểm: (1,5 đ)	Số câu: 3 (Bài 1c, d, 2b) Điểm: (1,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 3) Điểm: (1,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 2c) Điểm: (0,5 đ)	50
2	Chủ đề 2: Các hình khối trong thực tiễn.	Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.	Số câu: 1 (Bài 4a) Điểm: (0,5 đ)		Số câu: 1 (Bài 4b) Điểm: (0,5 đ)	Số câu: 1 (Bài 4c) Điểm: (0,5 đ)	15
3	Chủ đề 3: Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt, hai đường thẳng song song	Số câu: 1 (Bài 6a) Điểm: (1 đ)	Số câu: 1 (Bài 6b) Điểm: (1,5 đ)			25
4	Chủ đề 4: Một số yếu tố thống kê	Biểu đồ hình quạt tròn	Số câu: 1 (Bài 5) Điểm: (1 đ)				10
Tổng: Số câu			6	4	2	2	14
Điểm			4,0	3,0	2,0	1,0	10
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%		100

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HKI TOÁN 7

STT	Chương/ Chủ đề	Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ.	Nhận biết: – Biết thực hiện được các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ hoặc tìm x trong trường hợp đơn giản.	3 TL (Bài 1a, b, 2a)			
			Thông hiểu: – hiểu và thực hiện được các phép tính trong tập hợp số hữu tỉ hoặc tìm x		3TL (Bài 1c, d,2b)		
			Vận dụng: – Vận dụng các phép tính với số hữu tỉ trong bài toán thực tế			1TL (Bài 3)	
			Vận dụng cao: – Vận dụng các phép tính với số hữu tỉ trong bài toán tìm x				1TL (Bài 2c)
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.	Nhận biết: Thể tích hình hộp chữ nhật	1TL (Bài 4a)			
			Vận dụng: Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh của HHCN giải quyết bài toán thực tế			1TL (Bài 4b)	

			Vận dụng cao: Vận dụng công thức tính diện tích xung quanh của HHCN giải quyết bài toán thực tế có mức độ cao			1TL (Bài 4c)
3	Góc và đường thẳng song song	Các góc ở vị trí đặc biệt, hai đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết hai đường thẳng song song	1TL (Bài 6a)		
			Thông hiểu: - Hiểu tính chất hai đường thẳng song song, tính được số đo góc - Hiểu định nghĩa hai góc kề bù.		1TL (Bài 6a)	
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT						
4	Một số yếu tố thống kê	Biểu đồ hình quạt tròn	Nhận biết: Biết phân tích dữ liệu trên biểu đồ hình quạt tròn	1NB (Bài 5)		

ĐỀ

Bài 1 (2đ): Thực hiện phép tính

a/ $-0,25 + \frac{2}{3} - 1\frac{1}{4}$

b/ $\frac{-25}{8} \cdot \frac{5}{4} + \frac{17}{8} \cdot \frac{5}{4}$

c/ $3\frac{1}{2} - \left(\frac{-1}{3}\right)^2 : \frac{4}{9}$

d/ $\frac{6}{7} : \left(\frac{3}{26} - \frac{3}{13}\right) + \frac{6}{7} : \left(\frac{1}{10} - \frac{8}{5}\right)$

Bài 2 (1,5đ): Tìm x

a/ $x - \frac{1}{7} = 1\frac{2}{7}$

b/ $\frac{3}{2} - \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$

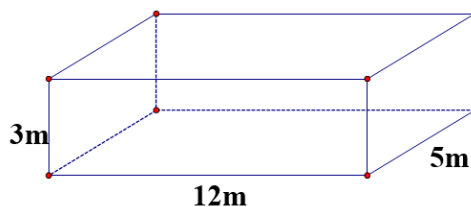
c/ $9^{x+2} + 9^x = 82$

Bài 3 (1,5đ): Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 15% so với giá niêm yết cho tất cả các mặt hàng

a/ Tính giá của tivi sau khi giảm giá? Biết rằng giá niêm yết của một chiếc ti vi tại cửa hàng đó là 14 000 000 đồng.

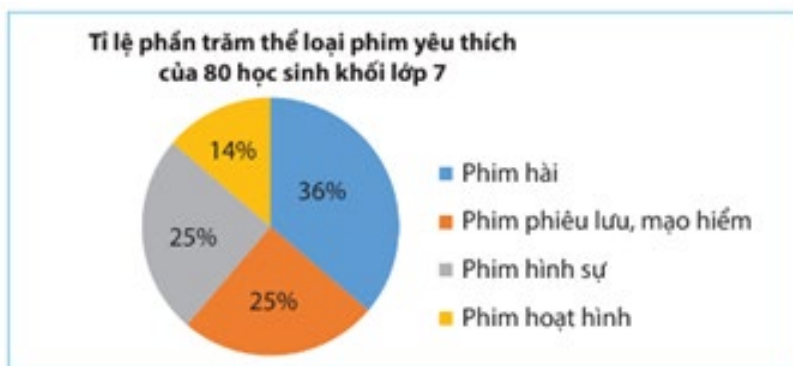
b/ Bà tư đến cửa hàng mua một chiếc tivi và một chiếc máy lạnh được cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 22 100 000 đồng. Tính giá niêm yết của máy lạnh?

Bài 4 (1,5đ): Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 12m, chiều rộng 5m, chiều sâu 3m.



- a/ Tính thể tích của hồ bơi.
- b/ Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ (mặt đáy và 4 mặt xung quanh).
- c/ Biết gạch hình vuông dùng để lát hồ bơi có cạnh 50cm. Hỏi cần mua bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.

Bài 5 (1đ): Quan sát biểu đồ và phân tích biểu đồ theo các yếu tố sau:



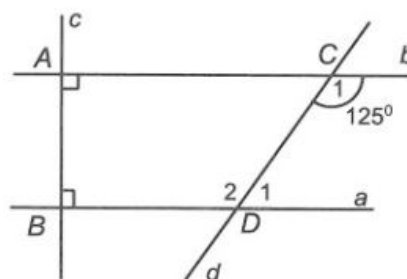
- a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?
- b) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn? Đối tượng nào chiếm tỉ lệ phần trăm cao nhất?

Bài 6 (2,5đ): Cho hình vẽ bên:

Biết $\widehat{C_1} = 125^\circ$; $c \perp a$ và $c \perp b$.

a) Vì sao $a \parallel b$?

b) Tính $\widehat{D_1}$ và $\widehat{D_2}$



-HẾT-

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2đ)	$a/ -0,25 + \frac{2}{3} - 1\frac{1}{4}$ $= -\frac{1}{4} + \frac{2}{3} - \frac{5}{4} = \frac{-5}{6}$ $b/$ $\frac{-25}{8} \cdot \frac{5}{4} + \frac{17}{8} \cdot \frac{5}{4}$ $= \frac{5}{4} \left(\frac{-25}{8} + \frac{17}{8} \right)$ $= \frac{5}{4} \cdot 1$ $= \frac{5}{4}$ $c/ 3\frac{1}{2} - \left(\frac{-1}{3} \right)^2 : \frac{4}{9}$ $= \frac{7}{2} - \frac{1}{9} : \frac{4}{9}$ $= \frac{7}{2} - \frac{1}{4}$ $= \frac{13}{4}$ $d/ \frac{6}{7} : \left(\frac{3}{26} - \frac{3}{13} \right) + \frac{6}{7} : \left(\frac{1}{10} - \frac{8}{5} \right)$ $= \frac{6}{7} : \frac{-3}{26} + \frac{6}{7} : \frac{-3}{2}$ $= \frac{6}{7} \cdot \left(\frac{-26}{3} + \frac{-2}{3} \right)$ $= \frac{6}{7} \cdot \frac{-28}{3}$ $= -8$	0,25+0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
	$a/ x - \frac{1}{7} = 1\frac{2}{7}$ $x = \frac{9}{7} + \frac{1}{7}$ $x = \frac{10}{7}$ $b/ \frac{3}{2} - \frac{4}{5}x = \frac{5}{6}$	0,25 0,25 0,25

	b/ Có 4 thể loại phim được chọn: phim hài; phim phiêu lưu, mạo hiểm; phim hình sự; phim hoạt hình. Phim hài có tỉ lệ yêu thích cao nhất.	0,25 0,25
Bài 6 (2,5đ):	a) Ta có: $\left. \begin{array}{l} a \perp c \\ b \perp c \end{array} \right\} \Rightarrow a // b$ b) Vì $a // b$ nên $\widehat{D_2} = \widehat{C_1} = 125^0$ (hai góc so le trong) $\widehat{D_2} + \widehat{D_1} = 180^0$ (hai kề bù) $125^0 + \widehat{D_1} = 180^0$ $\widehat{D_1} = 180^0 - 125^0$ $\widehat{D_1} = 55^0$	1 0,75 0,5 0,25

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
KHỐI 7 – MÔN TOÁN

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Nội dung : Các phép tính với số hữu tỉ.	Số câu: 1 (Bài 1 a) Điểm: 0,75đ				0,75
			Số câu: 1 (Bài 2a) Điểm: 0,5đ	Số câu: 1 (Bài 2 c) Điểm: 1 đ	Số câu: 1 (Bài 5) Điểm: 1 đ	Số câu: 1 (Bài 1c) Điểm: 1đ	3,5
2	Chủ đề 2: Số thực	Nội dung : Các phép tính với số thực, làm tròn số		Số câu: 2 (Bài 1b, bài 2 b) Điểm: 1,75đ	Số câu: 1 (Bài 4) Điểm: 1đ		2,75
3	Chủ đề 3: Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung : Hình hộp chữ nhật	Số câu: 1 (Bài 3) Điểm: 1 đ				1
4	Chủ đề 4: Góc và đường thẳng song song	Nội dung : Tia phân giác, hai góc kề bù	Số câu: 1 (Bài 6a) Điểm: 1 đ			Số câu: 1 (Bài 6b) Điểm: 1 đ	2
Tổng: Số câu Điểm			4 3,25	3 2,75	2 2	2 2	10
Tỉ lệ %			32,5%	27,5%	20%	20%	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
KHỐI 7 – MÔN TOÁN

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ.	Nội dung : Các phép tính với số hữu tỉ.	Nhận biết: Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ.	Bài 1a,		
			Thông hiểu: – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tìm x		Bài 2	
			Vận dụng: Vận dụng các phép tính về số hữu tỉ để giải bài toán thực tế			Bài 5
			Vận dụng cao – Vận dụng tính chất lũy thừa trong tính toán			Bài 1c
	Số thực	Nội dung: Số thực, làm tròn số	Thông hiểu: Thực hiện phép tính	Bài 1b		
			Vận dụng Vận dụng giải bài toán thực tế tính điểm trung bình			Bài 4
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG						
2	Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung : Hình hộp chữ	Nhận biết: – Tính được thể tích của hình hộp chữ nhật	Bài 3a		
			Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.			Bài 3b
3		Nội dung :	Thông hiểu: – Tính được góc dựa vào 2 góc kề bù.	Bài 6a		

		Các góc và đường thẳng song song.	Vận dụng cao: – Dựa vào tia phân giác để tính góc				Bài 6b
--	--	--	--	--	--	--	--------

Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian giao đề)

Bài 1: (2,5 điểm) Thực hiện phép tính :

a) $\frac{1}{9} + \frac{3}{4} \cdot \frac{-4}{9}$

b) $(\frac{-1}{2})^2 \cdot 4 + \sqrt{\frac{4}{25}} : (\left|\frac{-1}{2}\right| + \frac{3}{4})$

c) $\frac{25^7 \cdot 2^{15}}{8^5 \cdot 5^{12}}$

Bài 2: (2,5 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:

a) $x - \frac{1}{5} = \frac{14}{5}$

b) $\left|x + \frac{3}{2}\right| - \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$

c) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5}x = 0,25$

Bài 3: (1 điểm).

Một hộp sữa có dạng hình hộp chữ nhật với các kích thước của đáy dưới là 4 cm, 5 cm và chiều cao là 12 cm.

a) Tính thể tích của hộp sữa đó.

b) Tính diện tích giấy catton dùng để làm vỏ hộp sữa. (coi như phần mép hộp không đáng kể)



Bài 4: (1 điểm).

Điểm kiểm tra môn Toán của bạn Hùng trong học kì 1 như sau:

Điểm đánh giá thường xuyên 1: 8, 7, 9

Điểm đánh giá giữa kì I: 9

Điểm đánh giá cuối kì I: 8,5

Hãy tính điểm trung bình môn Toán của Hùng và làm tròn đến hàng phần mười.

Bài 5: (1 điểm).

Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thể thành viên sẽ được giảm 10% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn An có thể thành viên, bạn mua ba chiếc áo sơ mi, mỗi chiếc áo có giá 250.000 đồng và một quần tây giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người bán hàng 1 triệu đồng. Hỏi bạn An được thối lại bao nhiêu tiền?

Bài 6: (2 điểm). Vẽ hai góc kề bù góc xOy và góc yOz biết góc $xOy = 50^\circ$

a) Tính $\widehat{yOz}$.

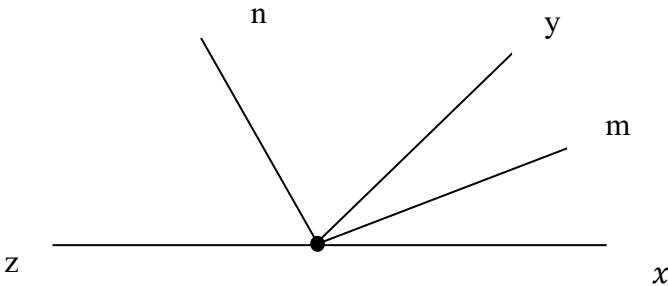
b) Vẽ Om là tia phân giác của $\widehat{xOy}$, On là tia phân giác của $\widehat{yOz}$. Tính góc mOn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHƯỚC VĨNH AN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
KHỐI 7 – MÔN TOÁN

Bài	Đáp án	Điểm
1 (2,5đ)	a (0,75 điểm): $\frac{1}{9} + \frac{3}{4} \cdot \frac{-4}{9}$	
	$= \frac{1}{9} + \frac{-1}{3}$	0.25
	$= \frac{1}{9} + \frac{-3}{9}$	0,25
	$= \frac{-2}{9}$	0.25
	b (0,75 điểm). $(\frac{-1}{2})^2 \cdot 4 + \sqrt{\frac{4}{25}} : (\left \frac{-1}{2}\right + \frac{3}{4})$	
	$= \frac{1}{4} \cdot 4 + \frac{2}{5} : (\frac{1}{2} + \frac{3}{4})$	0.25
	$= 1 + \frac{2}{5} : \frac{5}{4}$	0,25
	$= 1 + 8 = 9$	0.25
	c (1 điểm). $\frac{25^7 \cdot 2^{15}}{8^5 \cdot 5^{12}}$	
	$= \frac{(5^2)^7 \cdot 2^{15}}{(2^3)^5 \cdot 5^{12}} = \frac{5^{14} \cdot 2^{15}}{2^{15} \cdot 5^{12}}$	0.25 + 0,25
2 2,5đ	$= \frac{5^2 \cdot 1}{1 \cdot 1}$	0.25
	$= 25$	0,25
	a) $x - \frac{1}{5} = \frac{14}{5}$ (0,5 điểm).	
	$x = \frac{14}{5} + \frac{1}{5}$	0.25

	$x = 3$	0.25
	b) $\left x + \frac{3}{2}\right - \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$ (1 điểm).	
	$\left x + \frac{3}{2}\right = \frac{3}{4} + \frac{1}{4}$	0,25
	$\left x + \frac{3}{2}\right = 1$	0,25
	$\left x + \frac{3}{2}\right = 1$ hoặc $\left x + \frac{3}{2}\right = -1$	0,25
	$x = \frac{-1}{2}$ hoặc $x = \frac{-5}{2}$	0,25
	c) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5}x = 0,25$ (1 điểm).	
	$\frac{3}{5}x = \frac{1}{4} - \frac{2}{5}$	0.25
	$\frac{3}{5}x = \frac{-3}{20}$	0.25
	$x = \frac{-3}{20} : \frac{3}{5}$	0,25
	$x = \frac{-1}{4}$	0,25
3	a) Thể tích hộp sữa: $V = 4.5.12 = 240(\text{cm}^3)$	0.5
1đ	a) Diện tích giấy catton dùng làm vỏ hộp sữa $2.(4 + 5).12 + 2.4.5 = 256(\text{cm}^2)$.	0.5
4 1đ	Điểm trung bình môn Toán của Hùng : $\frac{(8 + 7 + 9) + 9.2 + 8,5.3}{8} \approx 8,4$	1
5 1đ	Số tiền của bạn An khi mua 3 chiếc áo sơ mi và 1 quần tây sau khi giảm giá là: $(100\% - 10\%) . (3 . 250\,000 + 350\,000) = 990\,000$ (đồng)	0.5

	Số tiền bạn An được thối lại là $1\,000\,000 - 990\,000 = 10\,000$ (đồng)	0,5
6 (2đ)		Vẽ hình Câu a: 0,25 đ Câu b: 0,25 đ
	Ta có $\widehat{xOy}; \widehat{yOz}$ là hai góc kề bù nên: $yOz = 180^\circ - xOy = 180^\circ - 50^\circ = 130$	0,5
	Vì Om là tia phân giác của $\widehat{xOy}$ nên $mOy = \frac{xOy}{2} = \frac{50^\circ}{2} = 25^\circ$	0,25
	Vì On là tia phân giác của yOz nên $nOy = \frac{zOy}{2} = \frac{130^\circ}{2} = 65^\circ$	0,25
	Ta có mOy, nOy là hai góc kề nhau nên: $mOn = mOy + nOy = 25^\circ + 65^\circ = 90^\circ$	0,5

Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần

A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HK I TOÁN 7 (HÌNH THỨC TỰ LUẬN)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			TL	TL	TL	TL	
1	Chủ đề 1: Số hữu tỉ.	Nội dung 1: Các phép tính với số hữu tỉ.	Số câu: 0,5 Số điểm: 1 %: 10	Số câu: 0,5 Số điểm: 1 %: 10	Số câu: $\frac{3}{4}$ Số điểm: 1,5 %: 15	Số câu: $\frac{1}{4}$ Số điểm: 0,5 %: 5	Số câu: 2 Số điểm: 4 %: 40
		Nội dung 2: Vận dụng kiến thức để giải các bài toán thực tế: giảm giá, ...			Số câu: 1 Số điểm: 2 %: 20		Số câu: 1 Số điểm: 2 %: 20
3	Chủ đề 3: Các hình khối trong thực tiễn	Nội dung 1: Hình hộp chữ nhật và hình lập phương			Số câu: 2 Số điểm: 2,5 %: 25		Số câu: 2 Số điểm: 2,5 %: 25
		Nội dung 2: Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác					
4	Chủ đề 4: Góc và đường thẳng song song	Nội dung : Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc		Số câu: 1 Số điểm: 1,5 %: 15			Số câu: 1 Số điểm: 1,5 %: 15
Tổng:			Số câu: 0,5 Số điểm: 1 %: 10	Số câu: 1,5 Số điểm: 2,5 %: 25	Số câu: $\frac{15}{4}$ Số điểm: 6 %: 55	Số câu: $\frac{1}{4}$ Số điểm: 0,5 %: 5	Số câu: 6 Số điểm: 10 %: 100

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	Số câu: 0,5 Số điểm: 1 %: 10	Số câu: 0,5 Số điểm: 1 %: 10	Số câu: $\frac{3}{4}$ Số điểm: 1,5 %: 15	Số câu: $\frac{1}{4}$ Số điểm: 0,5 %: 5
2	Số thực	Căn bậc hai số học Thông hiểu: - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay				
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, ...).			Số câu: 2 Số điểm: 2,5 %: 25	
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác Nhận biết – Tính được thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. - Tính thể tích và diện tích toan phần hình lăng trụ đứng.				

4	Các hình học cơ bản	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	<i>Nhận biết :</i> – Tính được số đo của một góc bằng cách sử dụng tính chất tia phân giác.		Số câu: 1 Số điểm: 1,5 %: 15		
5	Bài toán thực tế	<i>Mua hàng giảm giá</i>	<i>Thông hiểu:</i> Tính được số tiền khi giảm giá 1 lần và giảm giá 2 lần			Số câu: 1 Số điểm: 2 %: 20	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHỈ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
AN NHƠN TÂY

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: TOÁN - LỚP 7
Thời gian: 90 phút

Câu 1: (2,0 điểm) Thực hiện phép tính

a) $\frac{1}{2} \cdot \frac{2}{3} + \frac{4}{3}$ b) $\frac{4}{3} \cdot \left(\left| -\frac{3}{2} \right| - \frac{5}{3} \right)$ c) $\left(\frac{3}{2} - \frac{1}{3} \right)^2 - \sqrt{\frac{4}{9}}$ d) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{7} + \frac{-5}{6} \cdot \frac{3}{7}$

Câu 2: (2,0 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - \frac{4}{3} = \frac{3}{2}$ b) $\left(x - \frac{2}{5} \right) : \frac{4}{3} = \frac{3}{2}$ c) $\left| x - \frac{2}{3} \right| + \frac{1}{3} = \frac{3}{2}$ d) $\frac{125}{5^x} = 5$

Câu 3: (2,0 điểm) Nhân ngày 20/11 cửa hàng bán quà lưu niệm giảm 10% cho các loại quà và hoa. Nếu khách hàng mua vừa quà và hoa thì giảm tiếp 5% trên giá đã giảm.

a) Bạn Nam mua 01 món quà có ghi giá 300 000 đồng, khi đó bạn Nam phải trả bao nhiêu tiền?

b) Mẹ bạn Nhân mua 1 món quà với giá 250 000 đồng và bó hoa có giá 200 000 đồng thì Mẹ bạn Nhân phải trả bao nhiêu tiền?

Câu 4: (1,0 điểm) Để lát một mảnh sân hình vuông có diện tích 100 m² người ta cần dùng bao nhiêu viên gạch hình vuông có cạnh dài 50 cm (coi các mạch ghép là không đáng kể)?

Câu 5: (1,5 điểm) Một hộp sữa tươi có dạng hình hộp chữ nhật với dung tích 180 ml, chiều cao 14 cm, chiều rộng 3,2 cm.

a) Tính chiều dài của hộp sữa (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

b) Tính diện tích vật liệu dùng để làm vỏ hộp sữa? (Coi như phần mép hộp không đáng kể).



Câu 6: (1,5 điểm)

a) Vẽ $\widehat{xOy}$ có số đo là 110°.

b) Vẽ tia phân giác của $\widehat{xOy}$ trong câu a.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)		
a	$\frac{1}{2} \cdot \frac{2}{3} + \frac{4}{3}$	0,25
	$= \frac{1}{3} + \frac{4}{3}$ $= \frac{5}{3}$	0,25
b	$\frac{4}{3} \cdot \left(\left -\frac{3}{2} \right - \frac{5}{3} \right)$	0,25
	$= \frac{4}{3} \cdot \left(\frac{3}{2} - \frac{5}{3} \right)$	
	$= \frac{4}{3} \cdot \left(\frac{3}{2} - \frac{5}{3} \right)$	
	$= \frac{4}{3} \cdot \left(\frac{-1}{6} \right)$	0,25
	$= \frac{2}{9}$	
c	$\left(\frac{3}{2} - \frac{1}{3} \right)^2 - \sqrt{\frac{4}{9}}$	
	$= \left(\frac{3}{2} - \frac{1}{3} \right)^2 - \sqrt{\frac{4}{9}}$	0,25
	$= \left(\frac{7}{6} \right)^2 - \frac{2}{3}$	
	$= \frac{25}{36}$	0,25
d	$\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{7} + \frac{-5}{6} \cdot \frac{3}{7}$	0,25
	$= \frac{-5}{6} \cdot \left(\frac{4}{7} + \frac{3}{7} \right)$	
	$= \frac{-5}{6}$	0,25
Câu 2 (2,0 điểm)		
a	$x - \frac{4}{3} = \frac{3}{2}$	
	$\Rightarrow x = \frac{3}{2} + \frac{4}{3}$	0,25
	$\Rightarrow x = \frac{17}{6}$	0,25
b	$\left(x - \frac{2}{5} \right) : \frac{4}{3} = \frac{3}{2}$ $\Rightarrow \left(x - \frac{2}{5} \right) = \frac{3}{2} \cdot \frac{4}{3}$	

	$\Rightarrow x - \frac{2}{5} = 2$ $\Rightarrow x = 2 - \frac{2}{5}$ $\Rightarrow x = -\frac{1}{2}$ Vậy $x = -\frac{1}{2}$	0,25 0,25
c	$\left x - \frac{2}{3} \right + \frac{1}{3} = \frac{3}{2}$ $\Rightarrow \left x - \frac{2}{3} \right = \frac{3}{2} - \frac{1}{3}$ $\Rightarrow \left x - \frac{2}{3} \right = \frac{7}{6}$ $\Rightarrow \begin{cases} x - \frac{2}{3} = \frac{7}{6} \\ x - \frac{2}{3} = -\frac{7}{6} \end{cases}$ $\Rightarrow \begin{cases} x = \frac{7}{6} + \frac{2}{3} \\ x = -\frac{7}{6} + \frac{2}{3} \end{cases}$ $\Rightarrow \begin{cases} x = \frac{11}{6} \\ x = -\frac{1}{2} \end{cases}$ Vậy $x = \frac{11}{6}$ hoặc $x = -\frac{1}{2}$	0,25 0,25
d	$\frac{125}{5^x} = 5$ $\Rightarrow 125 = 5 \cdot 5^x$ $\Rightarrow 5^{x+1} = 5^3$ $\Rightarrow x + 1 = 3$ $\Rightarrow x = 2$ Vậy $x = 2$	0,25 0,25
Câu 3 (2,0 điểm)	a) Số tiền Bạn Nam phải trả khi mua 01 món quà là: $300\,000(1-10\%)$ $= 270\,000$ (đồng) b) Số tiền Mẹ bạn Nhân phải trả khi mua 01 món quà và bó hoa là: $(250\,000 + 200\,000) \cdot (1-10\%) \cdot (1-5\%)$ $= 384\,750$ (đồng)	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 4 (1,0 điểm)	Số viên gạch cần lát là: $100 : (0,5 \cdot 0,5)$ $= 400$ (viên)	0,5 0,5
Câu 5 (1,5 điểm)	a) Chiều dài của hộp sữa: $180\text{ ml} = 180\text{ cm}^3$ $180 : (14,3 \cdot 2) \approx 4$ (cm)	0,75

	b) Diện tích vật liệu dùng để làm vỏ hộp sữa là: $S = S_{xq} + 2 S_{đáy}$ $= (4+3,2) \cdot 2 \cdot 14 + 2 \cdot (4 \cdot 3,2)$ $= 227,2 \text{ cm}^2$	0,75
Câu 6 (1,5 điểm)	a) Vẽ đúng $\widehat{xOy}$ có số đo là 110° . b) Vẽ đúng tia phân giác của $\widehat{xOy}$ trong câu a.	1,0 0,5

Hết.

MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 1 – TOÁN 7 (2023 – 2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	SỐ HỮU TỈ	Các phép tính với số hữu tỉ				4 (Bài 1a,b.Bài 2a,b) (2,5đ)		1 (Bài 1c. (0,75đ)		1 (Bài 2c) (0,75đ)	5,5đ 55%
		Toán ứng dụng thực tế						1 (Bài 3) (1,0đ)			
2	CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	Diện tích xung quanh		1 (Bài 4a) (0,5đ)							1,5đ 15%
		Thể tích						1 (Bài 4b) (1,0đ)			
3	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG	Hai đường thẳng song song		1 (Bài 6a) (1,0đ)							2,0đ 20%
		Các góc ở vị trí đặc biệt						1 (Bài 6b) (1,0đ)			

4	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ	Thu thập và phân loại dữ liệu. Biểu đồ hình quạt tròn. Biểu đồ đoạn thẳng.		2 (Bài 5a, 5b) (1,0đ)		1 (Bài 5c) (0,5đ)					1,0đ 10%
Tổng: Số câu Điểm				4 2,5đ		4 3,0đ		4 3,75đ		1 0,75đ	14 10 đ
Tỉ lệ %			25%		30%		37,5%		7,5%		100%
Tỉ lệ chung			55%				45%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 1 – TOÁN 7(2023 – 2024)

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	SỐ HỮU TỈ	Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: -Thực hiện cộng, trừ phân số có cùng mẫu số Vận dụng: -Thực hiện phối hợp các phép tính cộng, trừ, nhân, chia , lũy thừa các số hữu tỉ Vận dụng cao: -Vận dụng phối hợp các tính chất , quy tắc dấu ngoặc trong tính toán , tìm x		4 (Bài 1a,b.Bài 2a,b)	1 (Bài 1c.)	1 (Bài 2c)
		Toán ứng dụng thực tế	Vận dụng: – Giải quyết các vấn đề thực tế về giảm giá, tăng giá, tính tiền cước gắn với các phép tính về số hữu tỉ			2 (Bài 3,5)	

2	CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	Diện tích xung quanh	Nhận biết: -Nhận diện được hình hộp chữ nhật từ đó tính được diện tích xung quanh của hình có dạng hình hộp chữ nhật	1 (Bài 4a)			
		Thể tích	Vận dụng: -Vận dụng công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật để giải quyết vấn đề thực tế			1 (Bài 4b)	
3	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG	Hai đường thẳng song song	Nhận biết: -Nhận biết được hai đường thẳng song song dựa vào tính chất hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba Vận dụng: -Vận dụng tính chất của hai đường thẳng song song để tính số đo góc	1 (Bài 6a)			
		Các góc ở vị trí đặc biệt	Vận dụng: -Vận dụng tính chất của hai góc kề bù tính số đo góc			1 (Bài 6b)	
4	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ	Thu thập và phân loại dữ liệu. Biểu đồ hình quạt tròn. Biểu đồ đoạn thẳng.	Nhận biết: Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt . Thông hiểu: Hiểu và mô tả lại được các vấn đề liên quan đến các số liệu thu được ở dạng biểu đồ hình quạt	2 (Bài 5a,b)	1 (Bài 5c)		

TỔNG CỘNG: 12câu.

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề thi có 02 trang)

Bài 1(2,0điểm): Thực hiện phép tính

a) $\frac{12}{7} \cdot \frac{-35}{24} + \frac{9}{2}$

b) $\frac{-25}{8} \cdot \frac{5}{7} + \frac{17}{8} \cdot \frac{5}{7}$

c) $\left[\frac{7}{9} - \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2 \right] \cdot \frac{-4}{3}$

Bài 2(2,0điểm): Tìm x

a) $x - \frac{1}{5} = 1\frac{2}{5}$

b) $\frac{5}{6}x - 0,5 = \frac{-3}{4}$

c) $9^{x+2} + 9^x = 82$

Bài 3(1,0điểm): Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 15% so với giá niêm yết cho tất cả các mặt hàng

a) Tính giá của tivi sau khi giảm giá? Biết rằng giá niêm yết của một chiếc ti vi tại cửa hàng đó là 10 000 000 đồng.

b) Bà tư đến cửa hàng mua một chiếc tivi và một chiếc máy lạnh được cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 13 600 000 đồng. Tính giá niêm yết của máy lạnh?

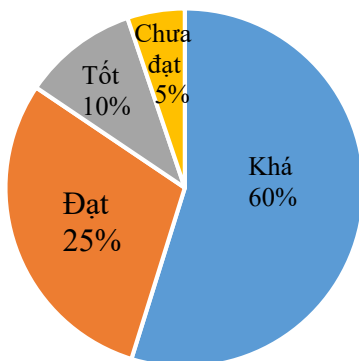
Bài 4(1,5điểm): Một hồ cá có kích thước đáy là 40cm và 80 cm, chiều cao 35cm.

a) Tính diện tích xung quanh của hồ cá

b) Em hãy tính xem cần phải đổ vào hồ cá bao nhiêu lít nước, biết rằng để đảm bảo an toàn khi sử dụng, lượng nước tối đa cho phép đổ vào hồ cá chiếm $\frac{2}{3}$ thể tích hồ(Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)

Bài 5(1,5điểm): Tỷ lệ phần trăm xếp loại học lực học sinh khối 7 được biểu thị như biểu đồ sau. Sử dụng các thông tin từ biểu đồ để trả lời các câu hỏi sau.

Tỷ lệ phần trăm xếp loại học lực học sinh khối 7



a) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?

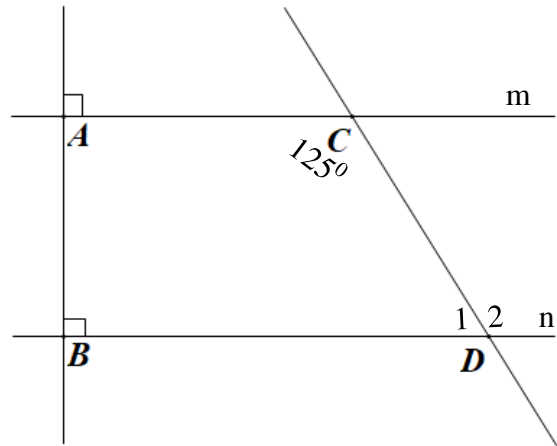
b) Tỷ lệ phần trăm của từng loại học lực so với toàn thể là bao nhiêu?

c) Cho biết lớp khối 7 có 200 học sinh. Tính số học sinh xếp loại học lực Tốt của khối 7.

Bài 6(2,0điểm): Cho hình vẽ:

a) Đường thẳng m có song song với đường thẳng n không? Vì sao?

b) Cho biết $\widehat{ACD} = 125^\circ$. Tính số đo các góc D_1 ?



.....**Hết**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	Ý	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	a	$\frac{12}{7} \cdot \frac{-35}{24} + \frac{9}{2}$ $= \frac{-5}{2} + \frac{9}{2}$ $= 2$	0,25đ 0,25đ
	b	$\frac{-25}{8} \cdot \frac{5}{7} + \frac{17}{8} \cdot \frac{5}{7}$ $= \frac{5}{7} \left(\frac{-25}{8} + \frac{17}{8} \right)$ $= \frac{5}{7} \cdot 1$ $= \frac{5}{7}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	c	$\left[\frac{7}{9} - \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{2} \right)^2 \right] \cdot \frac{-4}{3}$ $= \left[\frac{7}{9} - \left(\frac{-1}{6} \right)^2 \right] \cdot \frac{-4}{3}$ $= \left[\frac{7}{9} - \frac{1}{36} \right] \cdot \frac{-4}{3}$ $= \left[\frac{28}{36} - \frac{1}{36} \right] \cdot \frac{-4}{3}$ $= \frac{3}{4} \cdot \frac{-4}{3}$ $= -1$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
2	a	$x - \frac{1}{5} = 1\frac{2}{5}$ $x = \frac{7}{5} + \frac{1}{5}$ $x = \frac{8}{5}$	0,25đ 0,25đ
	b	$\frac{5}{6}x - 0,5 = \frac{-3}{4}$ $\frac{5}{6}x = \frac{-3}{4} + \frac{1}{2}$ $\frac{5}{6}x = \frac{-1}{4}$ $x = \frac{-1}{4} : \frac{5}{6}$ $x = \frac{-3}{10}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	c	$3^{x+2} + 3^x = 82$ $3^x(9^2 + 1) = 82$ $3^x \cdot 82 = 82$ $3^x = 1$ $3^x = 3^0$ Vậy $x = 0$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
3	a	Giá của ti vi sau khi giảm là : $10\,000\,000 \cdot 85\% = 8\,500\,000$ đồng	0,5đ
	b	Giá của máy lạnh sau khi giảm là : $13\,600\,000 - 8\,500\,000 = 5\,100\,000$ đồng	0,5đ

		Giá niêm yết của máy lạnh: $5\,100\,000 : 85\% = 6\,000\,000$ đồng	0,5đ
4	a	Diện tích xung quanh của hồ cá là: $40.80.35 = 112\,000\text{ cm}^2$	0,5đ
		$40\text{cm} = 4\text{dm}; 80\text{cm} = 8\text{dm}; 35\text{cm} = 3,5\text{dm}$ Số lít nước đổ vào hồ cá là: $\frac{2}{3} \cdot 4.8.3,5 \approx 75$ lít	0,5đ
5		a. Có 4 đối tượng được biểu diễn: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt. b. Tỷ lệ phần trăm học sinh xếp loại học lực : Tốt: 10%. Khá: 60% Đạt: 25% Chưa đạt : 5% c. Số học sinh xếp loại học lực Tốt của khối 7. $200.10\% = 20$ (học sinh)	0,25đ 0,5đ 0,25đ
6	a	a/ Ta có: $m \perp AB, n \perp AB$ $\Rightarrow m \parallel n$	0,5đ 0,25đ
	b	Ta có : $m \parallel n$ $\Rightarrow \widehat{D_2} = 125^\circ$ (2 góc so le trong) Mà $\widehat{D_1} + \widehat{D_2} = 180^\circ$ (2 góc kề bù) $\Rightarrow \widehat{D_1} = 180^\circ - 125^\circ$ $\Rightarrow \widehat{D_1} = 65^\circ$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

Lưu ý: Học sinh giải bằng cách khác đúng vẫn đạt trọn điểm.

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Các phép tính với số hữu tỉ		2 2,0		1 1,0		1 1,0			40
2	Toán thực tế	Giảm giá				1 1,0					20
		Tiền điện					1 1,0				
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương				1 0,5		1 0,5		1 0,5	15
4	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc		1 0,5		1 0,5					20
		Tính góc kề với góc đã cho.			1 1,0						
5	Một số yếu tố thống kê.	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước		1 0,5							5
Tổng: Số câu Điểm				4 3,0		5 4,0		3 2,5		1 0,5	13 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		25%		5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).		1	3	
2	Toán thực tế	<i>Giảm giá</i>	Nhận biết: – Nhận biết được tỉ lệ giảm giá.				

			Thông hiểu: - Tính được số tiền sau khi giảm		1		
		<i>Tiền điện</i>	Nhận biết: – Nhận biết được số điện tiêu thụ ở từng bậc. Vận dụng: – Tính toán chính xác			1	
3	Các hình khối trong thực tiễn	<i>Hình hộp chữ nhật và hình lập phương</i>	Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).		1	1	
4	Các hình học cơ bản	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	Nhận biết : – Nhận biết được tia phân giác của một góc.	1			

			Thông hiểu: - Tính góc kề với góc đã cho		1		
5	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	Thông hiểu : – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...). Vận dụng: – Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn.			1	
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các	Nhận biết: – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.	1			

		<i>bảng, biểu đồ</i>					
	Phân tích và xử lý dữ liệu	<i>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có</i>	<i>Vận dụng:</i> – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) <i>(pie chart)</i> ; biểu đồ đoạn thẳng (<i>line graph</i>).				1

C. ĐỀ

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
Môn: TOÁN – Lớp 7
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Bài 1: (2,0 điểm).

a/ Tính: $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{-3}{2}\right) + \frac{1}{2}$

b) $27 \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^3 + \frac{1}{3}$

Bài 2: (2,0 điểm). Tìm x, biết:

a/ $\frac{3}{5}x - \frac{3}{4} = -1\frac{1}{2}$

b) $\left|x + \frac{1}{2}\right| = \frac{1}{4}$

Bài 3: (1,0 điểm).

Nhân dịp 8/3 cửa hàng đồng giá có chương trình khuyến mãi giảm giá 15% trên tất cả các sản phẩm và những ai là khách hàng nữ mua từ ba sản phẩm trở lên thì được giảm tiếp 10% trên giá đã giảm.

a/ Bạn Lan là nữ, khi mua một đôi giày có giá niêm yết là 500 000 đồng thì phải trả bao nhiêu tiền?

b/ Hỏi bạn Lan khi mua ba đôi giày thì phải trả bao nhiêu tiền?

Bài 4: (1,0 điểm) Giá bán lẻ điện sinh hoạt được cho ở bảng sau:

Bậc	Số (kwh)	Giá (đồng)
1	0-50	1678
2	51-100	1734
3	101-200	2014
4	201-300	2536
5	301-400	2834
6	401 trở lên	2927

Hộ gia đình Ông An trong tháng 10/2022 tiêu thụ hết 225 kwh. Hỏi hộ gia đình Ông An phải thanh toán bao nhiêu tiền điện. Biết thuế VAT là 8%.

Bài 5: (0,5 điểm). Kết quả tìm hiểu về khả năng bơi của các bạn học sinh lớp 7A được cho bởi bảng thống kê sau:

Khả năng bơi	Chưa biết bơi	Biết bơi éch	Biết bơi sải	Biết bơi kiểu khác
Số bạn nữ tự đánh giá	7	5	2	3

- a) Hãy phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.
- b) Dữ liệu trên có đại diện cho khả năng biết bơi của các bạn học sinh lớp 7A hay không?

Bài 6 :(1,5 điểm). Một hồ bơi dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng hồ là: Chiều dài 30m, chiều rộng 10m, chiều sâu 1,9m.

- a/ Tính thể tích của hồ bơi.
- b/ Tính diện tích cần lát gạch bên trong lòng hồ.
- c/ Biết gạch dùng để lát hồ bơi hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi cần mua ít nhất bao nhiêu viên gạch để lát bên trong hồ bơi.

Bài 7. (2 điểm). Trên cùng nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy, Oz sao cho góc xOy bằng 65^0 , góc xOz bằng 130^0 .

- a) Tính số đo góc yOz?
- b) Tia Oy có phải là tia phân giác của góc xOz không? Vì sao?
- c) Vẽ tia Ot là tia đối của tia Ox, tia Om là tia phân giác của góc tOz. Tính số đo góc tOm?

..... Hết

D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn : Toán – Lớp: 7

Bài	Lời giải	Điểm
1 (2 điểm)	a/ ĐS: $\frac{1}{2}$ b/ $\frac{-2}{3}$	1,0 1,0
2 (2 điểm)	a/ $x = \frac{-5}{4}$ b/ $x = \frac{-1}{4}$ hay $x = \frac{-3}{4}$	1,0 1,0
3 (1 điểm)	a/ 425 000 đồng b/ 1 147 500 đồng	0,5 0,5
4 (1 điểm)	Số tiền hộ gia đình ông An thanh toán là: $(50.1678 + 50.1734 + 100.2014 + 25.2536)(100\% + 8\%) = 470\,232$ đồng.	1,0
5 (0,5 điểm)	a/ - Dữ liệu định tính là: khả năng biết bơi. - Dữ liệu định lượng là: số bạn nữ tự đánh giá. b/ - Dữ liệu trên chưa đại diện được cho khả năng biết bơi của học sinh cả lớp 7A vì đối tượng khảo sát còn thiếu các bạn nam.	0,5 0,5
6 (1,5 điểm)	a) Thể tích hồ bơi là: $30.10.1,9 = 570 \text{ (m}^3\text{)}$ b) Diện tích cần lát gạch bên trong hồ: $2.(30+10).1,9 + 30.10 = 452 \text{ (m}^2\text{)}$ c) Diện tích viên gạch là: $0,4.0,4 = 0,16 \text{ (m}^2\text{)}$ Số viên gạch cần dung: $452 : 0,16 = 2825$ (viên)	0,5 0,5 0,5
7 (2,0 điểm)	Vẽ hình chính xác a/ Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz nên $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ $65^\circ + \widehat{yOz} = 130^\circ$ $\widehat{yOz} = 65^\circ$ c/ Tia Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$ vì: Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz và $\widehat{xOy} = \widehat{yOz} = 65^\circ$	1,0 0,5

	$\widehat{xOz} + \widehat{zOt} = 180^0$ $130^0 + \widehat{zOt} = 180^0$ $\widehat{zOt} = 50^0$ Tia Om là phân giác của $\widehat{tOz}$ nên $\widehat{tOm} = \widehat{tOz} : 2 = 25^0$	0,5
--	---	-----

---Hết---

MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 1 – TOÁN 7 (2023 – 2024)

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	SỐ HỮU TỈ	Các phép tính với số hữu tỉ				3 (Bài 1a,b. Bài 2a) (1,75đ)		2 (Bài 1c. Bài 2b) (1,5đ)		1 (Bài 2c) (0,75đ)	6,5đ 65%
		Toán ứng dụng thực tế						2 (Bài 3,5) (2,5đ)			
2	CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	Diện tích xung quanh		1 (Bài 4a) (0,5đ)							1,5đ 15%
		Thể tích						1 (Bài 4b) (1,0đ)			
3	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG	Hai đường thẳng song song		1 (Bài 6a) (0,75đ)							2,0đ 20%
		Các góc ở vị trí đặc biệt						1 (Bài 6b) (1,25đ)			
Tổng: Số câu Điểm				2 1,25đ		3 1,75đ		6 6,25đ		1 0,75đ	12 10 đ
Tỉ lệ %			12,5%		17,5%		62,5%		7,5%		100%
Tỉ lệ chung			30%				70%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI KÌ 1 – TOÁN 7(2023 – 2024)

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	SỐ HỮU TỈ	Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: -Thực hiện cộng, trừ phân số có cùng mẫu số Vận dụng: -Thực hiện phối hợp các phép tính cộng, trừ, nhân, chia , lũy thừa các số hữu tỉ Vận dụng cao: -Vận dụng phối hợp các tính chất , quy tắc dấu ngoặc trong tính toán , tìm x		3 (Bài 1a,b.Bài 2a)	2 (Bài 1c.Bài 2b)	1 (Bài 2c)
		Toán ứng dụng thực tế	Vận dụng: – Giải quyết các vấn đề thực tế về giảm giá, tăng giá, tính tiền điện, cước đt gắn với các phép tính về số hữu tỉ			2 (Bài 3,5)	
2	CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	Diện tích xung quanh	Nhận biết: -Nhận diện được hình hộp chữ nhật, hình lập phương từ đó tính được diện tích xung quanh của hình có dạng hình hộp chữ nhật	1 (Bài 4a)			
		Thể tích	Vận dụng: -Vận dụng công thức tính thể tích của hình hộp chữ nhật , hình lập phương để giải quyết vấn đề thực tế			1 (Bài 4b)	
3		Hai đường thẳng song song	Nhận biết:	1 (Bài 6a)			

	GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG		-Nhận biết được hai đường thẳng song song dựa vào tính chất hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba Vận dụng: -Vận dụng tính chất của hai đường thẳng song song để tính số đo góc				
		Các góc ở vị trí đặc biệt	Vận dụng: -Vận dụng tính chất của hai góc kề bù tính số đo góc			1 (Bài 6b)	

TỔNG CỘNG: 12câu.

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề thi có 02 trang)

1 (2,0 điểm) : Thực hiện phép tính

a) $16 - 25 \cdot \left(-\frac{1}{5}\right)^2$

b) $2 \cdot 1\frac{2}{7} - \frac{4}{7}$

c) $\sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16}$

Bài 2(2,0điểm): Tìm x

a) $\frac{1}{2}x + 0,5 = 1\frac{2}{3}$

b) $5^{x+2} + 5^x = 26$

Bài 3. (1,5điểm): Một cửa hàng nhân dịp khai trương giảm giá 15% so với giá niêm yết cho tất cả các mặt hàng

a/ Tính giá của tivi sau khi giảm giá? Biết rằng giá niêm yết của một chiếc ti vi tại cửa hàng đó là 14 000 000 đồng.

b/Bà tư đến cửa hàng mua một chiếc tivi và một chiếc máy lạnh được cô nhân viên thông báo bác phải trả tất cả 22 100 000 đồng.Tính giá niêm yết của máy lạnh?

Bài 4. (1,5điểm): Một hồ cá có dạng hình lập phương có độ dài cạnh 60 cm

a)Tính diện tích xung quanh của hồ cá

b) Em hãy tính xem cần phải đổ vào hồ cá bao nhiêu lít nước , biết rằng để đảm bảo an toàn khi sử dụng ,lượng nước tối đa cho phép đổ vào hồ cá chiếm $\frac{3}{4}$ thể tích hồ(Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)

Bài 5. (1,0điểm): Bảng giá điện sinh hoạt trong năm 2022 như sau

Bậc	Số Kwh đã sử dụng	Giá (đồng/kwh
1	Từ 0 đến 50	1678
2	Từ 51 đến 100	1734
3	Từ 101 đến 200	2014
4	Từ 201 đến 300	2536
5	Từ 301 đến 400	2834
6	Từ 401 trở lên	2927

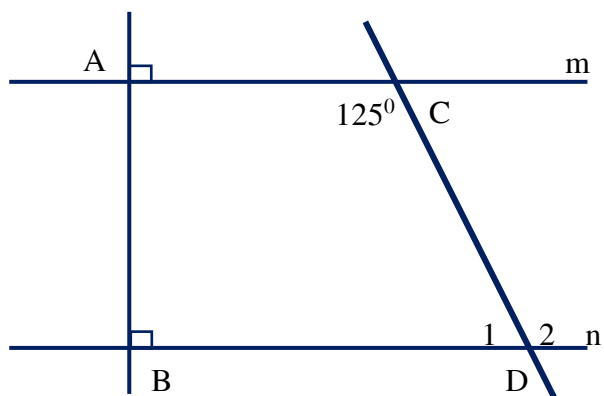
Trong tháng 10/2022 gia đình bạn Minh đã sử dụng 180 kwh thì phải trả bao nhiêu tiền (Số tiền phải trả bao gồm 10% thuế VAT)

Bài 6. (2,0điểm) Cho hình vẽ:

a) Đường thẳng m có song song với đường thẳng n không? Vì sao?

b) Cho biết $\widehat{ACD} = 125^\circ$. Tính số đo các góc D_1 ?

.....**Hết**.....



HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài	ĐÁP ÁN	THANG ĐIỂM
1	$a/16 - 25 \cdot \left(-\frac{1}{5}\right)^2$ $= 16 - 25 \cdot \left(\frac{1}{25}\right)$ $= 16 - 1$ $= 15$	0,25đ 0,25đ
	$b/2 \cdot 1\frac{2}{7} - \frac{4}{7}$ $= 2 \cdot \frac{9}{7} - \frac{4}{7}$ $= \frac{18}{7} - \frac{4}{7}$ $= \frac{14}{7}$ $= 2$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
	$c/\sqrt{81} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + \frac{2}{3} : \sqrt{16}$ $= 9 \cdot \frac{1}{9} + \frac{2}{3} : 4$ $= 1 + \frac{1}{6}$ $= \frac{7}{6}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ
2	a. $\frac{1}{3}x + 0,5 = 1\frac{2}{3}$ $\frac{1}{3}x = \frac{5}{3} - \frac{1}{2}$ $\frac{1}{3}x = \frac{7}{6}$ $x = \frac{7}{6} : \frac{1}{3}$ $x = \frac{7}{2}$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
	$5^{x+2} + 5^x = 26$ $5^x(5^2 + 1) = 26$ $5^x \cdot 26 = 26$ $5^x = 1$ $5^x = 5^0$ Vậy $x = 0$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
3	Giá của ti vi sau khi giảm là : $14\,000\,000 \cdot 85\% = 11\,900\,000 \text{ đồng}$	0,5đ
	Giá của máy lạnh sau khi giảm là : $22\,100\,000 - 11\,900\,000 = 10\,200\,000 \text{ đồng}$ Giá niêm yết của máy lạnh:	0,5đ

	$10\,200\,000 : 85\% = 12\,000\,000$ đồng	0,5đ
4	Diện tích xung quanh của hồ cá là: $60.60.4 = 14\,400\text{ cm}^2$	0,5đ
	$60\text{ cm} = 0,6\text{ dm}$ Số lít nước đổ vào hồ cá là: $\frac{3}{4} \cdot 0,6 \cdot 0,6 \cdot 0,6 = 16,2$ lít	0,5đ 0,5đ
5	Số tiền bạn Minh phải trả là : $(50.1678 + 50.1734 + 80.2014) \cdot 110\% = 364\,892$ đồng	1,0đ
6	a/Ta có: $m \perp AB, n \perp AB$ $\Rightarrow m \parallel n$	0,5đ 0,25đ
	Ta có : $m \parallel n$ $\Rightarrow \widehat{D_2} = 125^\circ$ (2 góc so le trong)	0,25đ
	Mà $\widehat{D_1} + \widehat{D_2} = 180^\circ$ (2 góc kề bù)	0,25đ
	$\Rightarrow \widehat{D_1} = 180^\circ - 125^\circ$	0,25đ
	$\Rightarrow \widehat{D_1} = 55^\circ$	0,25đ

Lưu ý: Học sinh giải bằng cách khác đúng vẫn đạt trọn điểm.